

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 2 - MÔN TOÁN 10**

**Thời gian: 90 phút**

| TT          | Chương/<br>chủ đề                                          | Nội dung/đơn<br>vị kiến thức                   | Mức độ đánh giá |      |    |            |      |    |              |      |    |         |      |    | Tổng |      |      | Tỉ lệ<br>%<br>điểm |
|-------------|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------------|------|----|------------|------|----|--------------|------|----|---------|------|----|------|------|------|--------------------|
|             |                                                            |                                                | TNKQ            |      |    |            |      |    |              |      |    | Tự luận |      |    |      |      |      |                    |
|             |                                                            |                                                | Nhiều lựa chọn  |      |    | Đúng - Sai |      |    | Trả lời ngắn |      |    |         |      |    |      |      |      |                    |
|             |                                                            |                                                | Biết            | Hiểu | VD | Biết       | Hiểu | VD | Biết         | Hiểu | VD | Biết    | Hiểu | VD | Biết | Hiểu | VD   |                    |
| 1           | Chủ đề 1<br>BẤT<br>PHƯƠNG<br>TRÌNH BẬC<br>HAI MỘT<br>ẢN    | Dấu tam thức<br>bậc hai                        | 3               |      |    | 2          |      |    |              |      | 1  |         |      |    | 4    |      | 1    | 15                 |
|             |                                                            | Giải bất phương<br>trình bậc hai<br>một ẩn     | 2               |      |    |            | 1    | 1  |              |      |    |         | 1    | 3  | 1    | 2    | 20   |                    |
|             |                                                            | Phương trình<br>quy về phương<br>trình bậc hai |                 |      |    |            |      |    | 1            |      |    | 1       |      |    | 2    |      | 12,5 |                    |
| 2           | Chủ đề 2<br>ĐẠI SỐ TỔ<br>HỢP                               | Quy tắc cộng và<br>quy tắc nhân                | 2               |      |    |            |      |    |              |      |    |         | 1    |    | 2    | 1    |      | 12,5               |
| 3           | Chủ đề 3<br>PHƯƠNG<br>PHÁP TỌA<br>ĐỘ TRONG<br>MẶT<br>PHẪNG | Toạ độ của<br>vector                           | 2               |      |    | 1          |      |    |              |      | 1  |         |      |    | 3    |      | 1    | 12,5               |
|             |                                                            | Đường thẳng<br>trong mặt phẳng<br>toạ độ       | 1               |      |    | 1          | 1    | 1  |              |      |    |         |      | 1  | 2    | 1    | 2    | 17,5               |
|             |                                                            | Đường tròn<br>trong mặt phẳng<br>toạ độ        | 2               |      |    |            |      |    |              | 1    |    |         |      |    | 2    | 1    |      | 10                 |
| Tổng số câu |                                                            |                                                | 12              | 0    | 0  | 4          | 2    | 2  | 0            | 2    | 2  | 0       | 2    | 2  | 16   | 6    | 6    | 28                 |

|              |     |   |   |     |     |     |    |     |     |    |     |     |     |     |     |     |
|--------------|-----|---|---|-----|-----|-----|----|-----|-----|----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|
| Tổng số điểm | 3.0 | 0 | 0 | 1.0 | 0.5 | 0.5 | 0  | 1.0 | 1.0 | 0  | 1.5 | 1.5 | 4.0 | 3.0 | 3.0 | 10  |
| Tỉ lệ %      | 30  |   |   | 20  |     |     | 20 |     |     | 30 |     |     | 40  | 30  | 30  | 100 |

## BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 2 - MÔN TOÁN 10

| TT | Chương/<br>chủ đề                                       | Nội<br>dung/<br>đơn vị<br>kiến<br>thức | Yêu cầu cần đạt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mức độ đánh giá    |      |    |                                    |           |    |              |                      |    |         |          |    |
|----|---------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|------|----|------------------------------------|-----------|----|--------------|----------------------|----|---------|----------|----|
|    |                                                         |                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | TNKQ               |      |    |                                    |           |    |              |                      |    | Tự luận |          |    |
|    |                                                         |                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Nhiều lựa chọn     |      |    | Đúng - Sai                         |           |    | Trả lời ngắn |                      |    |         |          |    |
|    |                                                         |                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Biết               | Hiểu | VD | Biết                               | Hiểu      | VD | Biết         | Hiểu                 | VD | Biết    | Hiểu     | VD |
| 1  | Chủ đề 1<br>BẤT<br>PHƯƠNG<br>TRÌNH<br>BẬC HAI<br>MỘT ẨN | Dấu tam<br>thức bậc<br>hai             | <b>Biết:</b><br>- Biết được một biểu thức là một tam thức bậc hai.<br>- Biết xét dấu tại một điểm $x_0$ của một tam thức bậc hai.<br>- Tính được biệt thức của một tam thức bậc hai.<br>- Tìm được nghiệm của một tam thức bậc hai.<br>- Tìm được nghiệm của một tam thức bậc hai khi cho đồ thị của hàm số bậc hai tương ứng.<br>- Biết định lí về dấu của tam thức bậc hai.<br><b>Hiểu:</b><br>- Tìm được điều kiện để một biểu thức là một tam thức bậc hai.<br>- Lập được bảng xét dấu của một tam thức bậc hai.<br>- Lập được bảng xét dấu của tam thức bậc hai khi biết đồ thị của hàm số bậc hai tương ứng.<br><b>Vận dụng:</b><br>- Vận dụng việc xét dấu tam thức bậc hai để giải quyết một số bài toán thực tế đơn giản, thường gặp liên quan tới dấu của tam thức bậc hai. | Câu<br>1,2,3<br>TD |      |    | Câu<br>1a<br>TD<br>Câu<br>1b<br>TD |           |    |              | Câu<br>3<br>GQ<br>VĐ |    |         |          |    |
|    |                                                         | Giải bất<br>phương                     | <b>Biết:</b><br>- Biết được một bất phương trình bậc hai.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Câu<br>4,5         |      |    | Câu<br>1c                          | Câu<br>1d |    |              |                      |    |         | Câu<br>3 |    |

|   |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |            |  |  |  |  |       |       |  |             |  |  |             |  |      |
|---|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--|--|--|--|-------|-------|--|-------------|--|--|-------------|--|------|
|   |                               | <b>trình bậc hai một ẩn</b><br><br>- Biết được một nghiệm của một bất phương trình bậc hai.<br><b>Hiểu:</b><br>- Tìm được tập nghiệm của một bất phương trình bậc hai bằng cách lập bảng xét dấu.<br>- Tìm được tập nghiệm của một bất phương trình bậc hai khi biết đồ thị của hàm số bậc hai tương ứng.<br><b>Vận dụng:</b><br>- Vận dụng được bất phương trình bậc hai một ẩn vào giải quyết bài toán thực tiễn (ví dụ: xác định chiều cao tối đa để xe có thể qua hầm có hình dạng Parabola,...). | TD         |  |  |  |  | GQV Đ | GQ VĐ |  |             |  |  |             |  | MH H |
|   |                               | <b>Phương trình quy về phương trình bậc hai</b><br><br><b>Hiểu:</b><br>- Giải được phương trình dạng<br>$\sqrt{ax^2 + bx + c} = \sqrt{dx^2 + ex + f}$<br>hoặc $\sqrt{ax^2 + bx + c} = dx + e$ .<br><b>Vận dụng</b><br>- Vận dụng giải phương trình hai dạng trên vào một số bài toán thực tiễn.                                                                                                                                                                                                       |            |  |  |  |  |       |       |  | Câu 1 GQV Đ |  |  | Câu 1 GQV Đ |  |      |
| 2 | <b>Chủ đề 2 ĐẠİ SỐ TỔ HỢP</b> | <b>Quy tắc cộng và quy tắc nhân</b><br><br><b>Biết:</b><br>- Nắm và phân biệt được quy tắc cộng, quy tắc nhân<br>- Tính được kết quả một số bài toán áp dụng trực tiếp quy tắc cộng, quy tắc nhân.<br><b>Hiểu:</b><br>- Sử dụng được quy tắc cộng và quy tắc nhân trong một số tình huống đơn giản (ví dụ: đếm số khả năng xuất hiện mặt sấp/ngửa khi tung một số đồng xu,...)<br><b>Vận dụng:</b>                                                                                                    | Câu 6,7 TD |  |  |  |  |       |       |  |             |  |  | Câu 2 GQV D |  |      |

|   |                                                                    |                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |               |  |  |           |              |              |  |  |             |  |            |
|---|--------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--|--|-----------|--------------|--------------|--|--|-------------|--|------------|
|   |                                                                    |                                           | – Vận dụng được sơ đồ hình cây trong các bài toán đếm đơn giản các đối tượng trong Toán học, trong các môn học khác cũng như trong thực tiễn (ví dụ: <i>đếm số hợp tử tạo thành trong Sinh học, hoặc đếm số trận đấu trong một giải thể thao,...</i> ).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |               |  |  |           |              |              |  |  |             |  |            |
| 3 | <b>Chủ đề 3<br/>PHƯƠNG PHÁP<br/>TỌA ĐỘ TRONG<br/>MẶT<br/>PHẪNG</b> | <b>Toạ độ của vector</b>                  | <b>Biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết được toạ độ của vector đối với một hệ trục toạ độ, biểu thức toạ độ các phép toán trên vector,</li> <li>- Biết công thức tìm toạ độ trung điểm của đoạn thẳng, trọng tâm của tam giác.</li> <li>- Biết công thức tính độ dài vector, độ dài đoạn thẳng, công thức tính góc giữa hai vector.</li> </ul> <b>Hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm được toạ độ của một vector, độ dài của một vector khi biết toạ độ hai đầu mút của nó.</li> <li>- Sử dụng được biểu thức toạ độ của các phép toán vector trong tính toán.</li> </ul> <b>Vận dụng:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng được phương pháp toạ độ vào bài toán giải tam giác.</li> <li>- Vận dụng được kiến thức về toạ độ của vector để giải một số bài toán liên quan đến thực tiễn (ví dụ: vị trí của vật trên mặt phẳng toạ độ,...).</li> </ul> | Câu 8,9 TD    |  |  | Câu 2a TD |              |              |  |  | Câu 4 GQ VD |  |            |
|   |                                                                    | <b>Đường thẳng trong mặt phẳng toạ độ</b> | <b>Biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả được phương trình tổng quát và phương trình tham số của đường thẳng.</li> <li>- Biết được vector chỉ phương, vector pháp tuyến của đường thẳng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Câu 10, 11 TD |  |  | Câu 2b TD | Câu 2c GQV Đ | Câu 2d GQ VĐ |  |  |             |  | Câu 4 MH H |

|  |  |                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |           |  |  |  |  |  |  |             |  |  |  |
|--|--|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--|--|--|--|--|--|-------------|--|--|--|
|  |  |                                    | <ul style="list-style-type: none"><li>- Biết được điều kiện hai đường thẳng cắt nhau, song song, trùng nhau, vuông góc với nhau bằng phương pháp tọa độ.</li><li>- Biết được công thức tính góc giữa hai đường thẳng, khoảng cách từ điểm đến đường thẳng.</li></ul> <p><b>Hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Thiết lập được phương trình của đường thẳng trong mặt phẳng khi biết: một điểm và một vectơ pháp tuyến; biết một điểm và một vectơ chỉ phương; biết hai điểm.</li><li>- Xét được vị trí tương đối của hai đường thẳng bằng phương pháp tọa độ.</li><li>- Tính được góc giữa hai đường thẳng.</li><li>- Tính được khoảng cách từ một điểm đến một đường thẳng bằng phương pháp tọa độ.</li><li>- Chuyển đổi được giữa hàm số bậc nhất và phương trình đường thẳng trong mặt phẳng tọa độ.</li></ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Vận dụng được kiến thức về phương trình đường thẳng để giải quyết một số bài toán có liên quan đến thực tiễn (<i>bài toán biểu diễn đường đi của tàu, bài toán biểu diễn số tiền tiết kiệm theo thời gian,..</i>).</li><li>- Vận dụng được kiến thức về các công thức tính góc và khoảng cách để giải một số bài toán có liên quan đến thực tiễn (<i>bài toán chuyển động thẳng đều, khoảng cách ngắn nhất, ...</i>).</li></ul> |           |  |  |  |  |  |  |             |  |  |  |
|  |  | <p><b>Đường tròn trong mặt</b></p> | <p><b>Biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Nhận biết được phương trình đường tròn.</li><li>- Xác định tâm và bán kính của đường tròn khi biết phương trình của nó.</li></ul> <p><b>Hiểu:</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Câu 12 TD |  |  |  |  |  |  | Câu 2 GQV Đ |  |  |  |

|              |  |                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |     |   |   |     |     |     |    |     |     |    |     |     |
|--------------|--|-------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|---|---|-----|-----|-----|----|-----|-----|----|-----|-----|
|              |  | <b>phẳng<br/>tọa độ</b> | - Lập được phương trình đường tròn khi biết:<br>Tọa độ tâm và bán kính; tọa độ hai điểm tạo thành đường kính; tọa độ tâm và một điểm thuộc đường tròn; tọa độ ba điểm thuộc đường tròn.<br><br>- Lập được phương trình tiếp tuyến của đường tròn khi biết tọa độ tiếp điểm.<br><b>Vận dụng:</b><br>- Vận dụng được kiến thức về phương trình đường tròn để giải quyết một số bài toán có liên quan đến thực tiễn ( <i>bài toán về chuyển động tròn đều trong Vật lí,...</i> ). |     |   |   |     |     |     |    |     |     |    |     |     |
| Tổng số câu  |  |                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 12  | 0 | 0 | 4   | 2   | 2   | 0  | 2   | 2   | 0  | 2   | 2   |
| Tổng số điểm |  |                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3.0 | 0 | 0 | 1.0 | 0.5 | 0.5 | 0  | 1.0 | 1.0 | 0  | 1.5 | 1.5 |
| Tỉ lệ %      |  |                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 30  |   |   | 20  |     |     | 20 |     |     | 30 |     |     |

MA TRẬN ĐỀ KIỂM GIỮA KÌ 2 – TOÁN 11 – NĂM HỌC 2025-2026<sup>(Thống nhất -28/2)</sup>

Thời gian: 90 phút

I/. MA TRẬN.

| TT           | Chương/<br>chủ đề                                            | Nội dung/đơn vị kiến<br>thức                | Mức độ đánh giá |      |    |            |      |     |              |      |     |         |      |     | Tổng |      |     | Tỉ lệ<br>%<br>điểm |
|--------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------|------|----|------------|------|-----|--------------|------|-----|---------|------|-----|------|------|-----|--------------------|
|              |                                                              |                                             | TNKQ            |      |    |            |      |     |              |      |     | Tự luận |      |     |      |      |     |                    |
|              |                                                              |                                             | Nhiều lựa chọn  |      |    | Đúng - Sai |      |     | Trả lời ngắn |      |     |         |      |     |      |      |     |                    |
|              |                                                              |                                             | Biết            | Hiểu | VD | Biết       | Hiểu | VD  | Biết         | Hiểu | VD  | Biết    | Hiểu | VD  | Biết | Hiểu | VD  |                    |
| 1            | Chương VI.<br>Hàm số Mũ-<br>Hàm số<br>Logarit                | §1. Phép tính Lũy thừa.                     | 2               |      |    |            |      |     |              | 1    |     |         |      | 1   | 2    |      |     | 7%                 |
|              |                                                              | §2. Phép tính Lôgarit                       | 3               |      |    |            |      |     |              |      | 1   |         |      |     | 3    | 1    | 1   | 18%                |
|              |                                                              | §3. Hàm số Mũ- Hàm số<br>Lôgarit            | 2               |      |    | 2          | 1    | 1   |              |      | 1   |         |      |     | 4    | 1    | 2   | 25%                |
|              |                                                              | §4. PT, BPT Mũ và<br>Lôgarit                |                 |      |    |            |      |     |              |      |     | 1       |      |     | 1    | 1    | 7%  |                    |
| 2            | Chương<br>VIII. Quan<br>hệ vuông<br>góc trong<br>không gian. | §1. Hai đường thẳng<br>vuông góc.           | 2               |      |    | 2          | 1    | 1   |              | 1    |     |         | 1    | 1   | 3    | 1    |     | 14%                |
|              |                                                              | §2. Đường thẳng vuông<br>góc với mặt phẳng. | 2               |      |    |            |      |     |              |      |     |         |      |     | 3    | 2    | 2   | 25%                |
|              |                                                              | §3. Hai mặt phẳng<br>vuông góc.(đến ĐL1)    | 1               |      |    |            |      |     |              |      |     |         |      |     | 1    |      |     | 4%                 |
| Tổng số câu  |                                                              |                                             | 12              | 0    | 0  | 4          | 2    | 2   | 0            | 2    | 2   | 0       | 2    | 2   | 16   | 6    | 6   | 28                 |
| Tổng số điểm |                                                              |                                             | 3.0             | 0    | 0  | 1.0        | 0.5  | 0.5 | 0            | 1.0  | 1.0 | 0       | 1.5  | 1.5 | 4.0  | 3.0  | 3.0 | 10                 |
| Tỉ lệ %      |                                                              |                                             | 30              |      |    | 20         |      |     | 20           |      |     | 30      |      |     | 40   | 30   | 30  | 100                |

\*Cấu trúc đề thi:

- ☛ **PHẦN I: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu thí sinh chỉ chọn một phương án.
  - Từ Câu 1-Câu 12: ở mức độ Nhận biết (12 x 0.25 điểm/ câu = 3,0 điểm)
- ☛ **PHẦN II: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng (Đ) hoặc sai (S).
  - Câu 1, Câu 2: mỗi câu có ý a), b) mức độ Nhận biết, ý c) ở mức Thông hiểu, ý d) ở mức Vận dụng (điểm lũy tiến 0,1-0,25-0,5- 1,0 điểm)
- ☛ **PHẦN III: Câu trắc nghiệm trả lời ngắn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.
  - Câu 1-Câu 2: mỗi câu ở mức độ Thông hiểu (0.5 điểm/câu)
  - Câu 3-Câu 4: mỗi câu ở mức độ Vận dụng (0.5 điểm/câu)
- ☛ **PHẦN IV: Tự luận.** Thí sinh trình bày bài giải từ câu 1 đến câu 3.
  - Câu 1: Thông hiểu (0.75 điểm/câu), Câu 2: Vận dụng (0.75 điểm/câu), Câu 3: 3a(và hình vẽ) Thông hiểu (1.0 điểm/câu) và 3b Vận dụng (0.5 điểm).

II/. BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN.

| TT | Chương/<br>chủ đề                   | Nội<br>dung/đơn<br>vị kiến<br>thức | Yêu cầu cần đạt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá |      |    |            |      |    |              |      |    |         |      |    |  |
|----|-------------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------|----|------------|------|----|--------------|------|----|---------|------|----|--|
|    |                                     |                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | TNKQ                             |      |    |            |      |    |              |      |    | Tự luận |      |    |  |
|    |                                     |                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Nhiều lựa chọn                   |      |    | Đúng - Sai |      |    | Trả lời ngắn |      |    |         |      |    |  |
|    |                                     |                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Biết                             | Hiểu | VD | Biết       | Hiểu | VD | Biết         | Hiểu | VD | Biết    | Hiểu | VD |  |
| 1  | Chương VI. Hàm số Mũ-Hàm số Logarit | §1. Phép tính Lũy thừa.            | <b>★Nhận biết:</b><br>– Nhận biết được khái niệm lũy thừa với số mũ nguyên của một số thực khác 0; lũy thừa với số mũ hữu tỉ và lũy thừa với số mũ thực của một số thực dương và các tính chất.<br><b>★Thông hiểu:</b><br>– Giải thích được các tính chất của phép tính lũy thừa với số mũ nguyên lũy thừa với số mũ hữu tỉ và lũy thừa với số mũ thực.<br>– Sử dụng được tính chất của phép tính lũy thừa trong tính toán các biểu thức số và rút gọn các biểu thức chứa biến (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).<br>– Tính được giá trị biểu thức số có chứa phép tính lũy thừa bằng sử dụng máy tính cầm tay.<br><b>★Vận dụng:</b><br>– Giải quyết được một số vấn đề có liên quan đến môn học khác hoặc có liên quan đến thực tiễn gắn với phép tính lũy thừa (ví dụ: bài toán về lãi suất, sự tăng trưởng,...). | Câu 1, 2 (TD)                    |      |    |            |      |    |              |      |    |         |      |    |  |
|    |                                     | §2. Phép tính Lôgarit              | <b>★Nhận biết:</b><br>– Nhận biết được khái niệm lôgarit cơ số $a$ ( $0 < a \neq 1$ ) của một số thực dương.<br>- Nhận biết 4 phép toán cơ bản và các tính chất.<br><b>★Thông hiểu:</b><br>– Giải thích được các tính chất của phép tính lôgarit nhờ sử dụng định nghĩa hoặc các tính chất đã biết trước đó.<br>– Sử dụng được tính chất của phép tính lôgarit trong tính toán các biểu thức số và rút gọn các biểu thức chứa biến (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Câu 3, 4,5 (TD)                  |      |    |            |      |    |              |      |    |         |      |    |  |

|   |                                                         |                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |               |  |  |                   |               |               |  |                     |                     |             |             |  |
|---|---------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--|--|-------------------|---------------|---------------|--|---------------------|---------------------|-------------|-------------|--|
|   |                                                         |                                | <p>– Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng) của lôgarit bằng cách sử dụng máy tính cầm tay.</p> <p><b>★Vận dụng:</b></p> <p>– Giải quyết được một số vấn đề có liên quan đến môn học khác hoặc có liên quan đến thực tiễn gắn với phép tính lôgarit (ví dụ: bài toán liên quan đến độ pH trong Hoá học,...).</p>                                                                                                                                                                                                                                  |               |  |  |                   |               |               |  |                     |                     |             |             |  |
|   |                                                         | §3. Hàm số Mũ- Hàm số Lôgarit  | <p><b>★Nhận biết:</b></p> <p>– Nhận biết được hàm số mũ và hàm số lôgarit. Nêu được một số ví dụ thực tế về hàm số mũ, hàm số lôgarit.</p> <p>– Nhận dạng được đồ thị của các hàm số mũ, hàm số lôgarit.</p> <p><b>★Thông hiểu:</b></p> <p>– Giải thích được các tính chất của hàm số mũ, hàm số lôgarit thông qua đồ thị của chúng.</p> <p><b>★Vận dụng:</b></p> <p>– Giải quyết được một số vấn đề có liên quan đến môn học khác hoặc có liên quan đến thực tiễn gắn với hàm số mũ và hàm số lôgarit (ví dụ: lãi suất, sự tăng trưởng,...).</p> | Câu 6, 7 (TD) |  |  | Câu 1 a), b) (TD) | Câu 1 c) (GQ) | Câu 1 d) (GQ) |  |                     | Câu 4 (GQ- Thực tế) |             |             |  |
|   |                                                         | §4. PT, BPT Mũ và Lôgarit      | <p><b>★Thông hiểu:</b></p> <p>– Giải được phương trình mũ, lôgarit ở dạng đơn giản</p> <p>(ví dụ <math>2^{x+1} = \frac{1}{4}</math>, <math>2^{x+1} = 2^{3x+5}</math>, <math>\log_2(x+1) = 3</math>)</p> <p><b>★Vận dụng:</b></p> <p>– Giải quyết được một số vấn đề có liên quan đến môn học khác hoặc có liên quan đến thực tiễn gắn với phương trình, bất phương trình mũ và lôgarit (ví dụ: bài toán liên quan đến độ pH, độ rung chấn,...).</p>                                                                                               |               |  |  |                   |               |               |  |                     |                     | Câu 1 (GQ)  |             |  |
| 2 | <b>Chương VIII. Quan hệ vuông góc trong không gian.</b> | §1. Hai đường thẳng vuông góc. | <p><b>★Nhận biết:</b></p> <p>– Nhận biết được khái niệm góc giữa hai đường thẳng trong không gian.</p> <p>– Nhận biết được hai đường thẳng vuông góc trong không gian.</p> <p><b>★Thông hiểu:</b></p> <p>– Chỉ ra góc giữa hai đường thẳng trong trường hợp đơn giản.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                         | Câu 8, 9 (TD) |  |  | Câu 1 a), b) (TD) | Câu 2 c) (GQ) | Câu 1 d) (GQ) |  | Câu 2 (GQ- Thực tế) |                     | Câu 3a (TD) | Câu 3b (GQ) |  |

[illegible]

|              |  |                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |             |   |   |     |     |     |    |     |     |    |     |     |
|--------------|--|------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---|---|-----|-----|-----|----|-----|-----|----|-----|-----|
|              |  |                              | <ul style="list-style-type: none"><li>- Chứng minh được hai đường thẳng vuông góc suy ra từ định nghĩa đường thẳng vuông góc với mặt phẳng.</li><li>- Tính được diện tích hình chiếu của một tam giác trên mặt phẳng.</li><li>– Vận dụng được kiến thức về đường thẳng vuông góc với mặt phẳng để mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn.</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |             |   |   |     |     |     |    |     |     |    |     |     |
|              |  | §3. Hai mặt phẳng vuông góc. | <p><b>★Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Nhận biết định nghĩa về góc của hai mặt phẳng</li><li>- Nhận biết được định nghĩa và điều kiện hai mặt phẳng vuông góc trong không gian.</li><li>- Nhận biết các tính chất của hai mặt phẳng vuông góc.</li></ul> <p><b>★Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Chỉ ra được góc giữa hai mặt phẳng trong một số trường hợp đơn giản.</li><li>– Xác định được điều kiện để hai mặt phẳng vuông góc.trong một số trường hợp đơn giản.</li><li>– Giải thích được tính chất cơ bản về hai mặt phẳng vuông góc.</li></ul> <p><b>★Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Chứng minh hai mặt phẳng vuông góc.</li><li>– Sử dụng được kiến thức về Góc giữa hai mặt phẳng và hai mặt phẳng vuông góc để mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn.</li></ul> | Câu 12 (TD) |   |   |     |     |     |    |     |     |    |     |     |
| Tổng số câu  |  |                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 12          | 0 | 0 | 4   | 2   | 2   | 0  | 2   | 2   | 0  | 2   | 2   |
| Tổng số điểm |  |                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3.0         | 0 | 0 | 1.0 | 0.5 | 0.5 | 0  | 1.0 | 1.0 | 0  | 1.5 | 1.5 |
| Tỉ lệ %      |  |                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 30          |   |   | 20  |     |     | 20 |     |     | 30 |     |     |

TRƯỜNG THPT LONG KHÁNH

TỔ TOÁN

MA TRẬN, ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 2 KHỐI 12

NĂM HỌC 2025-2026

I. MA TRẬN

| TT          | Chương/<br>chủ đề                          | Nội dung/đơn vị<br>kiến thức                                    | Mức độ đánh giá |      |    |            |      |     |              |         |      |         |      |          | Tổng |      |    | Tỉ lệ<br>%<br>điểm |     |
|-------------|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------|------|----|------------|------|-----|--------------|---------|------|---------|------|----------|------|------|----|--------------------|-----|
|             |                                            |                                                                 | TNKQ            |      |    |            |      |     |              |         |      | Tự luận |      |          |      |      |    |                    |     |
|             |                                            |                                                                 | Nhiều lựa chọn  |      |    | Đúng - Sai |      |     | Trả lời ngắn |         |      |         |      |          |      |      |    |                    |     |
|             |                                            |                                                                 | Biết            | Hiểu | VD | Biết       | Hiểu | VD  | Biết         | Hiểu    | VD   | Biết    | Hiểu | VD       | Biết | Hiểu | VD |                    |     |
| 1           | Nguyên hàm.<br>Tích phân.                  | §1. Nguyên hàm.<br>Bảng nguyên hàm<br>của một hàm số sơ<br>cấp. | 3TD             |      |    | 1TD        |      |     |              | 1GQ     |      |         |      | 1GQ      |      | 4    | 1  |                    | 15% |
|             |                                            | §2. Tích phân.                                                  | 2TD             |      |    | 1TD        | 1GQ  |     |              |         | 1MHH |         |      |          | 4    | 2    | 1  | 22,5%              |     |
|             |                                            | §3. Ứng dụng tích<br>phân.                                      | 1TD             |      |    |            |      | 1GQ |              |         |      |         |      | 1MHH     | 1    | 0    | 2  | 12,5%              |     |
| 2           | Phương pháp<br>tọa độ trong<br>không gian. | Phương trình mặt<br>phẳng.                                      | 3TD             |      |    | 1TD        | 1GQ  |     |              | 1<br>GQ |      |         |      | 1        | 4    | 2    | 1  | 25%                |     |
|             |                                            | Phương trình đường<br>thẳng.                                    | 3TD             |      |    | 1TD        |      | 1GQ |              |         | 1MHH |         | 1GQ  | 1<br>MHH | 3    | 1    | 2  | 25%                |     |
| Tổng số câu |                                            |                                                                 | 12              |      |    | 4          | 2    | 2   | 0            | 2       | 2    | 0       | 2    | 2        | 16   | 6    | 6  |                    |     |

|                     |     |     |     |     |     |     |     |     |     |     |     |     |     |     |     |  |
|---------------------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|--|
| <b>Tổng số điểm</b> | 3,0 | 0,0 | 0,0 | 1.0 | 0,5 | 0,5 | 0,0 | 1,0 | 1,0 | 0,0 | 1,5 | 1,5 | 4,0 | 3,0 | 3,0 |  |
| <b>Tỉ lệ %</b>      | 30% |     |     | 20% |     |     | 20% |     |     | 30% |     |     | 40  | 30  | 30  |  |

## II. ĐẶC TẢ

| T<br>T | Chương/<br>chủ đề                    | Nội<br>dung/<br>đơn vị<br>kiến<br>thức | Yêu cầu cần đạt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mức độ đánh giá |          |        |            |              |    |              |            |    |            |          |    |
|--------|--------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------|--------|------------|--------------|----|--------------|------------|----|------------|----------|----|
|        |                                      |                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | TNKQ            |          |        |            |              |    |              |            |    | Tự luận    |          |    |
|        |                                      |                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Nhiều lựa chọn  |          |        | Đúng - Sai |              |    | Trả lời ngắn |            |    |            |          |    |
|        |                                      |                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Biết            | Hiể<br>u | V<br>Đ | Biế<br>t   | Hiể<br>u     | VD | Biế<br>t     | Hiể<br>u   | VD | Biế<br>t   | Hiể<br>u | VD |
| 1      | Chủ đề 1<br>NGUYÊN HÀM,<br>TÍCH PHÂN | §1.<br>Nguyên hàm                      | <b>Nhận biết:</b><br>Nhận biết được khái niệm nguyên hàm của một hàm số.<br><b>Thông hiểu:</b><br>– Giải thích được tính chất cơ bản của nguyên hàm.<br>– Xác định được nguyên hàm của một số hàm số sơ cấp như:<br>$y = x^{\alpha} (\alpha \neq -1), y = \frac{1}{x}, y = \sin x, y = \cos x$<br>$y = \frac{1}{\sin^2 x}, y = \frac{1}{\cos^2 x}, y = a^x, y = e^x$<br>– Tính được nguyên hàm trong những trường hợp đơn giản. | Câu 1,2,3 TD    |          |        | Câu 1a TD  |              |    |              | Câu 1 (GQ) |    | Câu 1 (GQ) |          |    |
|        |                                      | §2.<br>Tích phân                       | <b>Nhận biết:</b><br>Nhận biết được định nghĩa và các tính chất của tích phân.<br><b>Thông hiểu:</b><br>Tính được tích phân trong những trường hợp đơn giản.<br><b>Vận dụng:</b><br>Vận dụng được tích phân để giải một số bài toán có liên quan đến thực tiễn.                                                                                                                                                                 | Câu 4,5 TD      |          |        | Câu 1b TD  | Câu 1c GQV Đ |    |              | Câu 3 MHH  |    |            |          |    |

|   |                                                          |                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                 |  |  |              |              |                |               |  |  |               |                |
|---|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--|--|--------------|--------------|----------------|---------------|--|--|---------------|----------------|
|   |                                                          | §3.<br><i>Ứng dụng hình học của tích phân</i> | <b>Thông hiểu:</b><br>Sử dụng được tích phân để tính diện tích của một số hình phẳng, thể tích của một số hình khối.<br><b>Vận dụng:</b><br>Vận dụng được tích phân để giải một số bài toán có liên quan đến thực tiễn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Câu 6<br>TD     |  |  |              |              | Câu 1d<br>GQVĐ |               |  |  |               | Câu 3<br>(MHH) |
| 2 | Chủ đề 2<br>PHƯƠNG TRÌNH ĐƯỜNG THẲNG, MẶT PHẲNG, MẶT CẦU | §1.<br><i>Phương trình mặt phẳng.</i>         | <b>Nhận biết:</b><br>Nhận biết được phương trình tổng quát của mặt phẳng.<br><b>Thông hiểu:</b><br>Thiết lập được phương trình tổng quát của mặt phẳng trong hệ trục tọa độ $Oxyz$ theo một trong ba cách cơ bản: qua một điểm và biết vector pháp tuyến; qua một điểm và biết cặp vector chỉ phương (suy ra vector pháp tuyến nhờ vào việc tìm vector vuông góc với cặp vector chỉ phương); qua ba điểm không thẳng hàng.<br>– Thiết lập được điều kiện để hai mặt phẳng song song, vuông góc với nhau.<br>– Tính được khoảng cách từ một điểm đến một mặt phẳng bằng phương pháp tọa độ.<br><b>Vận dụng:</b><br>Vận dụng được kiến thức về phương trình mặt phẳng để giải một số bài toán liên quan đến thực tiễn. | Câu 7,8,9<br>TD |  |  | Câu 2a<br>TD | Câu 2c<br>GQ |                | Câu 2<br>(GQ) |  |  | Câu 2<br>(GQ) |                |

|              |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                    |   |              |     |              |     |    |             |     |    |             |     |
|--------------|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---|--------------|-----|--------------|-----|----|-------------|-----|----|-------------|-----|
|              |  | <p><b>Nhận biết:</b><br/>Nhận biết được phương trình chính tắc, phương trình tham số, vector chỉ phương của đường thẳng trong không gian.</p> <p><b>Thông hiểu:</b><br/>Thiết lập được phương trình của đường thẳng trong hệ trục toạ độ theo một trong hai cách cơ bản: qua một điểm và biết một vector chỉ phương, qua hai điểm.</p> <p>– Xác định được điều kiện để hai đường thẳng chéo nhau, cắt nhau, song song hoặc vuông góc với nhau.</p> <p>– Thiết lập được công thức tính góc giữa hai đường thẳng, giữa đường thẳng và mặt phẳng, giữa hai mặt phẳng.</p> <p><b>Vận dụng:</b><br/>Vận dụng được kiến thức về phương trình đường thẳng trong không gian để giải một số bài toán liên quan đến thực tiễn.</p> | Câu 10,11,12<br>TD |   | Câu 2b<br>TD |     | Câu 2d<br>GQ |     |    | Câu 4 (MHH) |     |    | Câu 4 (MHH) |     |
| Tổng số câu  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 12                 | 0 | 0            | 4   | 2            | 2   | 0  | 2           | 2   | 0  | 2           | 2   |
| Tổng số điểm |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3.0                | 0 | 0            | 1.0 | 0.5          | 0.5 | 0  | 1.0         | 1.0 | 0  | 1.5         | 1.5 |
| Tỉ lệ %      |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 30                 |   |              | 20  |              |     | 20 |             |     | 30 |             |     |

TRƯỜNG THPT LONG KHÁNH  
TỔ VẬT LÝ – KT CÔNG NGHỆ

**MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ VÀ MÔ TẢ CHI TIẾT**  
**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II - MÔN VẬT LÝ - LỚP 10 (2025-2026)**

**A- MA TRẬN**

- **Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra giữa học kì 2.
- **Thời gian làm bài:** 45 phút.
- **Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (85% trắc nghiệm, 15% tự luận).
- **Cấu trúc:** Mức độ đề: 40% *Nhận biết*; 30% *Thông hiểu*; 25% *Vận dụng*, 5% *Vận dụng cao*
- + Phần I. Trắc nghiệm 4 lựa chọn, 1 lựa chọn đúng: 12 Câu – 3,0 điểm
- + Phần II. Trắc nghiệm đúng sai: 2 Câu - 8 ý - 2,0 điểm
- + Phần III. Trắc nghiệm trả lời ngắn: 4 Câu - 2,0 điểm
- + Phần IV. Tự luận: 2 Câu -3,0 điểm

| Nội dung                                             | Số tiết | CẤP ĐỘ TƯ DUY             |    |    |                          |    |    |                               |    |    |                       |    |                          | Tổng số câu/ý |
|------------------------------------------------------|---------|---------------------------|----|----|--------------------------|----|----|-------------------------------|----|----|-----------------------|----|--------------------------|---------------|
|                                                      |         | PHẦN I<br>(TN 4 lựa chọn) |    |    | PHẦN II<br>(TN đúng sai) |    |    | PHẦN III<br>(TN trả lời ngắn) |    |    | PHẦN IV<br>(Tự luận)  |    |                          |               |
|                                                      |         | NB                        | TH | VD | NB                       | TH | VD | NB                            | TH | VD | NB                    | TH | VD                       |               |
| Quy tắc hợp lực song song cùng chiều.<br>Moment lực. | 5       | 3                         | 0  | 0  | 0                        | 0  | 0  | 1                             | 0  | 0  | 0                     | 0  | 0                        | 4             |
| Năng lượng và công.<br>Công suất. Hiệu suất.         | 6       | 4                         | 1  | 0  | 1 ( 2 ý biết, 2 ý hiểu)  |    |    | 0                             | 1  | 0  | 1                     | 1  | 0                        | 12            |
| Động năng. Thế năng.<br>Cơ năng                      | 4       | 3                         | 1  |    | 1 ( 2 ý biết, 2 ý hiểu)  |    |    | 0                             | 0  | 2  | 0                     | 0  | 2<br>(1VD thấp, 1VD cao) | 12            |
| Tổng                                                 |         | 10                        | 2  | 0  | 2                        | 4  | 2  | 0                             | 2  | 2  | 1                     | 1  | 2                        | 28            |
| Điểm                                                 |         | 12 Câu – 3,0 điểm         |    |    | 2 Câu - 8 ý - 2,0 điểm   |    |    | 4 Câu - 2,0 điểm              |    |    | 2 Câu - 4 ý -3,0 điểm |    |                          | 10,0 điểm     |

## B. BẢNG ĐẶC TẢ

| Nội dung                                                                | Mức độ đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|-------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Chương 5:</b><br><br><b>MOMENT LỰC.</b><br><b>ĐIỀU KIỆN CÂN BẰNG</b> | <b>Nhận biết</b><br>- Nêu được khái niệm moment lực, moment ngẫu lực; Nêu được tác dụng của ngẫu lực lên một vật chỉ làm quay vật.<br>- Phát biểu quy tắc moment lực.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|                                                                         | <b>Thông hiểu</b><br>- Suy luận để rút ra được điều kiện để vật cân bằng: lực tổng hợp tác dụng lên vật bằng không và tổng moment lực tác dụng lên vật (đối với một điểm bất kì) bằng không.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|                                                                         | <b>Vận dụng</b><br>- Vận dụng được quy tắc moment cho một số trường hợp đơn giản.<br>- Thiết kế hoặc lựa chọn và thực hiện phương án, tổng hợp được hai lực song song cùng chiều.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| <b>Chương 6</b><br><br><b>NĂNG LƯỢNG</b>                                | <b>Công và năng lượng</b><br><b>Nhận biết</b><br>- Nêu được biểu thức tính công bằng tích của lực tác dụng và độ dịch chuyển theo phương của lực; nêu được đơn vị đo công là đơn vị đo năng lượng (với $1\text{J} = 1\text{Nm}$ ).<br><b>Thông hiểu</b><br>- Chứng minh có thể truyền năng lượng từ vật này sang vật khác bằng cách thực hiện công qua ví dụ cụ thể.<br><b>Vận dụng:</b><br>- Tính được công trong một số trường hợp đơn giản.<br>- Thiết kế mô hình đơn giản minh họa được định luật bảo toàn năng lượng, liên quan đến một số dạng năng lượng khác nhau. |

## Công suất và hiệu suất

### Nhận biết

- Nêu được định nghĩa, biểu thức công suất.
- Nêu được định nghĩa, biểu thức hiệu suất.

### Thông hiểu

- Từ một số tình huống thực tế, nêu được ý nghĩa vật lí và định nghĩa công suất.
- Từ tình huống thực tế, nêu được định nghĩa hiệu suất.

### Vận dụng:

- Vận dụng được mối liên hệ công suất (hay tốc độ thực hiện công) với tích của lực và vận tốc trong một số tình huống thực tế.
- Vận dụng được hiệu suất trong một số trường hợp thực tế.

## Động năng, thế năng, cơ năng.

### Nhận biết

- Nêu được công thức tính thế năng trong trường trọng lực đều.
- Nêu được khái niệm cơ năng.
- Phát biểu được định luật bảo toàn cơ năng.

### Thông hiểu

- Từ phương trình chuyển động thẳng biến đổi đều với vận tốc ban đầu bằng không, rút ra được động năng của vật có giá trị bằng công của lực tác dụng lên vật (Định lí động năng)
- Phân tích được sự chuyển hoá động năng và thế năng của vật trong một số trường hợp đơn giản.

### Vận dụng:

- Vận dụng được biểu thức tính động năng, thế năng trong một số trường hợp đơn giản.
- Vận dụng được định luật bảo toàn cơ năng trong một số trường hợp đơn giản.

## C-MÔ TẢ CHI TIẾT

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12, mỗi câu hỏi chỉ chọn một phương án.

*12 câu x 0,25 điểm/câu = 3,0 điểm (10 câu lý thuyết nhận biết, 2 câu lý thuyết hiểu)*

**Câu 1:** Lý thuyết nhận biết về quy tắc hợp lực song song cùng chiều.

**Câu 2:** Lý thuyết nhận biết về khái niệm, biểu thức moment lực, quy tắc moment lực.

**Câu 3:** Lý thuyết nhận biết về ngẫu lực, moment của ngẫu lực.

**Câu 4:** Lý thuyết nhận biết về năng lượng, định luật bảo toàn và chuyển hoá năng lượng.

**Câu 5:** Lý thuyết nhận biết về công của một lực không đổi.

**Câu 6:** Lý thuyết nhận biết về công suất.

**Câu 7:** Lý thuyết nhận biết về hiệu suất.

**Câu 8:** Lý thuyết nhận biết về động năng.

**Câu 9:** Lý thuyết nhận biết về thế năng.

**Câu 10:** Lý thuyết nhận biết về cơ năng.

**Câu 11:** Lý thuyết hiểu về công, công suất.

**Câu 12:** Lý thuyết hiểu về động năng hoặc thế năng hoặc cơ năng.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý **a) b) c) d)** ở mỗi câu, thí sinh chỉ chọn đúng hoặc sai.

*2 câu x 1,0 điểm/câu = 2,0 điểm (mỗi câu 2 ý biết + 2 ý hiểu)*

**Câu 1:** Công, công suất, hiệu suất

a) Lý thuyết nhận biết.

b) Lý thuyết nhận biết.

c) Bài tập hiểu.

d) Bài tập hiểu.

**Câu 2:** Động năng, thế năng, cơ năng

- a) Lý thuyết nhận biết.
- b) Lý thuyết nhận biết.
- c) Bài tập hiểu.
- d) Bài tập hiểu.

**PHẦN III. Trắc nghiệm trả lời ngắn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.

*4 câu x 0,5 điểm/câu = 2,0 điểm (2 câu hiểu + 2 câu vận dụng)*

**Câu 1:** Bài tập hiểu về quy tắc hợp lực song song cùng chiều, quy tắc moment lực.

**Câu 2:** Bài tập hiểu về công, công suất.

**Câu 3:** Bài tập vận dụng (thấp) về động năng, thế năng.

**Câu 4:** Bài tập vận dụng (thấp) về cơ năng, định luật bảo toàn cơ năng.

**PHẦN IV. Tự luận.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2.

*2 câu x 1,5 điểm/câu = 3,0 điểm (1 ý biết + 1 ý hiểu + 3 ý vận dụng)*

**Câu 1 (1,5 điểm):** Bài tập về công, công suất.

- a. (1,0 điểm) 1 ý biết + 1 ý hiểu về công, công suất (mỗi ý 0,5 điểm).
- b. (0,5 điểm) 1 ý vận dụng (thấp) về công suất hoặc công.

**Câu 2 (1,5 điểm):** Bài tập về động năng, thế năng, cơ năng.

- a. (1,0 điểm) Bài tập vận dụng (thấp) về động năng, thế năng, cơ năng.
- b. (0,5 điểm) Bài tập vận dụng cao về chuyển động của vật theo phương thẳng đứng bỏ qua lực cản, hoặc chuyển động của vật trên mặt phẳng nghiêng không có ma sát.

MA TRẬN KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II- VẬT LÍ 11 (KNTT)  
NĂM HỌC 2025 - 2026

1. Thời gian làm bài: 45 phút  
2. Hình thức: Trắc nghiệm 70%, tự luận 30%  
3. Cấu trúc:  
- Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng.  
+ Phần I. Trắc nghiệm 4 lựa chọn, 1 lựa chọn đúng: 12 câu = 3,0 điểm  
+ Phần II. Trắc nghiệm đúng sai: 2 câu = 8 ý = 2,0 điểm  
+ Phần III. Trả lời ngắn: 4 câu = 2,0 điểm  
+ Phần IV. Tự luận: 2 câu = 4 ý = 3,0 điểm

A. KHUNG MA TRẬN

| T<br>T | Chương<br>/chủ đề       | Nội<br>dung/đ<br>ơn vị<br>kiến<br>thức | Mức độ đánh giá           |      |    |                     |             |    |                         |      |       |                    |       |    | Tổng |      |               | Tỉ lệ %<br>điểm    |
|--------|-------------------------|----------------------------------------|---------------------------|------|----|---------------------|-------------|----|-------------------------|------|-------|--------------------|-------|----|------|------|---------------|--------------------|
|        |                         |                                        | TNKQ                      |      |    |                     |             |    |                         |      |       | Phần 4:<br>Tự luận |       |    |      |      |               |                    |
|        |                         |                                        | Phần 1: Nhiều<br>lựa chọn |      |    | Phần 2:<br>Đúng-sai |             |    | Phần 3:<br>Trả lời ngắn |      |       |                    |       |    |      |      |               |                    |
|        |                         |                                        | Biết                      | Hiểu | VD | Biết                | Hiểu        | VD | Biết                    | Hiểu | VD    | Biết               | Hiểu  | VD | Biết | Hiểu | VD            |                    |
| 1      | CHƯƠNG III. ĐIỆN TRƯỜNG | 1. Lực tương tác giữa các điện tích    | C1,2                      | C11  |    |                     |             |    | C1                      |      |       |                    |       |    | 3    | 1    | 0             | 1,25 điểm<br>12,5% |
|        |                         | 2. Khái niệm điện trường               | C3,4                      |      |    |                     |             |    | C2                      |      | C1.a) | C1.a)              | C1.b) | 3  | 3    | 1    | 3 điểm<br>30% |                    |
|        |                         | 3. Điện trường đều                     | C5,6                      |      |    | C1<br>(2 ý)         | C1<br>(2 ý) |    |                         |      |       |                    |       | 2  | 2    | 0    | 1 điểm<br>10% |                    |

|                   |  |                         |                 |     |  |                      |          |  |                      |    |   |                      |            |   |        |        |                    |         |
|-------------------|--|-------------------------|-----------------|-----|--|----------------------|----------|--|----------------------|----|---|----------------------|------------|---|--------|--------|--------------------|---------|
|                   |  | 4. Thế năng điện        | C7,8            |     |  | C2 (2 ý)             | C2 (2 ý) |  |                      | C3 |   |                      | C2. a); b) | 3 | 1      | 2      | 2,5 điểm<br>25%    |         |
|                   |  | 5. Điện thế             | C9              |     |  |                      |          |  |                      |    |   |                      |            | 1 | 1      | 1      | 1,25 điểm<br>12,5% |         |
|                   |  | 6. Tự điện và điện dung | C10             | C12 |  |                      |          |  |                      | C4 |   |                      |            |   |        |        | 1điểm<br>10%       |         |
| Tổng số câu/ý hỏi |  |                         | 10              | 2   |  | 4                    | 4        |  |                      | 2  | 2 | 1                    | 1          | 2 | 15     | 9      | 14                 |         |
| Tổng số điểm      |  |                         | 12 câu = 3 điểm |     |  | 2 câu = 8 ý = 2 điểm |          |  | 4 câu = 4 ý = 2 điểm |    |   | 2 bài = 4 ý = 3 điểm |            |   | 4 điểm | 3 điểm | 3 điểm             | 10 điểm |
| Tỉ lệ %           |  |                         | 30              |     |  | 20                   |          |  | 20                   |    |   | 30                   |            |   | 100    |        |                    | 100%    |

## B. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

| Nội dung                                                 | Mức độ đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Bài 16: Lực tương tác giữa các điện tích (3 tiết)</b> | <b>Nhận biết:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                                                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát biểu được định luật Coulomb và nhận biết công thức lực tương tác tĩnh điện giữa hai điện tích điểm trong chân không.</li> <li>- Chỉ ra đặc điểm của lực điện giữa hai điện tích điểm và các yếu tố ảnh hưởng đến lực tương tác.</li> <li>- Mô tả được sự đẩy hút giữa các điện tích.</li> <li>- Viết được biểu thức của định luật Culong trong môi trường chân không và môi trường điện môi.</li> </ul> |
|                                                          | <b>Thông hiểu:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|                                                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bằng ví dụ thực tế, mô tả được sự hút (hoặc đẩy) của một điện tích vào một điện tích khác.</li> <li>- Tính được độ lớn của lực tương tác giữa hai điện tích điểm đứng yên trong chân không bằng biểu thức định luật Cu-lông.</li> <li>- Hiểu được sự thay đổi độ lớn lực tương tác giữa hai điện tích theo khoảng cách.</li> </ul>                                                                           |
| <b>Bài 17: Khái niệm điện trường (2 tiết)</b>            | <b>Vận dụng:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|                                                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng biểu thức <math>F = k \frac{ q_1 q_2 }{r^2}</math> để giải các bài tập về tương tác giữa các điện tích.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <b>Bài 17: Khái niệm điện trường (2 tiết)</b>            | <b>Nhận biết:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

|                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm điện trường.</li> <li>- Nêu được phương chiều, độ lớn của véc tơ cường độ điện trường của một điện tích điểm gây ra tại một điểm.</li> <li>- Nêu được: trong hệ SI, đơn vị đo cường độ điện trường là vôn trên mét (V/m).</li> <li>- Nêu được khái niệm và đặc điểm của đường sức điện.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng biểu thức <math>E = k \frac{ q }{r^2}</math>, tính được cường độ điện trường do một điện tích điểm. Q đặt trong chân không hoặc trong không khí gây ra tại một điểm cách nó một khoảng r.</li> <li>- Xác định được mối quan hệ phương chiều của cường độ điện trường với lực điện tác dụng lên một điện tích thử</li> </ul> <p><b>Vận dụng thấp</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng biểu thức <math>E = k \frac{ q }{r^2}</math> để tính điện trường tổng hợp tại một điểm.</li> </ul>                                                              |
| <b>Bài 18: Điện trường đều (2 tiết)</b> | <p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được cách tạo ra điện trường đều, đường sức điện trường,</li> <li>- Khái niệm điện trường, phương chiều của cường độ điện trường đều.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được mối quan hệ giữa các đại lượng E, d, U; xác định được lực tác dụng lên điện tích đặt trong điện trường đều.</li> <li>- Nêu được một số ứng dụng của điện trường trong đời sống thực tiễn</li> <li>- Hiểu công thức <math>U = E.d</math></li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng biểu thức <math>E = U/d</math>, tính được cường độ của điện trường đều giữa hai bản phẳng nhiễm điện đặt song song,</li> <li>- Xác định được lực tác dụng lên điện tích đặt trong điện trường đều.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tính được công dịch chuyển một điện tích q giữa hai điểm trong điện trường đều.</li> </ul> |
| <b>Bài 19: Thế năng điện (2 tiết)</b>   | <p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được biểu thức tính công của lực điện trường đều và các đặc điểm của công của lực điện trường.</li> <li>- Nêu được mối quan hệ giữa điện thế và hiệu điện thế giữa hai điểm của điện trường.</li> <li>- Nêu được khái niệm điện thế, thế năng điện, biểu thức liên hệ điện thế và thế năng điện.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |

|                                              |                                                                                                                                                                                                                                                               |
|----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu sự phụ thuộc của công của lực điện trường vào các yếu tố.</li> <li>- Xác định được liên hệ giữa thế năng điện trường và công của lực điện trường.</li> <li>- Hiểu được công thức <math>A=qEd</math>.</li> </ul> |
|                                              | <b>Vận dụng:</b>                                                                                                                                                                                                                                              |
|                                              | - Vận dụng được biểu thức tính công của lực điện trong điện trường đều.                                                                                                                                                                                       |
| <b>Bài 20: Điện thế (2 tiết)</b>             | <b>Nhận biết:</b>                                                                                                                                                                                                                                             |
|                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được mối quan hệ giữa điện thế và hiệu điện thế giữa hai điểm của điện trường.</li> <li>- Viết được biểu thức tính điện thế, nhận ra đơn vị, ý nghĩa của điện thế, hiệu điện thế.</li> </ul>                     |
|                                              | <b>Thông hiểu:</b>                                                                                                                                                                                                                                            |
|                                              | - Hiểu và giải thích được ý nghĩa hiệu điện thế giữa hai điểm.                                                                                                                                                                                                |
|                                              | <b>Vận dụng:</b>                                                                                                                                                                                                                                              |
|                                              | - Vận dụng được mối liên hệ thế năng điện với điện thế, $V = A/q$ ; mối liên hệ cường độ điện trường với điện thế.                                                                                                                                            |
| <b>Bài 21. Tụ điện và điện dung (2 tiết)</b> | <b>Nhận biết:</b>                                                                                                                                                                                                                                             |
|                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết được khái niệm, cấu tạo tụ điện.</li> <li>- Biết được khái niệm và ý nghĩa điện dung của tụ.</li> </ul>                                                                                                         |
|                                              | <b>Thông hiểu:</b>                                                                                                                                                                                                                                            |
|                                              | - Hiểu và sử dụng biểu thức $Q = C.U$ để giải thích, tính các bài toán liên quan đến tụ điện.                                                                                                                                                                 |

### C) MA TRẬN CHI TIẾT

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ lựa chọn một phương án.

**(10 câu LT Biết, 2 câu LT Hiểu)**

#### PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

**Câu 1:** Lý thuyết nhận biết thuyết electron, sự nhiễm điện của các vật ( cọ xát, tiếp xúc).

**Câu 2:** Lý thuyết nhận biết liên quan đến điện tích, lực tương tác giữa các điện tích.

**Câu 3:** Lý thuyết nhận biết về khái niệm điện trường, cường độ điện trường.

**Câu 4:** Lý thuyết nhận biết về đường sức điện.

**Câu 5:** Lý thuyết nhận biết về điện trường đều.

**Câu 6:** Lý thuyết nhận biết về công của lực điện.

**Câu 7:** Lý thuyết nhận biết về thế năng điện.

**Câu 8:** Lý thuyết nhận biết về điện thế tại một điểm trong điện trường.

**Câu 9:** Lý thuyết nhận biết về định nghĩa, phân loại, vai trò của tụ điện.

**Câu 10:** Lý thuyết nhận biết về điện dung của tụ điện.

**Câu 11:** Lý thuyết hiểu về điện tích, lực tương tác giữa các điện tích.

**Câu 12:** Lý thuyết hiệu về điện thế, hiệu điện thế, công của lực điện.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 1. Trong mỗi ý **a) b) c) d)** ở mỗi câu, thí sinh chỉ chọn đúng hoặc sai.  
**(2 ý LT Nhận biết, 2 ý BT Thông hiểu)**

**Câu 1:** Điện trường, cường độ điện trường. Điện trường đều.

(2 ý LT nhận biết và 2 ý BT thông hiểu).

**Câu 2:** Thế năng điện. Công của lực điện khi điện tích dịch chuyển trong điện trường đều. Điện thế và hiệu điện thế.

(2 ý LT nhận biết và 2 ý BT thông hiểu).

**PHẦN III. TRẢ LỜI NGẮN:** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.

**(2 ý BT Thông hiểu; 2 ý BT Vận dụng)**

**Câu 1:** Bài tập thông hiểu liên quan đến lực tương tác giữa các điện tích, có thể kết hợp thuyết electron.

**Câu 2:** Bài tập thông hiểu liên quan đến cường độ điện trường.

**Câu 3:** Bài tập vận dụng thấp liên quan đến thế năng điện, điện thế.

**Câu 4:** Bài tập vận dụng thấp liên quan đến điện tích, hiệu điện thế, điện dung của tụ điện.

**PHẦN IV. Tự luận.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2.

**(1 ý BT Nhận biết và Thông hiểu, 3 ý BT Vận dụng)**

**Câu 1:**

a) Bài tập lực điện tác dụng lên điện tích đặt trong điện trường, điện trường do một điện tích điểm gây ra tại một điểm (1 điểm)

(2 ý hỏi: trong đó 1 ý Biết (0,5 điểm) và 1 ý Hiểu (0,5 điểm)).

b) Bài tập vận dụng thấp tổng hợp cường độ điện trường tại một điểm do hai điện tích điểm gây ra. (0,5 điểm)

**Câu 2:**

a) Bài tập vận dụng thấp tính công của lực điện, điện thế và hiệu điện thế (1 điểm).

b) Bài tập vận dụng cao liên quan đến cân bằng điện tích trong điện trường, chuyển động của hạt mang điện trong điện trường (0,5 điểm).

# MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA KÌ 2

## VẬT LÍ 12 (năm học 2025-2026)

### A. KHUNG MA TRẬN

- Thời điểm kiểm tra: Kiểm tra giữa học kì 2.
- Thời gian làm bài: 45 phút.
- Hình thức kiểm tra: Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận.
- Cấu trúc:

#### Trắc nghiệm: (7 điểm)

- + Phần I. Trắc nghiệm 4 lựa chọn, 1 lựa chọn đúng: 12 câu = 3,0 điểm
- + Phần II. Trắc nghiệm đúng sai: 2 câu = 8 ý = 2,0 điểm
- + Phần III. Trả lời ngắn : 4 câu = 2,0 điểm

#### Tự luận : (3 điểm). 3 câu = 3,0 điểm

- + Nội dung: Chương III . Từ trường (18 tiết)

| TT           | Chương/<br>chủ đề                 | Nội dung/đơn<br>vị kiến thức                                 | Mức độ đánh giá        |      |    |            |      |    |              |      |    |         |         |     | Tổng |                  |     | Tỷ lệ<br>%<br>điểm |
|--------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------|------------------------|------|----|------------|------|----|--------------|------|----|---------|---------|-----|------|------------------|-----|--------------------|
|              |                                   |                                                              | Trắc nghiệm khách quan |      |    |            |      |    |              |      |    | Tự luận |         |     |      |                  |     |                    |
|              |                                   |                                                              | Nhiều lựa chọn         |      |    | Đúng - Sai |      |    | Trả lời ngắn |      |    |         |         |     |      |                  |     |                    |
|              |                                   |                                                              | Biết                   | Hiểu | VD | Biết       | Hiểu | VD | Biết         | Hiểu | VD | Biết    | Hiểu    | VD  | Biết | Hiểu             | VD  |                    |
| 1            | CHƯƠNG 3.<br><br>TỪ<br><br>TRƯỜNG | Khái niệm từ trường                                          | 1                      | 1    |    |            |      |    |              |      |    |         |         |     |      |                  |     | 0,5                |
|              |                                   | Lực từ tác dụng lên đoạn dây dẫn mang dòng điện; Cảm ứng từ. | 2                      |      |    |            | 2    | 2  |              |      | 1  |         | 1       | 1   |      |                  |     | 3,5                |
|              |                                   | Từ thông; cảm ứng điện từ                                    | 2                      |      |    |            | 2    | 2  |              |      | 1  | 1       |         |     | 2    |                  |     | 4,0                |
|              |                                   | Máy phát điện xoay chiều                                     | 2                      |      |    |            |      |    |              |      |    | 1       |         |     |      |                  |     | 1,0                |
|              |                                   | Ứng dụng hiện tượng cảm ứng điện từ                          | 1                      | 1    |    |            |      |    |              |      |    |         |         |     |      |                  |     | 0,5                |
|              |                                   | Điện từ trường. Mô hình sóng điện từ.                        | 2                      |      |    |            |      |    |              |      |    |         |         |     |      |                  |     | 0,5                |
|              |                                   | Tổng số câu                                                  |                        |      | 10 | 2          | 0    | 4  | 4            | 0    | 0  | 2 * 0,5 | 2 * 0,5 | 0,5 | 0,5  | 1*1,0<br>+ 2*0,5 |     |                    |
| Tổng số điểm |                                   |                                                              | 3,0                    |      |    | 2,0        |      |    | 2,0          |      |    | 3,0     |         |     | 4,0  | 3,0              | 3,0 | 10,0               |
| Tỉ lệ %      |                                   |                                                              | 30                     |      |    | 20         |      |    | 20           |      |    | 30      |         |     | 40   | 30               | 30  | 100                |

## **B. BẢNG ĐẶC TẢ CẤP ĐỘ TƯ DUY KIẾN THỨC**

| <b>Chủ đề/Nội dung</b>                                                     | <b>Mức độ đánh giá</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Bài 14. Từ trường</b>                                                   | <b>Biết:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Nêu được khái niệm từ trường.</li><li>- Nêu được tính chất cơ bản của từ trường</li><li>- Nắm được khái niệm và đặc điểm của đường sức từ.</li></ul>                                                                                                                                      |
|                                                                            | <b>Hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Giải thích được những tính chất cơ bản của từ trường.</li><li>- Hiểu về quy tắc nắm tay phải xác định chiều đường sức từ của dòng điện thẳngn thẳng, dòng điện tròn, Ống dây dẫn mang dòng điện</li></ul>                                                                                 |
| <b>Bài 15. Lực từ tác dụng lên đoạn dây dẫn mang dòng điện; Cảm ứng từ</b> | <b>Biết:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Định nghĩa, biểu thức của cảm ứng từ B và đơn vị tesla.</li><li>- Nêu được đơn vị cơ bản và dẫn xuất để đo các đại lượng cảm ứng từ.</li><li>- Đặc điểm của lực từ tác dụng lên dây dẫn mang dòng điện</li></ul>                                                                          |
|                                                                            | <b>Hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Thực hiện thí nghiệm để mô tả được hướng của lực từ tác dụng lên đoạn dây dẫn mang dòng điện đặt trong từ trường.</li><li>- Thảo luận để thiết kế phương án, lựa chọn phương án, thực hiện phương án, đo được (hoặc mô tả được phương pháp đo) cảm ứng từ bằng cân “dòng điện”.</li></ul> |
|                                                                            | <b>Vận dụng</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Vận dụng được biểu thức tính lực <math>F = BIL \sin \theta</math>.</li></ul>                                                                                                                                                                                                           |

|                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Bài 16. Từ thông. Hiện tượng cảm ứng điện từ</b> | <b>Biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Định nghĩa được từ thông và đơn vị weber.</li> <li>- Định nghĩa hiện tượng cảm ứng điện từ</li> <li>- Nêu được định luật Lenz, định Faraday, biểu thức suất động cảm ứng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|                                                     | <b>Hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Tiến hành các thí nghiệm đơn giản minh họa được hiện tượng cảm ứng điện từ.</li> <li>-Vận dụng được định luật Faraday và định luật Lenz về cảm ứng điện từ.</li> <li>-Thảo luận để thiết kế phương án (hoặc mô tả được phương pháp) tạo ra dòng điện xoay chiều.</li> <li>-Thảo luận để nêu được một số ứng dụng của dòng điện xoay chiều trong cuộc sống, tầm quan trọng của việc tuân thủ quy tắc an toàn khi sử dụng dòng điện xoay chiều trong cuộc sống.</li> </ul> |
|                                                     | <b>Vận dụng:</b><br>Các công thức về từ thông, suất điện động cảm ứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| <b>Bài 17. Máy phát điện xoay chiều</b>             | <b>Biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm dòng điện xoay chiều, máy phát điện xoay chiều, máy biến áp</li> <li>- Nêu được: chu kì, tần số, giá trị cực đại, giá trị hiệu dụng của cường độ dòng điện và điện áp xoay chiều.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                         |
|                                                     | <b>Hiểu:</b><br>Biểu thức dòng điện xoay chiều, điện áp xoay chiều, giá trị hiệu dụng của cường độ dòng điện, giá trị hiệu dụng của điện áp.<br><b>Vận dụng:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biểu thức xác định từ thông, suất điện động của máy phát điện xoay chiều.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                |
| <b>Bài 18. Ứng dụng hiện</b>                        | <b>Biết:</b><br>Giải thích được một số ứng dụng của hiện tượng cảm ứng điện từ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |

|                                                                |                                                                                                                                                     |
|----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>tượng cảm ứng điện từ</b>                                   | <b>Hiểu:</b><br>Công thức máy biến áp                                                                                                               |
| <b>Bài 19. Điện từ trường.</b><br><b>Mô hình sóng điện từ.</b> | <b>Biết:</b><br>Mô tả được mô hình sóng điện từ và ứng dụng để giải thích sự tạo thành và lan truyền của các sóng điện từ trong thang sóng điện từ. |
|                                                                | <b>Hiểu:</b><br>Hệ thức giữa tốc độ, bước sóng, tần số, chu kì của sóng điện từ (trong chân không)                                                  |

### **C. BẢNG ĐẶC TẢ CHI TIẾT CỦA ĐỀ KIỂM TRA**

**PHẦN I (3đ). Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ lựa chọn một phương án.

#### **\* Từ trường (2 câu)**

**Câu 1 (B) :** Lý thuyết

- Tương tác từ, khái niệm từ trường, tính chất cơ bản của từ trường, cảm ứng từ, từ trường đều.
- Từ phổ, đường sức từ, các đặc điểm của đường sức từ.

**Câu 2 (H):** Lý thuyết

Hình dạng đường sức từ, cách xác định chiều đường sức từ của từ trường sinh ra bởi: Nam châm thẳng, nam châm chữ U, dòng điện thẳng, dòng điện tròn, ống dây dẫn mang dòng điện.

#### **\* Lực từ tác dụng lên dây dẫn mang dòng điện. Cảm ứng từ (2 câu)**

**Câu 3 (B):** Lý thuyết

Đặc điểm cảm ứng từ (véc tơ cảm ứng từ): Điểm đặc, phương, chiều, độ lớn, đơn vị.

**Câu 4 (B) :** Lý thuyết

Lực từ tác dụng lên đoạn dây dẫn thẳng mang dòng điện đặt trong từ trường đều: Nắm được điểm đặt, phương, chiều, độ lớn và biết xác định.

#### **\* Từ thông. Cảm ứng điện từ (2 câu)**

**Câu 5 (B):** Lý thuyết

Từ thông, hiện tượng cảm ứng điện từ.

**Câu 6 (B):** Lý thuyết

- Định luật Lenz về chiều dòng điện cảm ứng. Biết xác định chiều dòng điện cảm ứng.
- Định luật Faraday về độ lớn của suất điện động cảm ứng.

**\* Máy phát điện xoay chiều (3 câu)**

**Câu 7 (B) :** Lý thuyết

- Nguyên tắc tạo ra dòng điện xoay chiều.
- Khái niệm dòng điện xoay chiều, điện áp xoay chiều.

**Câu 8 (B):** Lý thuyết

- Máy phát điện xoay chiều: Cấu tạo, nguyên tắc hoạt động.
- Ứng dụng và quy tắc an toàn khi sử dụng dòng điện xoay chiều.

**\* Ứng dụng hiện tượng cảm ứng điện từ (2 câu)**

**Câu 9 (B):** Lý thuyết

- Ứng dụng hiện tượng cảm ứng điện từ: Máy biến áp, đèn ghi ta điện, sạc không dây, dòng điện Foucault,...

**Câu 10 (H):** Bài tập

Bài tập liên quan đến công thức  $U_1/U_2 = N_1/N_2$  của máy biến áp.

**\* Điện từ trường, mô hình sóng điện từ (2 câu)**

**Câu 11 (B):** Lý thuyết

Từ trường biến thiên và điện trường xoáy, điện trường biến thiên và từ trường, điện từ trường.

**Câu 12 (B):** Lý thuyết

Sự tạo thành sóng điện từ, định nghĩa sóng điện từ, các đặc điểm của sóng điện từ.

**PHẦN II (2đ). Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý **a) b) c) d)** ở mỗi câu, thí sinh chỉ chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1:** Lực từ tác dụng lên dây dẫn mang dòng điện. Cảm ứng từ.

- a) Lý thuyết nhận biết.
- b) Lý thuyết nhận biết.
- c) Bài tập hiểu.
- d) Bài tập hiểu.

**Câu 2:** Từ thông. Hiện tượng cảm ứng điện từ.

- a) Lý thuyết nhận biết.
- b) Lý thuyết nhận biết.
- c) Bài tập hiểu.
- d) Bài tập hiểu.

**PHẦN III (2đ). Câu trắc nghiệm trả lời ngắn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4

**Câu 1 (H):** Bài toán về lực từ tác dụng lên dây dẫn thẳng mang dòng điện đặt trong từ trường đều.

**Câu 2 (H):** Bài toán về từ thông.

**Câu 3 (VD):** Bài toán về suất điện động cảm ứng.

**Câu 4 (VD):** Bài toán liên quan đến biểu thức từ thông, suất điện động cảm ứng trong máy phát điện xoay chiều.

Bài toán liên quan đến biểu thức  $i$ ,  $u$  của dòng điện xoay chiều.

**PHẦN IV (3đ). Tự luận.** Thí sinh làm tự luận từ câu 1 đến câu 2

**Câu 1:** Bài toán về lực từ tác dụng lên dây dẫn mang dòng điện đặt trong từ trường đều.

- a) (1,0 điểm) 1 ý biết + 1 ý hiểu (mỗi ý 0,5 điểm).
- b) (0,5 điểm) 1 ý vận dụng.

**Câu 2:** Bài toán về từ thông, suất điện động cảm ứng.

- a) (1,0 điểm) Bài tập vận dụng.
- b) (0,5 điểm) Bài tập vận dụng (cao).

**HẾT**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II - LỚP 10- MÔN HÓA HỌC**

| TT               | Chương/Chủ đề          | Đơn vị kiến thức                                   | Mức độ đánh giá         |          |    |                    |         |     |                         |      |    |              |      |    | TỔNG |      |     | Tỉ lệ điểm |
|------------------|------------------------|----------------------------------------------------|-------------------------|----------|----|--------------------|---------|-----|-------------------------|------|----|--------------|------|----|------|------|-----|------------|
|                  |                        |                                                    | TNKQ nhiều lựa chọn (I) |          |    | TNKQ đúng-sai (II) |         |     | TNKQ trả lời ngắn (III) |      |    | Tự luận (IV) |      |    |      |      |     |            |
|                  |                        |                                                    | Biết                    | Hiểu     | VD | Biết               | Hiểu    | VD  | Biết                    | Hiểu | VD | Biết         | Hiểu | VD | Biết | Hiểu | VD  |            |
| 1                | Phản ứng oxi hoá – khử | Phản ứng oxi hoá - khử và ứng dụng trong cuộc sống | C1, C2, C3              | C9       |    | C1a C1b            | C1c C1d |     | C1                      |      | C2 |              |      | C1 | 6    | 3    | 2   | 35%        |
| 2                | Năng lượng hoá học     | Enthalpy tạo thành và biến thiên enthalpy của pưhh | C4, C5, C6              | C10, C11 |    | C2a C2b C2c        |         | C2d |                         | C3   |    |              | C2   |    | 6    | 4    | 1   | 35%        |
|                  |                        | Tính biến thiên enthalpy phản ứng hóa học          | C7, C8                  | C12      |    | C3a C3b            | C3c     | C3d |                         |      | C4 |              |      | C3 | 4    | 2    | 3   | 30%        |
| Tổng số lệnh hỏi |                        |                                                    | 8                       | 4        |    | 7                  | 3       | 2   | 4                       |      |    | 3            |      |    | 16   | 9    | 6   | 100        |
| Tổng điểm        |                        |                                                    | 12 câu x 0,25 = 3       |          |    | 3 câu x 1 = 3      |         |     | 4 câu x 0,25 = 1        |      |    | 3            |      |    | 10   |      |     | 100        |
| Tỉ lệ điểm       |                        |                                                    | 30%                     |          |    | 30%                |         |     | 10%                     |      |    | 30%          |      |    | 40%  | 30%  | 30% | 100        |

**MA TRẬN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II - LỚP 10- MÔN HÓA HỌC**

| TT | Chủ đề                 | Đơn vị kiến thức              | Yêu cầu cần đạt                                                                                      | Cấp độ Tư duy | Số lượng câu hỏi ở các mức độ |               |                   |         |
|----|------------------------|-------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-------------------------------|---------------|-------------------|---------|
|    |                        |                               |                                                                                                      |               | Trắc nghiệm                   |               |                   | Tự luận |
|    |                        |                               |                                                                                                      |               | TNKQ 4 lựa chọn               | TNKQ đúng sai | TNKQ trả lời ngắn |         |
| 1  | Phản ứng oxi hoá – khử | Phản ứng oxi hoá - khử và ứng | – Nêu được khái niệm và xác định được số oxi hoá của nguyên tử các nguyên tố trong hợp chất. (HH1.1) | Biết          | C1                            |               | C1                |         |
|    |                        |                               |                                                                                                      | Hiểu          |                               | C1b           |                   |         |
|    |                        |                               |                                                                                                      | Vận dụng      |                               |               |                   |         |

|   |                           |                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                       |          |                   |                      |           |           |
|---|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-------------------|----------------------|-----------|-----------|
|   |                           | dụng trong cuộc sống                                                              | Nêu được khái niệm về phản ứng oxi hoá – khử và ý nghĩa của phản ứng oxi hoá – khử. (HH1.1)                                                                                                                                                                           | Biết     | <b>C2; C3</b>     | <b>C1a</b>           |           |           |
|   |                           |                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                       | Hiểu     | <b>C9</b>         | <b>C1c</b>           |           |           |
|   |                           |                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                       | Vận dụng |                   |                      | <b>C2</b> |           |
|   |                           | Cân bằng được phản ứng oxi hoá – khử bằng phương pháp thăng bằng electron.(HH2.5) |                                                                                                                                                                                                                                                                       | Biết     |                   |                      |           |           |
|   |                           |                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                       | Hiểu     |                   |                      |           |           |
|   |                           |                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                       | Vận dụng |                   | <b>C1d</b>           |           | <b>C1</b> |
| 2 | <b>Năng lượng hoá học</b> | Enthalpy tạo thành và biến thiên enthalpy của pưhh                                | - Trình bày được khái niệm phản ứng toả nhiệt, thu nhiệt; điều kiện chuẩn (áp suất 1 bar và thường chọn nhiệt độ 25° C hay 298 K); (HH1.2); enthalpy tạo thành và biến thiên enthalpy của phản ứng – Nêu được ý nghĩa của dấu và giá trị $\Delta_r H_{298}^0$ (HH1.1) | Biết     | <b>C4; C5; C6</b> | <b>C2a; C2b; C2c</b> |           |           |
|   |                           |                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                       | Hiểu     | <b>C10; C11</b>   |                      | <b>C3</b> | <b>C2</b> |
|   |                           |                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                       | Vận dụng |                   | <b>C2d</b>           |           |           |
|   |                           | Tính biến thiên enthalpy phản ứng hóa học                                         | Cách tính biến thiên enthalpy của một phản ứng (HH1.2)                                                                                                                                                                                                                | Biết     | <b>C7; C8</b>     | <b>C3a; C3b</b>      |           |           |
|   |                           |                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                       | Hiểu     | <b>C12</b>        | <b>C3c</b>           |           |           |
|   |                           |                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                       | Vận dụng |                   | <b>C3d</b>           | <b>C4</b> | <b>C3</b> |
|   |                           |                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                       |          | <b>12</b>         | <b>3</b>             | <b>4</b>  | <b>3</b>  |

**MA TRẬN KIỂM TRA GIỮA HK2 – MÔN HÓA HỌC LỚP 11**  
**NĂM HỌC 2024.2025**

- 1. Nội dung:** Từ bài alkane đến bài dẫn xuất halogen.
- 2. Cấu trúc đề** (Trắc nghiệm: 7,0 điểm; Tự luận: 3,0 điểm)

| Phần câu hỏi | Dạng thức câu hỏi |                                      | Số câu                       | Số lệnh hỏi | Số điểm/ Lệnh hỏi | Số điểm |
|--------------|-------------------|--------------------------------------|------------------------------|-------------|-------------------|---------|
| Trắc nghiệm  | Phần 1<br>(I)     | Câu trắc nghiệm 4 phương án lựa chọn | 12 câu (Từ câu 1 đến câu 12) | 12          | 0,25              | 3,0     |
|              | Phần 2<br>(II)    | Câu trắc nghiệm đúng sai             | 3 câu (Từ câu 1 đến câu 3)   | 12          | 0,1/0,25/0,5/1    | 3,0     |
|              | Phần 3<br>(III)   | Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn | 4 câu (Từ câu 1 đến câu 4)   | 4           | 0,25              | 1,0     |
| Tự luận      |                   |                                      | 3 câu (Từ câu 1 đến câu 3)   | 3-6         | 0,25-0,75         | 3,0     |
| Tổng         |                   |                                      | 22                           | 31-34       |                   | 10,0    |

### 3. Ma trận

#### MA TRẬN ĐỀ THI GIỮA HKII – LỚP 11

| TT                     | Chương / chủ đề | Nội dung/đơn vị kiến thức | Mức độ đánh giá               |      |      |                            |      |     |                               |      |      |                    |      |    | Tổng |      |     | Tỉ lệ % điểm |
|------------------------|-----------------|---------------------------|-------------------------------|------|------|----------------------------|------|-----|-------------------------------|------|------|--------------------|------|----|------|------|-----|--------------|
|                        |                 |                           | PHẦN I<br>TNKQ nhiều lựa chọn |      |      | PHẦN II<br>TNKQ đúng – sai |      |     | PHẦN III<br>TNKQ trả lời ngắn |      |      | PHẦN IV<br>Tự luận |      |    |      |      |     |              |
|                        |                 |                           | Biết                          | Hiểu | VD   | Biết                       | Hiểu | VD  | Biết                          | Hiểu | VD   | Biết               | Hiểu | VD | Biết | Hiểu | VD  |              |
| 1                      | Chương 4        | Alkane                    | 1                             |      |      | 2                          | 2    |     |                               |      | 1    |                    |      | 1  | 3    | 2    | 2   | 25%          |
|                        |                 | Hydrocarbon không no      | 3                             | 1    | 1    | 1                          | 1    | 2   | 1                             |      |      |                    | 1    |    | 5    | 3    | 3   | 35%          |
|                        |                 | Arene                     |                               | 1    | 1    | 1                          | 1    | 2   | 1                             | 1    |      |                    |      |    | 2    | 3    | 3   | 20%          |
| 2                      | Chương 5        | Dẫn xuất halogen          | 2                             | 1    | 1    |                            |      |     |                               |      |      | 1                  |      |    | 3    | 1    | 1   | 20%          |
| Tổng số câu (Lệnh hỏi) |                 |                           | 6                             | 3    | 3    | 4                          | 4    | 4   | 2                             | 1    | 1    | 1                  | 1    | 1  | 13   | 9    | 9   |              |
| Tổng số điểm           |                 |                           | 1,5                           | 0,75 | 0,75 | 1,0                        | 1,0  | 1,0 | 0,5                           | 0,25 | 0,25 | 1                  | 1    | 1  | 4,0  | 3,0  | 3,0 |              |
| Tỉ lệ % điểm           |                 |                           | 30,0                          |      |      | 30,0                       |      |     | 10,0                          |      |      | 30,0               |      |    | 40   | 30   | 30  | 100          |

## MA TRẬN THI GIỮA HK2 – LỚP 12

**1. Nội dung:** Từ bài 13 đến bài 17

**2. Cấu trúc đề :** Trắc nghiệm: 7,0 điểm; Tự luận 3 điểm

| Phần câu hỏi                  | Dạng thức câu hỏi             |                                      | Số câu                       | Số lệnh hỏi | Số điểm/<br>Lệnh hỏi | Số điểm     |
|-------------------------------|-------------------------------|--------------------------------------|------------------------------|-------------|----------------------|-------------|
| <b>Trắc nghiệm</b>            | <i>Phần 1</i><br><b>(I)</b>   | Câu trắc nghiệm 4 phương án lựa chọn | 12 câu (Từ câu 1 đến câu 12) | 12          | 0,25                 | <b>3</b>    |
|                               | <i>Phần 2</i><br><b>(II)</b>  | Câu trắc nghiệm đúng sai             | 3 câu (Từ câu 1 đến câu 3)   | 12          | 0,1/0,25/0,5/1       | <b>3</b>    |
|                               | <i>Phần 3</i><br><b>(III)</b> | Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn | 4 câu (Từ câu 1 đến câu 6)   | 4           | 0,25                 | <b>1</b>    |
| <b>Tự luận</b><br><b>(IV)</b> | Tùy chọn                      |                                      | 3 câu (Từ câu 1 đến câu 3)   | 6           | 0,5                  | <b>3</b>    |
| <b>Tổng</b>                   |                               |                                      | <b>22</b>                    | <b>34</b>   |                      | <b>10,0</b> |

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 2 – MÔN HÓA 12 (2024-2025)

Cấu trúc đề: Trắc nghiệm: 7 điểm; Tự luận: 3 điểm

| STT | Chương/<br>chủ đề                           | Nội<br>dung/đơn vị<br>kiến thức                   | Mức độ đánh giá            |      |    |                      |               |           |                            |      |          |              |           |               | Tổng |      |    | Tỉ lệ<br>% điểm |
|-----|---------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------|------|----|----------------------|---------------|-----------|----------------------------|------|----------|--------------|-----------|---------------|------|------|----|-----------------|
|     |                                             |                                                   | TNKQ nhiều lựa<br>chọn (I) |      |    | TNKQ đúng – sai (II) |               |           | TNKQ trả lời ngắn<br>(III) |      |          | Tự luận (IV) |           |               |      |      |    |                 |
|     |                                             |                                                   | Biết                       | Hiểu | VD | Biết                 | Hiểu          | VD        | Biết                       | Hiểu | VD       | Biết         | Hiểu      | VD            | Biết | Hiểu | VD |                 |
| 1   | Chương 5:<br>PIN ĐIỆN<br>– ĐIỆN<br>PHÂN     | Điện phân                                         | Câu<br>1, 2                |      |    | Câu<br>1a            | Câu<br>1b, 1c | Câu<br>1d |                            |      |          |              |           | Câu<br>1a, 1b | 3    | 2    | 3  | 2,5             |
| 2   | Chương 6:<br>ĐẠI<br>CƯƠNG<br>VỀ KIM<br>LOẠI | Cấu tạo và<br>tính chất vật<br>lý của kim<br>loại | Câu<br>3, 4                |      |    |                      |               |           |                            |      |          |              |           |               | 2    |      |    | 0,5             |
|     |                                             | Tính chất hóa<br>học của kim<br>loại              | Câu<br>5, 6                |      |    | Câu<br>2a            | Câu<br>2b, 2c | Câu<br>2d |                            |      | Câu<br>1 |              |           |               | 3    | 2    | 2  | 1,75            |
|     |                                             | Tách kim loại<br>và tái chế<br>kim loại           | Câu<br>7, 8                |      |    |                      |               |           |                            |      | Câu<br>2 |              | Câu<br>2a | Câu<br>2b     | 3    |      | 2  | 1,75            |

|              |                                   |                                   |                  |  |  |           |                     |     |    |       |     |    |           |           |    |    |    |      |
|--------------|-----------------------------------|-----------------------------------|------------------|--|--|-----------|---------------------|-----|----|-------|-----|----|-----------|-----------|----|----|----|------|
|              |                                   | Hợp kim,<br>Sự ăn mòn<br>kim loại | Câu<br>9, 10     |  |  |           |                     |     |    | Câu 3 |     |    |           |           | 2  | 1  |    | 0,75 |
| 3            | Chương 7:<br>Nguyên tố<br>nhóm IA | Nguyên tố<br>nhóm IA              | Câu<br>11,<br>12 |  |  | Câu<br>3a | Câu<br>3b,<br>3c,3d |     |    | Câu 4 |     |    | Câu<br>3a | Câu<br>3b | 3  | 5  | 1  | 2,75 |
| Tổng số câu  |                                   |                                   | 12               |  |  | 2         | 8                   | 2   |    | 2     | 2   |    | 1         | 4         | 16 | 10 | 8  |      |
| Tổng số điểm |                                   |                                   | 3                |  |  | 0,5       | 2                   | 0,5 |    | 0,5   | 0,5 |    | 0,5       | 2         | 4  | 3  | 3  | 10   |
| Tỉ lệ %      |                                   |                                   | 30               |  |  | 30        |                     |     | 10 |       |     | 30 |           |           | 40 | 30 | 30 | 100  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II - LỚP 12- MÔN HÓA HỌC**

| TT  | Chủ đề                                 | Nội dung/đơn vị kiến thức | Cấp độ tư duy    | Yêu cầu cần đạt                                                                                                                                                                     | Số lượng câu hỏi ở các mức độ |          |              |         |
|-----|----------------------------------------|---------------------------|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|----------|--------------|---------|
|     |                                        |                           |                  |                                                                                                                                                                                     | Trắc nghiệm                   |          |              | Tự luận |
|     |                                        |                           |                  |                                                                                                                                                                                     | Nhiều lựa chọn                | Đúng-Sai | Trả lời ngắn |         |
| (1) | (2)                                    | (3)                       | (4)              | (5)                                                                                                                                                                                 | (6)                           | (7)      | (8)          | (9)     |
| 1   | <b>Chương 5: PIN ĐIỆN VÀ ĐIỆN PHÂN</b> | <b>Bài 13: Điện phân</b>  | NB<br><br>NB, TH | - Trình bày được nguyên tắc (thứ tự) điện phân dung dịch, điện phân nóng chảy.<br>- Nêu được ứng dụng của một số hiện tượng điện phân trong thực tiễn (mạ điện, tinh chế kim loại). | Câu 1<br><br>Câu 2            | Câu 1    |              | Câu 1   |

|   |                                        |                                                         |                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                 |              |              |                   |
|---|----------------------------------------|---------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------|--------------|-------------------|
|   |                                        |                                                         | <b>TH, VD</b><br><br><b>TH, VD</b>                   | <p>- Trình bày được giai đoạn điện phân aluminium oxide trong sản xuất nhôm (aluminium), tinh luyện đồng (copper) bằng phương pháp điện phân, mạ điện.</p> <p>- Thực hiện được (hoặc quan sát video) thí nghiệm điện phân dung dịch copper(II) sulfate, dung dịch sodium chloride (tự chế tạo nước Javel để tẩy rửa).</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                 |              |              | <b>Câu 1a, 1b</b> |
| 2 | <b>Chương 6: ĐẠI CƯƠNG VỀ KIM LOẠI</b> | <b>Bài 14: Cấu tạo và tính chất vật lý của kim loại</b> | <b>NB</b><br><b>NB</b><br><b>TH</b><br><br><b>TH</b> | <p>- Trình bày được đặc điểm cấu tạo của nguyên tử kim loại và tinh thể kim loại.</p> <p>- Nêu được đặc điểm của liên kết kim loại</p> <p>- Giải thích được tính chất vật lý chung của kim loại (tính dẻo, tính dẫn điện, tính dẫn nhiệt, có ánh kim)</p> <p>- Trình bày được ứng dụng từ tính chất vật lý chung và riêng của kim loại.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <b>Câu 3</b>    |              |              |                   |
|   |                                        | <b>Bài 14: Tính chất hóa học của kim loại</b>           | <b>NB, TH</b><br><br><b>TH</b><br><b>TH</b>          | <p>- Sử dụng bảng giá trị thế điện cực chuẩn của một số cặp oxi hoá – khử phổ biến của ion kim loại/ kim loại (có bổ sung thế điện cực chuẩn các cặp: <math>\text{H}_2\text{O}/\text{OH}^- + 1/2\text{H}_2</math>; <math>2\text{H}^+/\text{H}_2</math>; để giải thích được các trường hợp kim loại phản ứng với dung dịch HCl, <math>\text{H}_2\text{SO}_4</math> loãng và đặc; nước; dung dịch muối.</p> <p>- Trình bày được phản ứng của kim loại với phi kim (chlorine, oxygen, lưu huỳnh) và viết được các phương trình hoá học.</p> <p>- Thực hiện được một số thí nghiệm của kim loại tác dụng với phi kim, acid (HCl, <math>\text{H}_2\text{SO}_4</math>), muối.</p> | <b>Câu 5, 6</b> | <b>Câu 2</b> | <b>Câu 1</b> |                   |

|  |                                             |                                              |                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                    |              |              |                          |
|--|---------------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------------|--------------|--------------------------|
|  |                                             | <b>Bài 15: Các phương pháp tách kim loại</b> | <b>NB</b><br><br><b>TH</b><br><br><b>VD</b>                                        | -Nêu được trạng thái tự nhiên của một số kim loại, một số loại quặng phổ biến của kim loại .<br><br>- Trình bày và giải thích được phương pháp tách kim loại hoạt động mạnh như sodium, magnesium, nhôm (aluminium); Phương pháp tách kim loại hoạt động trung bình như kẽm (zinc), sắt (iron); Phương pháp tách kim loại kém hoạt động như đồng (copper)<br><br>- Trình bày được nhu cầu và thực tiễn tái chế kim loại phổ biến sắt, nhôm, đồng...                                                                                                                                                                                                              | <b>Câu 7<br/>(HH1.4)<br/>Câu 8</b> |              | <b>Câu 2</b> | <b>Câu 2</b>             |
|  |                                             | <b>Bài 16: Hợp kim, Sự ăn mòn kim loại</b>   | <b>NB</b><br><b>NB</b><br><br><b>NB</b><br><b>NB</b><br><br><b>TH</b><br><b>TH</b> | -Trình bày được khái niệm hợp kim, các hợp kim phổ biến trong cuộc sống.<br>- Trình bày được một số tính chất của hợp kim so với kim loại thành phần.<br>- Nêu được thành phần, tính chất và ứng dụng một số hợp kim quan trọng của sắt và nhôm (gang, thép, dural,...).<br>- Nêu được khái niệm ăn mòn kim loại từ sự biến đổi của một số kim loại, hợp kim trong tự nhiên.<br>- Trình bày được các dạng ăn mòn kim loại và các phương pháp chống ăn mòn kim loại.<br>- Thực hiện được (hoặc quan sát qua video) thí nghiệm ăn mòn điện hoá đối với sắt và thí nghiệm bảo vệ sắt bằng phương pháp điện hoá, mô tả hiện tượng thí nghiệm, giải thích và nhận xét | <b>Câu 9, 10</b>                   |              | <b>Câu 3</b> |                          |
|  | <b>Chương 7:<br/>NGUYÊN TỐ NHÓM IA, IIA</b> | <b>Bài 17: Nguyên tố nhóm IA</b>             | <b>NB</b><br><b>NB</b><br><br><b>TH</b><br><b>TH</b>                               | -Nêu được trạng thái tự nhiên của nguyên tố nhóm IA<br>-Nêu được xu hướng biến đổi nhiệt độ nóng chảy, nhiệt độ sôi của kim loại nhóm IA.<br><br>- Giải thích nguyên nhân khối lượng riêng nhỏ, độ cứng thấp, của kim loại kiềm.<br><br>- Giải thích được nguyên nhân kim loại nhóm IA có tính khử mạnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>Câu 11, 12</b>                  | <b>Câu 3</b> | <b>Câu 4</b> | <b>Câu 3<br/>(HH3.1)</b> |

|  |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |  |  |  |  |
|--|--|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|
|  |  |  |  | <p>hơn so với các nhóm kim loại khác.</p> <p><b>TH, VD NB</b> -Thông qua thí nghiệm (hoặc quan sát video) nêu được mức độ phản ứng tăng dần từ lithium, sodium, potassium khi chúng phản ứng với nước, chlorine, oxygen.</p> <p>-Trình bày được cách bảo quản kim loại nhóm IA.</p> <p><b>TH NB</b> -Giải thích được trạng thái tồn tại của kim loại nhóm IA trong tự nhiên.</p> <p>-Nêu được khả năng tan trong nước của kim loại nhóm IA.</p> <p><b>TH VD</b> -Thực hiện được thí nghiệm (hoặc qua quan sát video) phân biệt được ion <math>\text{Li}^+</math>, <math>\text{Na}^+</math>, <math>\text{K}^+</math> bằng màu ngọn lửa.</p> <p><b>TH</b> -Tìm hiểu và trình bày được ứng dụng của sodium chloride.</p> <p>-Trình bày được quá trình điện phân dung dịch sodium chloride và các sản phẩm cơ bản của công nghiệp chlorine- kiềm.</p> <p><b>TH</b> -Giải thích được các ứng dụng phổ biến của sodium hydrogencarbonate, sodium carbonate và phương pháp Solvay sản xuất soda</p> |  |  |  |  |
|--|--|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|

## TRƯỜNG THPT LONG KHÁNH

### Ma trận, bản đặc tả Kiểm tra giữa học kì II môn Sinh học lớp 10

Năm học 2025 -2026

#### a) Ma trận

- **Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra giữa học kì 2.
- **Thời gian làm bài:** 45 phút.
- **Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận
- **Cấu trúc:**
  - + Mức độ đề: *40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng.*
  - + Phần I. Trắc nghiệm 4 lựa chọn, 1 lựa chọn đúng/đúng nhất: 12 Câu = 3 điểm
  - + Phần II. Trắc nghiệm đúng sai: 2 Câu = 8 ý = 2 điểm
  - + Phần III. Trắc nghiệm câu trả lời ngắn: 4 câu = 2 điểm
  - + Phần IV. Tự luận: 3 Câu = 3 điểm

| TT                   | Chương/<br>chủ đề                                          | Nội dung/đơn vị kiến<br>thức         | Mức độ đánh giá        |      |      |                 |     |     |                   |     |     |         |   |    | Tổng |    |    | Tỉ lệ<br>%<br>điểm |
|----------------------|------------------------------------------------------------|--------------------------------------|------------------------|------|------|-----------------|-----|-----|-------------------|-----|-----|---------|---|----|------|----|----|--------------------|
|                      |                                                            |                                      | TNKQ nhiều lựa<br>chọn |      |      | TNKQ đúng - sai |     |     | TNKQ trả lời ngắn |     |     | Tự luận |   |    |      |    |    |                    |
|                      |                                                            |                                      | B                      | H    | VD   | B               | H   | VD  | B                 | H   | VD  | B       | H | VD | B    | H  | VD |                    |
| 1                    | Chủ đề 1<br>TRAO ĐỔI<br>CHẤT VÀ<br>CHNL<br>TRONG TẾ<br>BÀO | ND1. Thông tin giữa<br>các tế bào    | 2                      |      |      |                 |     |     | 1                 |     |     |         |   |    | 3    |    |    | 10%                |
| 2                    | Chủ đề 2<br>CHỦ ĐỀ<br>CHU KÌ TẾ<br>BÀO VÀ<br>PHÂN BÀO      | ND1. Chu kì tế bào và<br>nguyên phân | 3                      | 2    | 2    | 2               | 1   | 1   |                   |     |     | 1       |   | 1  | 6    | 3  | 4  | 90%                |
|                      |                                                            | ND2. Giảm phân                       |                        |      | 1    |                 |     |     | 1                 | 1   | 1   |         |   |    | 1    | 1  | 2  |                    |
|                      |                                                            | ND3. Công nghệ tế bào                | 1                      | 1    |      | 2               | 1   | 1   |                   |     |     | (1)     | 1 |    | 3    | 3  | 1  |                    |
| Tổng số câu/lệnh hỏi |                                                            |                                      | 6                      | 3    | 3    | 4               | 2   | 2   | 2                 | 1   | 1   | 1       | 1 | 1  | 13   | 7  | 7  | 27                 |
| Tổng số điểm         |                                                            |                                      | 1,5                    | 0,75 | 0,75 | 0,8             | 0,6 | 0,6 | 1                 | 0,5 | 0,5 | 1       | 1 | 1  |      |    |    | 10                 |
| Tỉ lệ %              |                                                            |                                      | 30                     |      |      | 20              |     |     | 20                |     |     | 30      |   |    | 40   | 30 | 30 | 100                |

## B. Bản đặc tả đề kiểm tra học kì II lớp 10

| TT  | Chương/<br>chủ đề                                                      | Nội dung/đơn vị kiến<br>thức                | Yêu cầu cần đạt<br>(Đã được tách ra theo các mức độ)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Số lượng câu/lệnh hỏi ở các mức độ |          |                        |          |
|-----|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------|------------------------|----------|
|     |                                                                        |                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Trắc nghiệm                        |          |                        | Tự luận  |
|     |                                                                        |                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Nhiều lựa<br>chọn                  | Đúng-Sai | Trả lời<br>ngắn        |          |
| (1) | (2)                                                                    | (3)                                         | (4)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | (5)                                | (6)      | (7)                    | (8)      |
| 1   | <b>Chủ đề 1<br/>TRAO ĐỔI<br/>CHẤT VÀ<br/>CHNL<br/>TRONG TẾ<br/>BÀO</b> | <b>ND1.</b> Thông tin giữa<br>các tế bào    | <b>Nhận biết</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nêu được khái niệm về thông tin giữa các tế bào.</li> <li>Nêu các kiểu truyền thông tin giữa các tế bào</li> <li>Nêu các giai đoạn trong cơ chế truyền thông tin giữa các tế bào</li> </ul> <b>Thông hiểu</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Dựa vào sơ đồ thông tin giữa các tế bào, trình bày được quá trình truyền thông tin giữa các tế bào</li> </ul> | 1B (NT1)<br><br>1B (NT1)           |          | 1B (NT1)               |          |
| 2   | <b>Chủ đề 2<br/>CHỦ ĐỀ<br/>CHU KÌ TẾ<br/>BÀO VÀ<br/>PHÂN BÀO</b>       | <b>ND1.</b> Chu kì tế bào và<br>nguyên phân | <b>Nhận biết</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nêu được khái niệm chu kì tế bào.</li> <li>Nêu được khái niệm khối u, ung thư</li> </ul> <b>Thông hiểu</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nêu được một số diễn biến, kết quả, ý nghĩa, loại tế bào thực hiện,... trong nguyên phân.</li> <li>Trình bày được một số thông tin về bệnh ung thư ở Việt Nam.</li> </ul>                                        | 3B (NT1)                           |          | 2B (NT1)<br>1H (NT2-5) | 1B (NT1) |

|  |  |                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             |             |  |              |
|--|--|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|--|--------------|
|  |  |                | <b>Thông hiểu</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Dựa vào sơ đồ, trình bày được các giai đoạn trong chu kì tế bào.</li> <li>– Dựa vào sơ đồ, trình bày được mối quan hệ giữa các giai đoạn trong chu kì tế bào.</li> <li>– Trình bày được vai trò của các điểm kiểm soát chu kì tế bào.</li> <li>– Dựa vào cơ chế nhân đôi và phân li của nhiễm sắc thể, giải thích được quá trình nguyên phân là cơ chế sinh sản của tế bào.</li> </ul> <b>Vận dụng</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giải thích được sự phân chia tế bào một cách không bình thường có thể dẫn đến ung thư.</li> <li>– Đề xuất biện pháp phòng tránh ung thư</li> </ul> <b>Vận dụng cao</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng kiến thức về nguyên phân vào giải thích một số vấn đề trong thực tiễn (tính số NST, số tâm động, số tế bào con, xác định các giai đoạn trong cơ chế phân bào của tiêu bản cụ thể,...)</li> </ul> | 2H (NT 2-5) | 1VD (NT6-8) |  |              |
|  |  |                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1VD (NT6-8) |             |  |              |
|  |  |                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1VD (NT6-8) |             |  | 1VD (NT 6-8) |
|  |  | ND2. Giám phân | <b>Nhận biết</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |             |             |  |              |



|  |  |                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                             |                                       |   |            |
|--|--|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---|------------|
|  |  |                         | - Đề xuất được các biện pháp phòng tránh những yếu tố tiêu cực ảnh hưởng đến quá trình giảm phân.                                                                                                                                                                                                                                      |                                                             |                                       |   |            |
|  |  | <b>Công nghệ tế bào</b> | <b>Nhận biết</b><br>– Nêu được khái niệm, nguyên lí, thành tựu công nghệ tế bào thực vật<br>– Nêu được khái niệm, nguyên lí, thành tựu công nghệ tế bào động vật<br><b>Thông hiểu</b><br>Trình bày quy trình của công nghệ tế bào thực vật, động vật<br><b>Vận dụng</b><br>Phân tích ý nghĩa của công nghệ tế bào thực vật và động vật | 1B (NT1)<br><br><br><br><br><br><br><br><br><br>1H (NT 2-5) | 2B (NT1)<br>1H (NT2-5)<br>1VD (NT6-8) |   | 1H (NT2-5) |
|  |  |                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 12                                                          | 8                                     | 4 | 3          |

MA TRẬN KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 2  
MÔN SINH HỌC 11  
NĂM HỌC 2025 -2026

1. Thời điểm kiểm tra: Tuần 26 của năm học.

2. Thời gian làm bài: 45 phút

3. Hình thức kiểm tra: *Trắc nghiệm*

4. Cấu trúc đề:

- Mức độ tư duy: **40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng.**

- Tổng điểm: 10 điểm, gồm 28 câu. Trong đó:

+ **Phần I:** Dạng trắc nghiệm nhiều lựa chọn gồm 12 câu TNNLC = 3 điểm

+ **Phần II:** Dạng trắc nghiệm Đúng/Sai gồm 2 câu = 2,0 điểm.

- Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm;

- Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;

- Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm;

- Học sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 01 câu hỏi được 1,0 điểm.

+ **Phần III:** Dạng trắc nghiệm trả lời ngắn gồm 4 câu = 2 điểm.

- Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm

+ **Phần IV:** Tự luận gồm 3 câu = 3 điểm

- Mỗi câu trả lời đúng được 1 điểm

5. BẢNG MA TRẬN

| TT                   | Chương/<br>chủ đề                                                | Nội dung/đơn vị kiến<br>thức                  | Mức độ đánh giá        |      |      |                 |     |     |                   |     |     |         |   |    | Tổng |    |    | Tỉ lệ<br>%<br>điểm |
|----------------------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|------------------------|------|------|-----------------|-----|-----|-------------------|-----|-----|---------|---|----|------|----|----|--------------------|
|                      |                                                                  |                                               | TNKQ nhiều lựa<br>chọn |      |      | TNKQ đúng - sai |     |     | TNKQ trả lời ngắn |     |     | Tự luận |   |    |      |    |    |                    |
|                      |                                                                  |                                               | B                      | H    | VD   | B               | H   | VD  | B                 | H   | VD  | B       | H | VD | B    | H  | VD |                    |
| 1                    | CẢM ỨNG<br>Ở ĐỘNG<br>VẬT                                         | Các dạng hệ thần<br>kinh                      | 1                      | 1    |      |                 |     |     | 1                 |     |     | 1       |   |    | 3    | 1  |    | 60,0%              |
|                      |                                                                  | Tế bào thần kinh<br>Truyền tin qua<br>synapse | 1                      |      | 1    |                 |     |     | 1                 |     |     |         |   |    | 2    |    | 1  |                    |
|                      |                                                                  | Phản xạ                                       | 1                      |      | 1    | 2               | 1   | 1   |                   | 1   |     |         |   |    | 3    | 2  | 2  |                    |
|                      |                                                                  | Các bệnh liên quan<br>hệ<br>thần kinh         | 1                      |      |      |                 |     |     |                   |     |     |         | 1 | 1  |      | 1  |    |                    |
| 2                    | TẬP TÍNH<br>Ở ĐỘNG<br>VẬT                                        |                                               | 1                      | 1    | 1    | 2               | 1   | 1   |                   |     |     |         |   |    | 3    | 2  | 2  | 17,5%              |
| 3                    | KHÁI<br>QUÁT<br>SINH<br>TRƯỞNG<br>VÀ PHÁT<br>TRIỂN Ở<br>SINH VẬT | Vòng đời và tuổi thọ<br>của sinh vật          | 1                      |      |      |                 |     |     |                   |     | 1   |         |   |    | 1    |    | 1  | 2,25%              |
|                      |                                                                  | Sinh trưởng phát triển ở<br>thực vật          |                        | 2    |      |                 |     |     |                   |     |     |         | 1 |    |      | 3  |    |                    |
| Tổng số câu/lệnh hỏi |                                                                  |                                               | 6                      | 3    | 3    | 4               | 2   | 2   | 2                 | 1   | 1   | 1       | 1 | 1  | 13   | 7  | 7  | 25                 |
| Tổng số điểm         |                                                                  |                                               | 1,5                    | 0,75 | 0,75 | 0,8             | 0,6 | 0,6 | 1                 | 0,5 | 0,5 | 1       | 1 | 1  |      |    |    | 10                 |
| Tỉ lệ %              |                                                                  |                                               | 30                     |      |      | 20              |     |     | 20                |     |     | 30      |   |    | 40   | 30 | 30 | 100                |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I (2025-2026)****MÔN: SINH HỌC 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45PHÚT**

| Chủ đề                                | Đơn vị KT                                  | Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Dạng thức                   |                                  |             |          |
|---------------------------------------|--------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|----------------------------------|-------------|----------|
|                                       |                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | NLC                         | Đ/S                              | TLN         | TL       |
| <b>CẢM<br/>ỨNG Ở<br/>ĐỘNG<br/>VẬT</b> | Các dạng hệ thần kinh                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được đại diện có hệ thần kinh</li> <li>– Dựa vào hình vẽ (hoặc sơ đồ), nhận biết được hệ thần kinh dạng ống, hệ thần kinh dạng lưới, dạng chuỗi hạch.</li> <li>– Phân biệt được hệ thần kinh dạng lưới và dạng chuỗi hạch về cấu tạo, tính chính xác, mức tiêu tốn năng lượng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1B-NT1<br>1 H-<br>NT2-5     |                                  | 1B-<br>NT1  | 1<br>NT1 |
|                                       | Tế bào thần kinh<br>Truyền tin qua synapse | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được cấu tạo và chức năng của tế bào thần kinh.</li> <li>- Dựa vào hình vẽ, nhận biết thành phần cấu trúc neuron.</li> <li>– Dựa vào sơ đồ, mô tả được cấu tạo synapse và quá trình truyền tin qua synapse.</li> <li>- Giải thích được tại sao những người bị hạ calcium trong máu thường bị rối loạn cảm giác.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1B-NT1<br><br>1VD-<br>NT6-8 |                                  | 1 B-<br>NT1 |          |
|                                       | Phản xạ                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>– Dựa vào sơ đồ, phân tích được một cung phản xạ (các thụ thể, dẫn truyền, phân tích, đáp ứng).</li> <li>– Nêu được các dạng thụ thể, vai trò của chúng (các thụ thể cảm giác về: cơ học, hoá học, điện, nhiệt, đau).</li> <li>- Giải thích được điều gì xảy ra nếu thụ thể đau ở người bị tổn thương.</li> <li>– Nêu được vai trò vị giác, xúc giác và khứu giác trong cung phản xạ.</li> <li>– Phân biệt được phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện.</li> <li>+ Nêu được đặc điểm và phân loại được phản xạ không điều kiện. Lấy được các ví dụ minh họa.</li> <li>+ Trình bày được đặc điểm, các điều kiện và cơ chế hình thành phản xạ có điều kiện.</li> <li>+ Giải thích cơ chế tiết nước bọt ở chó khi nghe tiếng chuông.</li> </ul> | 1B<br>1VD-<br>NT6-8         | 2NT1<br>1NT2-<br>5<br>1NT6-<br>8 | 1H-<br>NT2  |          |
|                                       | Các bệnh liên quan hệ thần kinh            | <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nêu được một số bệnh do tổn thương hệ thần kinh như mất khả năng vận động, mất khả năng cảm giác...</li> <li>– Đề xuất được các biện pháp bảo vệ hệ thần kinh: không lạm dụng chất kích thích; phòng chống nghiện và cai nghiện các chất kích thích.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1B-NT1                      |                                  |             | 1<br>VD  |
| <b>TẬP TÍNH<br/>ĐỘNG<br/>VẬT</b>      |                                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nêu được khái niệm tập tính ở động vật.</li> <li>– Phân tích được vai trò của tập tính đối với đời sống động vật.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1B-NT1                      | 2NT1<br>1 NT2-<br>5              |             |          |

|                                                       |                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |               |          |                |          |
|-------------------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|----------------|----------|
|                                                       |                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>– Lấy được một số ví dụ minh họa các dạng tập tính ở động vật.</li> <li>– Phân biệt được tập tính bẩm sinh và tập tính học được. Lấy được ví dụ minh họa.</li> <li>– Nêu được một số hình thức học tập ở động vật.</li> <li>- Giải thích tại sao hiện tượng di cư cũng được xem là một loại tập tính xã hội.</li> <li>- Một số ứng dụng tập tính động vật trong các hoạt động sống</li> </ul>                                                     | 1VD-NT6-8     | 1NT6     |                |          |
| <b>KHÁI QUÁT SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở SINH VẬT</b> |                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |               |          |                |          |
|                                                       | Vòng đời và tuổi thọ của sinh vật | <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nêu được khái niệm vòng đời và tuổi thọ của sinh vật. Lấy được ví dụ minh họa.</li> <li>- Đề xuất một số biện pháp tăng tuổi thọ ở con người.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <b>1B-NT1</b> |          | <b>1VD-VD2</b> |          |
|                                                       |                                   | <p>Nêu được đặc điểm sinh trưởng và phát triển ở thực vật.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích được một số yếu tố môi trường ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển ở thực vật.</li> <li>- Nêu được khái niệm mô phân sinh.</li> <li>- Trình bày được vai trò của mô phân sinh đối với sinh trưởng ở thực vật.</li> <li>- Phân biệt được các loại mô phân sinh.</li> <li>- Trình bày được quá trình sinh trưởng sơ cấp và sinh trưởng thứ cấp ở thực vật.</li> </ul> | 2H-NT2-5      |          |                | 1H-NT2-5 |
| <b>TỔNG</b>                                           |                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>12</b>     | <b>2</b> | <b>4</b>       | <b>3</b> |

**SỞ GD VÀ ĐT ĐỒNG NAI  
TRƯỜNG THPT LONG KHÁNH**

**MA TRẬN KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 2  
MÔN SINH HỌC 12  
NĂM HỌC 2025 -2026**

**a) Ma trận**

- **Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra giữa học kì 2.
  - **Thời gian làm bài:** 45 phút.
  - **Hình thức kiểm tra:** Trắc nghiệm & Tự luận
  - **Cấu trúc:**
    - + Mức độ đề: 40% *Nhận biết*; 30% *Thông hiểu*; 30% *Vận dụng*.
    - + Phần I. Trắc nghiệm 4 lựa chọn, 1 lựa chọn đúng/đúng nhất: 12 Câu = 3 điểm;
    - + Phần II. Trắc nghiệm đúng sai: 2 Câu = 8 ý = 2 điểm
    - + Phần III. Trắc nghiệm câu trả lời ngắn: 4 câu = 2 điểm
    - + Phần IV. Tự luận: 3 điểm.
- Đối với các môn học sử dụng 3 loại câu hỏi trắc nghiệm khách quan:** nhiều lựa chọn; đúng -sai; trả lời ngắn

| T<br>T               | Chương/<br>chủ đề                                              | Nội dung/đơn vị<br>kiến thức                        | Mức độ đánh giá        |      |      |                    |     |     |                      |     |     |         |   |    | Tổng |    |    |
|----------------------|----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|------------------------|------|------|--------------------|-----|-----|----------------------|-----|-----|---------|---|----|------|----|----|
|                      |                                                                |                                                     | TNKQ nhiều lựa<br>chọn |      |      | TNKQ đúng –<br>sai |     |     | TNKQ trả lời<br>ngắn |     |     | Tự luận |   |    |      |    |    |
|                      |                                                                |                                                     | B                      | H    | VD   | B                  | H   | VD  | B                    | H   | VD  | B       | H | VD | B    | H  | VD |
| 1                    | CHƯƠNG 5.<br>BẢNG<br>CHỨNG VÀ<br>CÁC HỌC<br>THUYẾT<br>TIẾN HOÁ | Bài 15. Các bằng<br>chứng tiến hoá                  | 1                      |      | 1    | 2                  | 1   | 1   |                      | 1   | 1   |         |   |    | 3    | 2  | 2  |
|                      |                                                                | Bài 17. Học thuyết<br>tiến hoá tổng hợp<br>hiện đại | 2                      | 1    | 1    | 2                  | 1   | 1   | 1                    |     |     |         | 1 |    | 5    | 3  | 2  |
|                      |                                                                | Bài 18. Sự phát<br>sinh sự sống                     |                        | 1    |      |                    |     |     | 1                    |     |     | 1       |   |    | 2    | 1  | 1  |
|                      |                                                                | Bài 19.                                             | 1                      |      |      |                    |     |     |                      |     |     |         |   | 1  |      |    |    |
| 2                    | CHƯƠNG 6.<br>MÔI<br>TRƯỜNG<br>VÀ SINH<br>THÁI HỌC<br>QUẦN THỂ  | Bài 20. Môi<br>trường và các<br>nhân tố sinh thái   | 2                      | 1    | 1    |                    |     |     |                      |     |     |         |   | 1  | 2    | 1  | 2  |
| Tổng số câu/lệnh hỏi |                                                                |                                                     | 6                      | 3    | 3    | 4                  | 2   | 2   | 2                    | 1   | 1   | 1       | 1 | 1  | 13   | 7  | 7  |
| Tổng số điểm         |                                                                |                                                     | 1,5                    | 0,75 | 0,75 | 0,8                | 0,6 | 0,6 | 1                    | 0,5 | 0,5 | 1       | 1 | 1  |      |    |    |
| Tỉ lệ %              |                                                                |                                                     | 30                     |      |      | 20                 |     |     | 20                   |     |     | 30      |   |    | 40   | 30 | 30 |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 2**

| TT | Chương/<br>chủ đề                                                                              | Nội<br>dung/đơn vị<br>kiến thức          | Yêu cầu cần đạt<br>( <i>Đã được tách ra<br/>theo các mức độ</i> )                                                                                                             | Số lượng câu hỏi ở các mức độ |   |                   |            |        |    |              |             |    | Tự luận |   |    |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---|-------------------|------------|--------|----|--------------|-------------|----|---------|---|----|
|    |                                                                                                |                                          |                                                                                                                                                                               | TNKQ                          |   |                   | Đúng - Sai |        |    | Trả lời ngắn |             |    |         |   |    |
|    |                                                                                                |                                          |                                                                                                                                                                               | B                             | H | VD                | B          | H      | VD | B            | H           | VD | B       | H | VD |
| 1  | Chủ đề 1<br><b>CHƯƠNG<br/>5. BẢNG<br/>CHỨNG<br/>VÀ CÁC<br/>HỌC<br/>THUYẾT<br/>TIẾN<br/>HOÁ</b> | Bài 15. Các<br>bảng<br>chứng tiến<br>hoá | Nhận biết:<br><br>-Trình bày được các<br>bảng chứng tiến<br>hoá: bằng chứng<br>giải phẫu so sánh.<br><br>- Trình bày được<br>các bảng chứng tiến<br>hoá: sinh học phân<br>tử. | Câu<br>1-<br>NT2.             |   | Câu<br>11-<br>NT8 | 2ý<br>NT1  |        |    |              |             |    |         |   |    |
|    |                                                                                                |                                          | - Thông hiểu:<br><br>+ Giải thích được<br>mối quan hệ họ<br>hàng giữa các loài<br>dựa trên các bằng<br>chứng tiến hoá.                                                        |                               |   |                   |            | 1ý NT3 |    |              | Câu3<br>NT3 |    |         |   |    |

|  |  |                                                  |                                                                                                                                                                                    |                               |            |  |        |        |  |  |          |  |  |  |         |
|--|--|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|------------|--|--------|--------|--|--|----------|--|--|--|---------|
|  |  |                                                  | + Xác định được bằng chứng tiến hóa trực tiếp hoặc không trực tiếp.                                                                                                                |                               |            |  |        |        |  |  |          |  |  |  |         |
|  |  |                                                  | - Vận dụng: xác định được mối quan hệ họ hàng giữa các loài.                                                                                                                       |                               |            |  |        | 1ý NT8 |  |  | Câu 4NT8 |  |  |  |         |
|  |  | Bài 17.<br>Học thuyết tiến hoá tổng hợp hiện đại | Nhận biết:<br>- Nêu được khái niệm tiến hoá nhỏ và quần thể là đơn vị tiến hoá nhỏ.<br>-Trình bày được đặc điểm các nhân tố tiến hoá<br><br>- Nêu các cơ chế hình thành loài.<br>- | Câu 2- NT1.<br><br>Câu 3- NT2 |            |  | 2ý NT1 |        |  |  |          |  |  |  |         |
|  |  |                                                  | - Thông hiểu:<br>+Giải thích được các đặc điểm của nhân tố TH                                                                                                                      |                               | Câu 7- NT3 |  |        | 1ý NT4 |  |  |          |  |  |  | Câu2NT4 |

|  |  |                              |                                                                                                                                    |  |           |            |  |  |        |          |  |  |          |  |  |
|--|--|------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-----------|------------|--|--|--------|----------|--|--|----------|--|--|
|  |  |                              | + Phân biệt tiến hóa nhỏ và tiến hóa lớn.                                                                                          |  |           |            |  |  |        |          |  |  |          |  |  |
|  |  |                              | - Vận dụng:<br>-Xác định được đặc điểm của nhân tố tiến hóa.<br><br>+ Làm được bài tập về sự phát sinh và phát triển của sinh giới |  |           | Câu 10-NT8 |  |  | 1ý NT8 |          |  |  |          |  |  |
|  |  | Bài 18. Sự phát sinh sự sống | Nhận biết:<br>- Ba giai đoạn phát sinh sự sống trên Trái                                                                           |  |           |            |  |  |        | Câu 2NT1 |  |  | Câu 1NT1 |  |  |
|  |  |                              | - Thông hiểu: Trình bày các giai đoạn của tiến hóa hóa học.                                                                        |  | Câu 8-NT2 |            |  |  |        |          |  |  |          |  |  |
|  |  |                              | - Vận dụng: Xác định được đặc điểm các giai đoạn của tiến hóa hóa học                                                              |  |           |            |  |  |        |          |  |  |          |  |  |

|  |                                                                       |                                             |                                                                                                                                                                        |                             |           |            |  |  |  |  |  |  |  |  |           |
|--|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------|------------|--|--|--|--|--|--|--|--|-----------|
|  |                                                                       | Bài 19                                      | Nhận biết: các đại địa chất.                                                                                                                                           | Câu 4-NT1.                  |           |            |  |  |  |  |  |  |  |  |           |
|  | <b>Chủ đề 2.<br/>CHƯƠNG 6. MÔI TRƯỜNG VÀ SINH THÁI HỌC QUẦN THỂ .</b> | Bài 20. Môi trường và các nhân tố sinh thái | Nhận biết:<br>- Nêu khái niệm và các loại môi trường sống của sinh vật<br>- Nhận ra được các nhân tố sinh thái trong môi trường<br>- Trình bày khái niệm nhịp sinh học | Câu 5-NT1.<br><br>Câu 6-NT1 |           |            |  |  |  |  |  |  |  |  |           |
|  |                                                                       |                                             | Thông hiểu: Xác định được các nhân tố sinh thái vô sinh và hữu sinh                                                                                                    |                             | Câu 9-NT3 |            |  |  |  |  |  |  |  |  |           |
|  |                                                                       |                                             | Vận dụng:<br>Ứng dụng nhịp sinh học.<br>Phân biệt các loại nhân tố sinh thái.<br>Xác định giới hạn sinh thái của các loài.                                             |                             |           | Câu 12-NT8 |  |  |  |  |  |  |  |  | Câu 3 NT8 |



**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II**

| TT              | Chương/<br>chủ đề                                                       | Nội dung/đơn vị<br>kiến thức                                                                          | Mức độ đánh giá |      |             |            |      |             |                        |      |             | Tổng |      |             | Tỉ lệ<br>%<br>điểm |
|-----------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------|-------------|------------|------|-------------|------------------------|------|-------------|------|------|-------------|--------------------|
|                 |                                                                         |                                                                                                       | Nhiều lựa chọn  |      |             | Đúng – Sai |      |             | Tự luận<br>(Thực hành) |      |             |      |      |             |                    |
|                 |                                                                         |                                                                                                       | Biết            | Hiểu | Vận<br>dụng | Biết       | Hiểu | Vận<br>dụng | Biết                   | Hiểu | Vận<br>dụng | Biết | Hiểu | Vận<br>dụng |                    |
| 1               | Chủ đề 5.<br>Giải quyết<br>vấn đề với<br>sự trợ giúp<br>của máy<br>tính | Bài 16: Ngôn ngữ<br>lập trình bậc cao<br>Python<br>Bài 17: Biến và<br>lệnh gán                        | 2               | 2    |             |            |      |             |                        |      |             | 2    | 2    |             | 10%<br>(1.0)       |
|                 |                                                                         | Bài 18: Các lệnh<br>vào ra đơn giản                                                                   | 2               | 2    |             |            |      |             |                        |      |             | 2    | 2    |             | 10%<br>(1.0)       |
|                 |                                                                         | Bài 19: Câu lệnh rẽ<br>nhánh if                                                                       | 4               | 2    |             | 1          | 1    |             |                        |      |             | 5    | 3    |             | 20%<br>(2.0)       |
|                 |                                                                         | Bài 20: Câu lệnh<br>lặp For<br>Bài 21: Câu lệnh<br>lặp While                                          | 4               | 2    |             | 2          | 2    |             |                        |      |             | 6    | 4    |             | 25%<br>(2.5)       |
|                 |                                                                         | Bài 22: Kiểu dữ<br>liệu danh sách<br>Bài 23: Một số<br>lệnh làm việc với<br>kiểu dữ liệu danh<br>sach |                 |      |             | 1          | 1    |             |                        |      | 3           | 1    | 1    | 3           | 35%<br>(3.5)       |
| Tổng số câu (ý) |                                                                         |                                                                                                       | 12              | 8    |             | 4          | 4    |             |                        |      | 3 (12)      | 16   | 12   | 3 (12)      | 100%<br>(10,0)     |
| Tổng số điểm    |                                                                         |                                                                                                       | 3,0             | 2,0  |             | 1,0        | 1,0  |             |                        |      | 3,0         | 4,0  | 3,0  | 3,0         |                    |
| Tỉ lệ %         |                                                                         |                                                                                                       | 50%             |      |             | 20%        |      |             | 30%                    |      |             | 40%  | 30%  | 30%         |                    |

## BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

| TT | Chương/<br>Chủ đề                                                                       | Nội<br>dung/đơn vị<br>kiến thức                                                   | Yêu cầu cần đạt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mức độ đánh giá   |              |                           |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------|---------------------------|
|    |                                                                                         |                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Trắc nghiệm       |              | Tự luận<br>(thực<br>hành) |
|    |                                                                                         |                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Nhiều<br>lựa chọn | Đúng/Sai     |                           |
| 1  | <b>Chủ đề 5.<br/>Giải<br/>quyết vấn<br/>đề với sự<br/>trợ giúp<br/>của máy<br/>tính</b> | Bài 16:<br>Ngôn ngữ<br>lập trình bậc<br>cao Python<br>Bài 17: Biến<br>và lệnh gán | <b>Nhận biết</b><br>- Biết khái niệm ngôn ngữ lập trình bậc cao và ngôn ngữ lập trình bậc cao Python.<br>- Phân biệt được chế độ gõ lệnh trực tiếp và chế độ soạn thảo chương trình trong môi trường lập trình Python<br>- Biết cách tạo và thực hiện một chương trình Python.<br>- Biết cách thiết lập biến. Phân biệt được biến và từ khóa.<br><b>Thông hiểu</b><br>- Sử dụng lệnh gán và thực hiện một số phép toán trên kiểu số nguyên, số thực và xâu kí tự. | 2 (B)<br>2 (H)    |              |                           |
|    |                                                                                         | Bài 18: Các<br>lệnh vào ra<br>đơn giản                                            | <b>Nhận biết</b><br>- Biết và thực hiện được một số lệnh vào ra đơn giản<br>- Thực hiện được một số chuyển đổi dữ liệu giữa các kiểu dữ liệu cơ bản<br><b>Thông hiểu</b><br>- Sử dụng được một số chuyển đổi dữ liệu giữa các kiểu dữ liệu cơ bản                                                                                                                                                                                                                 | 2 (B)<br>2 (H)    |              |                           |
|    |                                                                                         | Bài 19: Câu<br>lệnh rẽ<br>nhánh if                                                | <b>Nhận biết</b><br>- Biết và trình bày được các phép toán với kiểu dữ liệu logic<br>- Biết sử dụng được lệnh rẽ nhánh if trong lập trình<br><b>Thông hiểu</b><br>- Sử dụng được lệnh rẽ nhánh if trong lập trình để giải bài toán                                                                                                                                                                                                                                | 4(B)<br>2(H)      | 1(B)<br>1(H) |                           |
|    |                                                                                         | Bài 20: Câu<br>lệnh lặp For<br>Bài 21: Câu<br>lệnh lặp<br>While                   | <b>Nhận biết</b><br>- Biết được ý nghĩa của vùng giá trị tạo bởi lệnh ranger().<br>- Biết được chức năng của lệnh lặp for và cách dùng trong Python.<br>- Biết và thực hành giải các bài toán sử dụng lệnh lặp while với số lần không biết trước<br>- Biết ba cấu trúc lập trình cơ bản: tuần tự, rẽ nhánh, lặp,...<br><b>Thông hiểu</b>                                                                                                                          | 4(B)<br>2 (H)     | 2(B)<br>2(H) |                           |

|              |  |                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |        |                |       |
|--------------|--|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|----------------|-------|
|              |  |                                                                                           | - Sử dụng được ba cấu trúc lập trình cơ bản : tuần tự, rẽ nhánh, lặp,...                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |        |                |       |
|              |  | Bài 22: Kiểu dữ liệu danh sách<br>Bài 23: Một số lệnh làm việc với kiểu dữ liệu danh sách | <b>Nhận biết</b><br>- Biết được kiểu dữ liệu danh sách (list), cách khởi tạo và truy cập từng phần tử của danh sách<br>- Biết và thực hiện được cách duyệt các phần tử của danh sách bằng lệnh for<br>- Thực hành được một số phương thức đơn giản trên dữ liệu danh sách<br>- Biết cách duyệt danh sách bằng toán tử In<br>- Biết và thực hiện được một số phương thức thường dùng với danh sách<br><b>Thông hiểu</b><br>- Sử dụng kiểu dữ liệu danh sách (list), cách khởi tạo và truy cập từng phần tử của danh sách và thực hiện được một số phương thức.<br><b>Vận dụng</b><br>-Sử dụng kiểu dữ liệu danh sách (list), cách khởi tạo và truy cập từng phần tử của danh sách để áp dụng giải bài toán thực tế |        | 1 (B)<br>1 (H) | 3 (V) |
| <b>Tổng</b>  |  |                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 12 (B) | 4 (B)          | 3 (V) |
|              |  |                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8 (H)  | 4 (H)          |       |
|              |  |                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 20     | 8              | 12    |
| <b>Tỉ lệ</b> |  |                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 50%    | 20%            | 30%   |

**XÂY DỰNG MA TRẬN VÀ BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 2 MÔN TIN HỌC 11  
NĂM HỌC 2025 - 2026**

**1) Ma trận**

- **Thời điểm kiểm tra:** Kiểm giữa học kì 2.
- **Thời gian làm bài:** 45 phút.
- **Cấu trúc:**
  - + Mức độ đề: 40% *Nhận biết*; 30% *Thông hiểu*; 30% *Vận dụng*.
  - + Phần I. Trắc nghiệm 4 lựa chọn, 1 lựa chọn đúng: 0,25 đ có 20 Câu = 5.0 điểm;
  - + Phần II. Trắc nghiệm đúng sai: 2 Câu = 4 ý = 2.0 điểm.
  - + Phần III. Tự luận: 3 Câu = 3 điểm.
  - + Nội dung: Chủ đề 7.

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II  
MÔN TIN HỌC, LỚP 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI 45 PHÚT  
NĂM HỌC 2025 - 2026**

| TT | Chương/<br>chủ đề | Nội dung/đơn vị kiến<br>thức | Mức độ đánh giá |         |              | Tổng | Tỉ lệ %<br>điểm |
|----|-------------------|------------------------------|-----------------|---------|--------------|------|-----------------|
|    |                   |                              | TNKQ-NLC        | TNKQ-ĐS | Tự luận/Thực |      |                 |

|                 |                              |                              | Biết | Hiểu | VD | Biết | Hiểu | VD  | Biết | Hiểu | VD  | Biết | Hiểu | VD  |      |
|-----------------|------------------------------|------------------------------|------|------|----|------|------|-----|------|------|-----|------|------|-----|------|
| 1               | Chủ đề F. Kỹ thuật lập trình | DL Mảng 1 chiều, 2 chiều     | 7    | 5    | 0  | 2    | 3    | 0   |      |      | 1   | 9    | 8    | 1   | 50%  |
|                 |                              | Bài toán tìm kiếm và sắp xếp | 5    | 3    | 0  | 2    | 1    | 0   |      |      | 2   | 7    | 4    | 2   | 50%  |
| Tổng số câu (ý) |                              |                              | 12   | 8    |    | 4    | 4    | 0   |      |      | 3   | 16   | 12   | 3   | 100% |
| Tổng số điểm    |                              |                              | 3.0  | 2,0  |    | 1,0  | 1.0  | 0.0 |      |      | 3,0 | 4.0  | 3.0  | 3   |      |
| Tỉ lệ %         |                              |                              | 50%  |      |    | 20%  |      |     | 30%  |      |     | 40%  | 30%  | 30% |      |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**  
**MÔN TIN HỌC, LỚP 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI 45 PHÚT**  
**NĂM HỌC 2025 - 2026**

| TT | Chương/<br>Chủ đề                           | Nội<br>dung/đơn<br>vị kiến<br>thức | Yêu cầu cần đạt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Mức độ đánh giá |                |                          |
|----|---------------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------|--------------------------|
|    |                                             |                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Trắc nghiệm     |                | Thực<br>hành/ Tự<br>luận |
|    |                                             |                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | TNKQ-<br>NLC    | TNKQ-<br>ĐS    |                          |
| 1  | <b>Chủ đề F. Kỹ<br/>thuật lập<br/>trình</b> | DL Mạng 1<br>chiều, 2<br>chiều     | <b>Biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết khai báo, thao tác nhập đưa dữ liệu vào danh sách.</li> <li>- Biết vai trò của kiểu mảng một chiều.</li> </ul> <b>Hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Hiểu cách tạo mảng.</li> <li>- Các thao tác nhập liệu của mảng một chiều.</li> <li>- Hiểu khái niệm mảng một chiều</li> </ul> <b>Vận dụng:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạo, khai báo mảng một chiều (dạng danh sách)</li> <li>- In mảng trước và sau khi xử lý</li> <li>- Thêm phần tử vào danh sách</li> <li>- Nhập liệu mảng một chiều gồm n phần tử từ bàn phím</li> </ul> | 3 (B)<br>2 (H)  | 2 (B)<br>2 (H) | 1VD                      |
|    |                                             |                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3 (B)<br>2 (H)  | 2 (B)<br>2 (H) |                          |

|      |                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                        |                        |       |     |
|------|------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|-------|-----|
|      |                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | —                      |                        |       |     |
|      | Bài toán tìm kiếm và sắp xếp | <p><b>Biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết được kiểu dữ liệu để thao tác với bài toán tìm kiếm và sắp xếp.</li> <li>- Biết tìm kiếm một phần tử, vị trí của phần tử đó trong mảng.</li> <li>- Biết tầm quan trọng của bài toán tìm kiếm.</li> <li>- Biết và thực hiện được lệnh for để xử lý bài toán</li> <li>- Sắp xếp các phần tử trong mảng theo một tiêu chí nào đó</li> <li>- Biết tầm quan trọng của bài toán à sắp xếp trong đời sống.</li> <li>- Việc hoán đổi vị trí khi so sánh</li> </ul> <p><b>Hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được thuật toán tìm kiếm tuần tự và tìm kiếm nhị phân, vị trí</li> <li>- Hiểu được thuật toán sắp xếp chèn, nổi bọt, chọn</li> <li>- Hiểu được thao tác thực hiện của các phép toán so sánh</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Tìm kiếm một phần tử, vị trí của phần tử đó trong mảng</li> <li>- Sắp xếp các phần tử trong mảng theo một tiêu chí nào đó, vận dụng mô phỏng thuật toán.</li> <li>- Viết lại được ý tưởng và thuật toán</li> </ul> | <p>4 (B)<br/>2 (H)</p> | <p>2 (B)<br/>2 (H)</p> | 1VD   |     |
| Tổng |                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                        | 10 (B)                 | 6 (B) | 1VD |

|              |       |       |     |
|--------------|-------|-------|-----|
|              | 6 (H) | 6 (H) |     |
|              | 16    | 12    | 3   |
| <i>Tỉ lệ</i> | 40%   | 30%   | 30% |



**TỔ: TIN HỌC****1. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ**

| TT | Chủ đề/Chương                       | Nội dung/đơn vị kiến thức                             | Mức độ đánh giá |      |          |                           |      |          |                           |      |          |         |      |          | Tổng |      |          | Tỉ lệ % điểm |
|----|-------------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------|------|----------|---------------------------|------|----------|---------------------------|------|----------|---------|------|----------|------|------|----------|--------------|
|    |                                     |                                                       | TNKQ            |      |          |                           |      |          |                           |      |          | Tự luận |      |          |      |      |          |              |
|    |                                     |                                                       | Nhiều lựa chọn  |      |          | “Đúng – Sai” <sup>1</sup> |      |          | Trả lời ngắn <sup>2</sup> |      |          |         |      |          |      |      |          |              |
|    |                                     |                                                       | Biết            | Hiểu | Vận dụng | Biết                      | Hiểu | Vận dụng | Biết                      | Hiểu | Vận dụng | Biết    | Hiểu | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng |              |
| 1  | Chủ đề 1. Hướng nghiệp với tin học  | 1. Dịch vụ sửa chữa và bảo trì máy tính               | 2               | 1    | 1        |                           |      |          |                           |      |          |         |      |          | 2    | 1    | 1        | 1,0          |
|    |                                     | 2. Nhóm nghề quản trị thuộc ngành công nghệ thông tin | 2               | 1    | 1        |                           | 1    |          |                           |      |          |         |      |          | 2    | 2    | 1        | 2,0          |
|    |                                     | 3. Hội thảo hướng nghiệp                              | 2               | 2    |          |                           |      |          |                           |      |          |         |      |          | 2    | 2    |          | 1,0          |
| 2  | Chủ đề 2. Mạng máy tính và internet | 4. Tìm hiểu thiết bị mạng                             | 2               | 1    | 1        |                           | 1    |          |                           |      |          |         |      |          | 2    | 2    | 1        | 2,0          |
|    |                                     | 5. Đường truyền mạng và ứng dụng                      | 2               | 1    | 1        |                           | 1    |          |                           |      |          |         |      |          | 2    | 2    | 1        | 2,0          |
|    |                                     | 6. Sơ bộ về thiết kế mạng                             | 2               | 1    | 1        |                           | 1    |          |                           |      |          |         |      |          | 2    | 2    | 1        | 2,0          |

<sup>1</sup> Mỗi câu hỏi bao gồm 4 ý nhỏ, mỗi ý học sinh phải chọn đúng hoặc sai. Một số tài liệu xếp loại câu hỏi này vào loại *Nhiều lựa chọn phức hợp* hoặc *Nhiều lựa chọn có nhiều phương án đúng*.<sup>2</sup> Đối với môn học không sử dụng dạng này thì chuyển toàn bộ số điểm cho dạng “Đúng – Sai”.

|              |     |   |   |     |   |  |     |  |  |     |  |    |    |   |    |      |
|--------------|-----|---|---|-----|---|--|-----|--|--|-----|--|----|----|---|----|------|
| Tổng số câu  | 12  | 7 | 5 |     | 4 |  |     |  |  |     |  | 12 | 11 | 5 | 28 |      |
| Tổng số điểm | 6,0 |   |   | 4,0 |   |  | 0,0 |  |  | 0,0 |  |    |    |   |    | 10,0 |
| Tỉ lệ %      | 60  |   |   | 40  |   |  | 00  |  |  | 00  |  |    |    |   |    | 100  |

## 2. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

[illegible]



|              |                                        |                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                            |   |    |     |   |   |     |  |  |     |  |  |  |
|--------------|----------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|----|-----|---|---|-----|--|--|-----|--|--|--|
| 2            | Chủ đề 2.<br>Mạng máy tính và internet | 4. Tìm hiểu thiết bị mạng        | <ul style="list-style-type: none"> <li>– Biết được một số các thiết bị mạng thông dụng và tính năng của chúng</li> <li>– Biết được chức năng, vai trò của server trong mạng.</li> </ul>                                                                                    | 2 | 1  | 1   |   | 1 |     |  |  |     |  |  |  |
|              |                                        | 5. Đường truyền mạng và ứng dụng | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết được một số đường truyền mạng thông dụng và ứng dụng</li> <li>– Nhận biết được các loại đường truyền mạng</li> <li>– Có thể tìm hiểu được các thông số kỹ thuật để đề xuất trong thiết kế mạng cục bộ quy mô nhỏ.</li> </ul> | 2 | 1  | 1   |   | 1 |     |  |  |     |  |  |  |
|              |                                        | 6. Sơ bộ về thiết kế mạng        | <ul style="list-style-type: none"> <li><input type="checkbox"/> Biết sơ bộ về các công việc cần thực hiện khi thiết kế mạng cục bộ quy mô nhỏ.</li> <li>- Hiểu và thiết kế một mạng cục bộ nhỏ, đơn giản.</li> </ul>                                                       | 2 | 1  | 1   |   | 1 |     |  |  |     |  |  |  |
|              |                                        | Tổng số câu                      |                                                                                                                                                                                                                                                                            |   | 12 | 7   | 5 |   | 4   |  |  |     |  |  |  |
| Tổng số điểm |                                        |                                  | 6,0                                                                                                                                                                                                                                                                        |   |    | 4,0 |   |   | 0,0 |  |  | 0,0 |  |  |  |
| Tỉ lệ %      |                                        |                                  | 60                                                                                                                                                                                                                                                                         |   |    | 40  |   |   | 00  |  |  | 00  |  |  |  |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**  
**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút**

| TT      | Năng lực | Nội dung kiến thức/ Đơn vị kĩ năng                                                                                                  | Cấp độ tư duy |            |          |                 |        |
|---------|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|------------|----------|-----------------|--------|
|         |          |                                                                                                                                     | Nhận biết     | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao    | Tổng % |
| I       | Đọc      | Thơ chữ Hán và chữ Nôm của Nguyễn Trãi                                                                                              | 3             | 2          | 1        |                 | 60%    |
| II      | Viết     | Viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá nội dung, nghệ thuật của một đoạn trích/tác phẩm trữ tình (bài thơ/đoạn thơ Nguyễn Trãi) | 1*            | 1*         | 1*       | 1* <sup>2</sup> | 40%    |
| Tổng    |          |                                                                                                                                     | 25%           | 35%        | 30%      | 10%             | 100%   |
| Tỉ lệ % |          |                                                                                                                                     | 60%           |            | 40%      |                 |        |

**Lưu ý:**

- Tất cả các câu hỏi trong đề kiểm tra là câu hỏi tự luận.
- Cách tính điểm của mỗi câu hỏi được quy định chi tiết trong *Đáp án và hướng dẫn chấm*.

## BẢN ĐẶC TẢ YÊU CẦU CÁC KĨ NĂNG KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

| TT | Nội dung kiến thức/kĩ năng | Đơn vị kiến thức/kĩ năng                                                                   | Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức |            |          |                 | Tổng |
|----|----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------------|----------|-----------------|------|
|    |                            |                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Nhận biết                        | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao    |      |
| 1  | <b>ĐỌC HIỂU</b>            | <b>Thơ Nguyễn Trãi</b>                                                                     | <b>Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được thể thơ.</li> <li>- Nhận biết những hình ảnh, chi tiết tiêu biểu trong văn bản thơ Nguyễn Trãi.</li> <li>- Nhận biết được chủ thể trữ tình trong văn bản.</li> </ul> <b>Thông hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích được giá trị biểu đạt, giá trị thẩm mĩ của từ ngữ và các biện pháp tu từ được sử dụng văn bản.</li> <li>- Phân tích được ý nghĩa, giá trị của hình ảnh, chi tiết tiêu biểu trong văn bản.</li> <li>- Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình thể hiện trong văn bản.</li> <li>- Nêu được cảm hứng chủ đạo, chủ đề của văn bản.</li> </ul> <b>Vận dụng:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.</li> <li>- Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với tình cảm, quan niệm, cách nghĩ của bản thân trước một vấn đề đặt ra trong đời sống hoặc văn học</li> </ul> | 2                                | 3          | 1        |                 | 6    |
| 2  | <b>VIẾT</b>                | <b>Phân tích, đánh giá nội dung, nghệ thuật của một đoạn trích/tác phẩm trữ tình (đoạn</b> | <b>Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả, thể loại,... của đoạn trích/tác phẩm.</li> <li>- Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.</li> </ul> <b>Thông hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được những nội dung khái quát của đoạn</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1*                               | 1*         | 1*       | 1* <sup>2</sup> | 1    |

|  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |  |  |  |  |  |
|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|
|  |  | <p><b>thơ/bài thơ của Nguyễn Trãi)</b></p> <p>trích/ tác phẩm văn học.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. Phân tích được những đặc sắc về nội dung, hình thức nghệ thuật và chủ đề của đoạn trích/ tác phẩm.</li> <li>- Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.</li> <li>- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được những bài học rút ra từ đoạn trích/ tác phẩm.</li> <li>- Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp logic.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của nội dung và hình thức đoạn trích/ tác phẩm.</li> <li>- Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết.</li> <li>- Vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt lớp 10 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.</li> </ul> |  |  |  |  |  |
|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|

**ĐỀ MINH HỌA**  
(Đề thi gồm có 01 trang)

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

Năm học 2025 – 2026

Môn: Ngữ văn, lớp 10

(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề)

**I. ĐỌC – HIỂU (6,0 điểm)**

Đọc văn bản sau:

Công danh đã được hợp<sup>(1)</sup> về nhân,  
Lành dữ âu chi<sup>(2)</sup> thế nghị<sup>(3)</sup> khen.  
Ao cạn vớt bèo cấy muống,  
Đìa thanh<sup>(4)</sup> phát cỏ ương sen.  
Kho thu phong nguyệt đầy qua nóc<sup>(5)</sup>,  
Thuyền chở yên hà<sup>(6)</sup> nặng vạy<sup>(7)</sup> then.  
Bui<sup>(8)</sup> có một lòng trung lẫn<sup>(9)</sup> hiếu,  
Mài chẳng khuyết, nhuộm chẳng đen.<sup>(10)</sup>

(Thuật hứng 24 – Nguyễn Trãi, Trích *Luận đề về Nguyễn Trãi*, NXB Thanh Niên, 2003, tr.87)

(1) Hợp: Tiếng cổ có nghĩa là đáng, nên

(2) Âu chi: Lo chi

(3) Nghị: dị nghị ở đây hiểu là chê

(4) Đìa thanh: Đìa là vùng nước ngoài đồng. Thanh là trong

(5) Đầy qua nóc: Đầy quá nóc nhà, nóc kho

(6) Yên hà: Khói, ráng

(7) Vạy: oằn, cong. Nặng vạy then: chở nặng làm thang thuyền oằn xuống

(8) Bui: tiếng cổ, nghĩa là chỉ có

(9) lẫn: (hoặc lẫn, miễn): tiếng cổ nghĩa là với hoặc và

(10) Mài chẳng khuyết... mài cũng không mòn, nhuộm cũng không đen. Ý nói lòng trung hiếu bền vững

**Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 1.** Văn bản được viết theo thể thơ gì? (0,75 điểm)

**Câu 2.** Tìm cặp từ trái nghĩa trong câu thơ thứ 2. (0,75 điểm)

**Câu 3.** Chỉ ra những công việc thể hiện cuộc sống nhân bản, thanh bình của nhân vật trữ tình trong văn bản. (0,75 điểm)

**Câu 4.** Theo anh/ chị, nhân vật trữ tình bộc lộ thái độ như thế nào đối với công danh và lời khen chê của thế gian? (1,25 điểm)

**Câu 5.** Phân tích tác dụng của biện pháp ẩn dụ thể hiện trong hai câu cuối. (1,5 điểm)

**Câu 6.** Văn bản mang lại cho anh chị bài học nào quan trọng nhất? Hãy lí giải. (1,0 điểm)

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

Anh/ chị hãy viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá nội dung, nghệ thuật của văn bản phần Đọc hiểu.

----- HẾT -----

**ĐÁP ÁN - HƯỚNG DẪN CHẤM**

| Phần | Câu | Nội dung                                                                                                                                                           | Điểm       |
|------|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| I    |     | <b>ĐỌC HIỂU</b>                                                                                                                                                    | <b>6,0</b> |
|      | 1   | Thể thơ: Thất ngôn xen lục ngôn<br><b>Hướng dẫn chấm:</b><br>- Học sinh trả lời như đáp án: 0,75 điểm<br>- Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: không cho điểm | 0,75       |

|           |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |            |
|-----------|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|           | 2 | Cặp từ trái nghĩa trong câu thơ thứ 2: lành-dữ, nghị-khen<br><b>Hướng dẫn chấm:</b><br>- Học sinh trả lời như đáp án: 0,75 điểm<br>- Học sinh trả lời được 1 cặp từ: 0,5 điểm<br>- Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: không cho điểm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 0,75       |
|           | 3 | Những công việc thể hiện cuộc sống nhàn tản, thanh bình của Nguyễn Trãi<br>- vớt bèo cấy muống,<br>- phát cỏ ương sen.<br><b>Hướng dẫn chấm:</b><br>- Học sinh trả lời 02 ý như đáp án: 0,75 điểm. (01 ý: 0,5 điểm)<br>- Học sinh trả lời sai, không trả lời: không cho điểm                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 0,75       |
|           | 4 | Nhân vật trữ tình thể hiện thái độ coi nhẹ công danh, lựa chọn cuộc sống nhàn tản và không bận tâm đến lời khen chê, tốt xấu của người đời.<br><b>Hướng dẫn chấm:</b><br>- Học sinh trả lời như đáp án hoặc tương đương như đáp án: 1,25 điểm<br>- Học sinh trả lời được 1 ý: 0,75 điểm.<br>- Học sinh trả lời sai, không trả lời: không cho điểm                                                                                                                                                                                                                                  | 1,25       |
|           | 5 | <b>Hình ảnh ẩn dụ:</b><br>“Mài” và “nhuộm” là những tác động từ bên ngoài; “khuyết”, “đen” là sự hao mòn, biến chất.<br><b>Tác dụng:</b><br>- Tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt.<br>- Khẳng định mạnh mẽ sự kiên định, trong sạch, tấm lòng trung hiếu son sắt, bền vững.<br><b>Hướng dẫn chấm:</b><br>- Học sinh trả lời như đáp án hoặc tương đương như đáp án: 1,5 điểm<br>- Học sinh trả lời được biểu hiện : 0,5 điểm.<br>- Học sinh trả lời được tác dụng nghệ thuật : 0,25 điểm, tác dụng nghệ thuật: 0,75<br>- Học sinh trả lời sai, không trả lời: không cho điểm | 1,5        |
|           | 6 | Hs rút ra một bài học phù hợp với nội dung bài thơ. VD: Giữ gìn nhân cách, giá trị đạo đức của bản thân trong mọi hoàn cảnh...<br>Hs lí giải hợp lí<br><b>Hướng dẫn chấm:</b><br>- Học sinh bày tỏ suy nghĩ bài học 05, hs lí giải, hợp lí: 0,5 điểm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1,0        |
| <b>II</b> |   | <b>Viết</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |            |
|           |   | <b>Anh/chị hãy viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá nội dung, nghệ thuật của văn bản phần Đọc hiểu.</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | <b>4,0</b> |
|           |   | a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận văn học: Mở bài giới thiệu được tác phẩm, vấn đề cần phân tích đánh giá. Thân bài phân tích, đánh giá về mặt chủ đề, nội dung, nghệ thuật. Kết bài khái quát lại vấn đề, nêu tác động của tác phẩm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 0,25       |
|           |   | b. Xác định đúng yêu cầu đề bài: phân tích, đánh giá nội dung, nghệ thuật của văn bản Thuật húng (bài số 24) của tác giả Nguyễn Trãi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 0,25       |
|           |   | c. Triển khai bài làm<br>- HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2,5        |

|             |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |           |
|-------------|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
|             |  | <p>các kĩ năng nghị luận. Trình bày ít nhất hai luận điểm để làm rõ vấn đề; thể hiện rõ ràng quan điểm, thái độ của người viết. Sử dụng được các bằng chứng đáng tin cậy nhằm củng cố cho lí lẽ.... Sắp xếp luận điểm, lí lẽ theo trình tự hợp lí. Diễn đạt mạch lạc, khúc chiết, có sức thuyết phục.</p> <p>- Cần đảm bảo các yêu cầu sau:</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |           |
|             |  | <p><b>* Mở bài:</b></p> <p>- Giới thiệu tác phẩm trữ tình (tên tác phẩm, thể loại, tác giả Nguyễn Trãi)</p> <p>- Nêu nội dung khái quát cần phân tích đánh giá.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |           |
|             |  | <p><b>* Thân bài:</b></p> <p>- Xác định chủ đề cần phân tích đánh giá: vẻ đẹp của một tâm hồn thanh tịnh, yêu thiên nhiên, trung hiếu với đời.</p> <p>- Phân tích, đánh giá các khía cạnh chủ đề của tác phẩm:</p> <p>+ Hai câu thơ đề: Tâm thế sống của một con người biết đủ, biết công danh đã toại thì nên trở về an hưởng thú thanh nhàn. Đó cũng là tâm thế của một con người biết buông bỏ, tránh xa mọi thị phi.</p> <p>+ Hai câu thực: Nói về những thú vui dân dã nhưng đầy thi vị của một lão nông nhàn.</p> <p>+ Hai câu luận: Nói lên vẻ đẹp, sự huyền ảo, sự giàu có của thiên nhiên và niềm vui khi được tận hưởng những vẻ đẹp ấy.</p> <p>+ Hai câu kết: Bộc lộ nỗi lòng của tác giả, đó là một tấm lòng trung hiếu trước sau không thay đổi. Như vậy, dù đã lui về ở ẩn, dù vui thú điền viên nhưng Nguyễn Trãi vẫn canh cánh bên lòng nỗi lo cho dân, cho nước.</p> <p>- Phân tích, đánh giá những đặc sắc về nghệ thuật</p> <p>+ Sự sáng tạo trong thể thơ: thất ngôn xen lục ngôn bát cú.</p> <p>+ Giọng thơ nhẹ nhàng, khoan thai. Giọng điệu tâm tình, cởi mở.</p> <p>+ Các thi liệu: ao, bèo, muống, đĩa, cỏ, sen, phong, nguyệt, thuyền, yên, hà – tạo nên cốt cách bài thơ vừa dân dã, mộc mạc vừa cổ điển thanh cao.</p> <p>+ Phép đối: Kho thu phong nguyệt đầy qua nóc – Thuyền chở yên hà nặng vạy then; Ao cạn vớt bèo cấy muống – Đìa thanh phát cỏ ương senà mang lại sự đối xứng, nhịp nhàng cho lời thơ, nhấn mạnh vẻ đẹp phong phú, vô hạn của thiên nhiên và lối sống thanh cao, yêu mến, gắn bó, chan hòa với thiên nhiên của Nguyễn Trãi.</p> |           |
|             |  | <p><b>* Kết bài:</b></p> <p>- Khẳng định lại một cách khái quát những đặc sắc về chủ đề và nghệ thuật của tác phẩm.</p> <p>- Nêu tác động của tác phẩm đối với bản thân hoặc cảm nghĩ sau khi đọc tác phẩm.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |           |
|             |  | <p><b>d. Chính tả, từ ngữ, ngữ pháp</b></p> <p>- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p> <p>- Sắp xếp luận điểm, lí lẽ và bằng chứng hợp lí.</p> <p>- Lập luận chặt chẽ, trình bày mạch lạc.</p> <p>- Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 0,5       |
|             |  | <p><b>e. Sáng tạo</b></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận, bài văn giàu sức thuyết phục.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 0,5       |
| <b>TỔNG</b> |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <b>10</b> |

---- HẾT ----

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2025 - 2026**

**Môn: Ngữ văn, lớp 11**  
**Thời gian làm bài: 90 phút**

| T<br>T      | Kĩ<br>năng  | Nội dung kiến thức/ đơn vị kĩ<br>năng                                                                                                 | Mức độ nhận thức |               |             |                    | Tổng<br>%<br>điểm |
|-------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------|-------------|--------------------|-------------------|
|             |             |                                                                                                                                       | Nhận<br>biết     | Thông<br>hiểu | Vận<br>dụng | Vận<br>dụng<br>cao |                   |
|             |             |                                                                                                                                       | TL               | TL            | TL          | TL                 |                   |
| 1           | Đọc<br>hiểu | Truyện ngắn hiện đại (Tác phẩm/<br>đoạn trích)                                                                                        | 4                | 3             | 1           | 0                  | 60                |
| 2           | Viết        | Viết văn bản nghị luận về một<br>vấn đề xã hội trong tác phẩm<br>văn học (Truyện ngắn hiện đại)<br>- Từ đoạn trích ở phần Đọc<br>hiểu | 1*               | 1*            | 1*          | 1*                 | 40                |
| Tổng        |             |                                                                                                                                       | 25%              | 45%           | 20%         | 10%                | 100               |
| Tỉ lệ chung |             |                                                                                                                                       | 70%              |               | 30%         |                    |                   |

**BẢNG ĐẶC TẢ CÁC MỨC ĐỘ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ II , LỚP 11**  
**Năm học: 2025 - 2026**

| TT | Kĩ năng             | Đơn vị<br>kiến<br>thức/<br>Kĩ năng | Mức độ đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Số lượng câu hỏi theo mức<br>độ nhận thức |                   |             |                    | Tổng<br>g % |
|----|---------------------|------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------|-------------|--------------------|-------------|
|    |                     |                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Nhận<br>biết                              | Thôn<br>g<br>hiểu | Vận<br>dụng | Vận<br>dụng<br>cao |             |
| I  | <b>Đọc<br/>hiểu</b> | Truyện<br>ngắn<br>hiện đại         | <b>Nhận biết:</b><br>- Nhận biết được đề<br>tài, câu chuyện, sự<br>kiện, chi tiết tiêu biểu,<br>nhân vật trong văn<br>bản.<br>- Nhận biết được<br>người kể chuyện (ngôi<br>thứ ba hoặc ngôi thứ<br>nhất), lời người kể<br>chuyện, lời nhân vật<br>trong văn bản.<br>- Nhận biết được điểm<br>nhìn, sự thay đổi điểm<br>nhìn; sự nối kết giữa<br>lời người kể chuyện<br>và lời của nhân vật.<br>- Nhận biết một số đặc<br>điểm của ngôn ngữ | 4                                         | 3                 | 1           | 0                  | 60          |

|           |             |                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |    |    |    |    |           |
|-----------|-------------|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----|----|----|-----------|
|           |             |                                                                    | <p>văn học trong tác phẩm/ đoạn trích truyện ngắn hiện đại.</p> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tóm tắt được cốt truyện của văn bản.</li> <li>- Phân tích, lí giải được mối quan hệ của các sự việc, chi tiết trong tính chỉnh thể của văn bản.</li> <li>- Phân tích được đặc điểm, vị trí, vai trò của của nhân vật trong văn bản; lí giải được ý nghĩa của nhân vật.</li> <li>- Nêu được chủ đề (chủ đề chính và chủ đề phụ trong văn bản nhiều chủ đề) của văn bản.</li> <li>- Phân tích và lí giải được thái độ và tư tưởng của tác giả thể hiện trong văn bản.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản tới quan niệm, cách nhìn của cá nhân với văn học và cuộc sống.</li> <li>- Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra từ văn bản.</li> </ul> |    |    |    |    |           |
| <b>II</b> | <b>Viết</b> | Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học | <p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận.</li> <li>- Mô tả được vấn đề xã hội và những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết.</li> <li>- Xác định rõ được</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1* | 1* | 1* | 1* | <b>40</b> |

|  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |  |  |  |  |
|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|
|  |  | <p>(Truyện ngắn hiện đại) - Từ đoạn trích ở phần Đọc hiểu</p> <p>mục đích, đối tượng nghị luận.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được những khái niệm liên quan đến vấn đề nghị luận.</li> <li>- Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm.</li> <li>- Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.</li> <li>- Cấu trúc chặt chẽ, có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội.</li> <li>- Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,... để tăng sức thuyết phục cho bài viết.</li> <li>- Vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt lớp 11 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.</li> </ul> |  |  |  |  |
|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|

|             |  |  |  |     |     |     |     |     |
|-------------|--|--|--|-----|-----|-----|-----|-----|
|             |  |  |  |     |     |     |     |     |
| Tỉ lệ %     |  |  |  | 25% | 45% | 20% | 10% | 100 |
| Tỉ lệ chung |  |  |  | 70% |     | 30% |     | %   |

---OoooO---

## ĐỀ MINH HOẠ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2025 - 2026

Môn: Ngữ văn, lớp 11

Thời gian làm bài: 90 phút

### I. ĐỌC - HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản:

[...] (1) Ông đã đi tìm con nhỏ gần mười hai năm. Lúc Cải mười ba tuổi, một bữa mẹ chơi làm mất đôi trâu, sợ đòn, nó trốn nhà. Cả nhà tong tá đi tìm nhưng mãi con nhỏ không quay lại. Vợ ông ôm cái áo con Cải khóc, bảo chắc là ông để bụng chuyện nó là con của chồng trước nên ngược đãi, hà khắc, đuổi xua. Ông đau mà không nói được một lời, ông đã nâng niu nó khi mới thôi nôi, đã vui khi có người bảo con nhỏ giống ông in hệt (dù biết họ khen khơi khơi, khen bồng trên trời), đã sướng rơn khi nó gọi tiếng ba ơi, con Cải đi rồi, ông đã xuống nước mắt khi đi qua chiếc giường trước kia nó ngủ. Có bữa, ông hì hụi ém mừng, rồi ngồi một góc, nhìn chiếu gối thên thang, lòng chết điếng vì nỗi nhớ con, vì lo nó lưu lạc giữa đời. Như thế mà ông không thương nó sao? Như thế mà là không thương à? Nhà buồn u buồn ám, vì đã ít người rồi bây giờ lại chẳng nhìn, chẳng cười nói với nhau. Sau, người ta còn đồn đãi ông giết con nhỏ rồi lấp ở một chỗ đất nào, họ kìn kìn lại coi (ai mà giàu tưởng tượng vậy không biết). Ông khăn gói bỏ xứ ra đi, bụng dạ đình ninh dứt khoát tìm được con Cải về.

[...] (Tóm tắt đoạn lược: Biền người mệnh mông, tìm đâu cho thấy, vậy là ông xin làm chân sai vặt cho đoàn ca múa nhạc, trước giờ diễn sẽ xin nói vài câu trên sân khấu: “Cải ơi! Ba là Năm Nhỏ nè con”. Khi đoàn ca múa nhạc giải tán ông theo thằng Thành (ca sĩ ở đoàn ca múa nhạc) về ở ngã Ba Sương, đi bán xe kéo kéo, khuya thì đậu ở ngã ba nhìn tìm con “Cải ơi!”, tiếng gọi nghe ngoắc ngoải cả một vùng. Một đêm...)

(2) Thành giật mình tỉnh giấc, không thấy ông già, nó ngật ngư ngồi dậy, trên bụng rớt xuống một gói tiền. Xe kéo kéo vẫn còn nguyên, Thành kéo cửa bước ra ngoài. Ngã ba Sương đã tắt đèn, những con đường hun hút mù mịt dưới mưa, như không cần biết đến từ đâu, chỉ biết gặp ở đây, phút này. Thằng Thành lau bầu, hổng biết ông già chừng này mà đi đâu vậy cả.

(3) Ông Năm đi ăn trộm chó đâu. Ông lợi bộ gần năm cây số trong mưa sục sùi vô trong xóm, ghé chỗ lò mổ, dắt đôi trâu đem đi. Ông làm gọn gàng như với đôi trâu ở nhà. Sáng ra ông trở lại, ghé đứng ngôi nhà có hàng so đũa cặp mé lộ, ông thấy một đám người đang tao tác đứng ngồi, ông hỏi, mua trâu hôn, tui kẹt tiền đem bán đây nè. Chủ nhà chạy ra la lên, trời ơi, bắt ông lại, ông ăn trộm của tui. Ông Năm giả đồ hết hồn, nhưng trong bụng thấy trúng ý, bảo, từ từ, tui có chạy đâu mà sợ. Người ta đưa ông lên áp, áp giải lên xã, ông luôn miệng nhắc, mấy chú nhớ kêu đài truyền hình xuống nghe, phải quay tui để dân người ta cảnh giác. May, đài tỉnh xuống thật, phóng viên một tờ báo cũng chạy theo, dọc đường hăm hờ rút sẵn tí “Đạo tặc đang trỉ” (thì ai cũng tưởng vậy). Cái cách đời nhảy xổ vào lỗi lầm của người khác thiệt là tưng bừng. Họ phỏng vấn ông chủ lò mổ, phỏng vấn trưởng công an xã, cuối cùng, ông Năm xin được nói đôi lời, còn dặn, mấy chú làm ơn đừng cắt bỏ tiếng tui, rằng

"Cải ơi, ba là Năm Nhỏ nè, nhà mình ở Cỏ Cháy đó, nhớ không? Về nhà đi con, tội má con vô vô có một mình. Con là trọng, chứ đôi trâu cộ nhằm nhò gì... Về ghen con, ơi Cải..."

(4) Nghe đâu, hôm đó, nhiều người rơi nước mắt, vì vậy mà vụ trộm trâu không được lên ti vi, sống giữa cái rẻo đất nhân hậu này nhiều khi cũng hơi phiền. Nghe đâu, hôm đó đài truyền hình có đưa tin nhưng chỉ thấy ông già nhép miệng một cách tuyệt vọng. Như đã nói, nhà đài người ta chớ có phải chớ trời đâu, mà có thể thoải mái gọi, "Cải ơi!"

(Nguyễn Ngọc Tư, truyện ngắn "Cải ơi", NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2003, tr.7 – 16)  
Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1: Xác định nhân vật chính trong văn bản trên. (0.75 điểm)

Câu 2: Nêu dấu hiệu nhận biết ngôi kể trong văn bản. (0.75 điểm)

Câu 3: Tìm những chi tiết miêu tả tình yêu thương con của ông Năm trong đoạn (1) của văn bản. (0.75 điểm)

Câu 4. Nêu nội dung chính của văn bản. (1.25 điểm)

Câu 5. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn: "Có bữa, ông hì hụi ẻm mừng, rồi ngồi một góc, nhìn chiếu gối thên thàng, lòng chết điếng vì nỗi nhớ con, vì lo nó lưu lạc giữa đời." (1.5 điểm)

Câu 6. Anh/chị rút ra những thông điệp gì từ văn bản? (Nêu 02 thông điệp) (1.0 điểm)

## II. VIẾT (4.0 điểm)

Viết bài văn nghị luận bàn về sức mạnh của tình cảm gia đình được gợi ra từ văn bản trên phần đọc hiểu (trích trong tác phẩm "Cải ơi" của nhà văn Nguyễn Ngọc Tư).

----Hết----

## ĐÁP ÁN ĐỀ MINH HOẠ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

NĂM HỌC 2025 - 2026

Môn: Ngữ văn, lớp 11

Thời gian làm bài: 90 phút

| Phần | Câu | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Điểm       |
|------|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| I    |     | <b>ĐỌC HIỂU</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <b>6.0</b> |
|      | 1   | Nhân vật chính trong văn bản: ông Năm.<br><b>Hướng dẫn chấm:</b><br>- Học sinh trả lời như đáp án: 0.75 điểm.<br>- Học sinh trả lời không đúng đáp án: không cho điểm.                                                                                                                                                                 | 0.75       |
|      | 2   | - Ngôi kể trong văn bản: ngôi thứ ba.<br>- Dấu hiệu xác định: người kể không tham gia vào câu chuyện, gọi tên nhân vật bằng tên của họ.<br><b>Hướng dẫn chấm:</b><br>- Học sinh xác định đúng ngôi kể: 0.25 điểm.<br>- Học sinh nêu đúng dấu hiệu nhận biết ngôi kể: 0.5 điểm<br>- Học sinh trả lời không đúng đáp án: không cho điểm. | 0.75       |

|           |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |            |
|-----------|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|           | <b>3</b> | <p>Những chi tiết miêu tả tình yêu thương con của ông Năm trong đoạn (1) của văn bản: “Ông đã đi tìm con nhỏ gần mười hai năm”, “Ông đã nâng niu nó khi mới thôi nôi”, “Ông đã xuống nước mắt khi đi qua chiếc giường trước kia nó ngủ”, “Có bữa, ông hì hụi ém mừng, rồi ngồi một góc...”, “Ông khăn gói bỏ xứ ra đi...”</p> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh trả lời 4 đến 5 ý trong đáp án: 0.75 điểm.</li> <li>- Học sinh trả lời 3 ý trong đáp án: 0.5 điểm.</li> <li>- Học sinh trả lời 2 ý trong đáp án: 0.25 điểm.</li> <li>- Học sinh trả lời không đúng đáp án: không cho điểm.</li> </ul>                                                                                                                              | 0.75       |
|           | <b>4</b> | <p>Nội dung chính của văn bản: Hành trình đi tìm con của ông Năm Nhỏ. Qua đó ca ngợi tình cảm cha con sâu nặng.</p> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh trả lời như đáp án hoặc có cách diễn đạt tương đương: 1,25 điểm.</li> <li>- Học sinh trả lời được 01 ý trong đáp án: 0,75 điểm.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1,25       |
|           | <b>5</b> | <p>- Biện pháp tu từ liệt kê: “ông hì hụi ém mừng, rồi ngồi một góc, nhìn chiếu gối thên thang, lòng chết đuối vì nỗi nhớ con, vì lo nó lưu lạc giữa đời.”</p> <p>- Tác dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Làm cho hình ảnh trong câu văn thêm đầy đủ, sinh động, tăng hiệu quả cho sự diễn đạt.</li> <li>+ Nhấn mạnh nỗi nhớ thương, lo lắng cho con của ông Năm. Từ đó nhấn mạnh tình yêu thương con tha thiết của ông Năm.</li> </ul> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh trả lời như đáp án: 1.5 điểm.</li> <li>- Học sinh trả lời được biện pháp tu từ: 0.25 điểm</li> <li>- Học sinh nêu được biểu hiện: 0.25 điểm</li> <li>- Học sinh trả lời được tác dụng: 1.0 điểm (01 tác dụng đúng: 0.5 điểm)</li> </ul> | 1,5        |
|           | <b>6</b> | <p>Thông điệp từ văn bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tình cảm gia đình là tình cảm thiêng liêng, vô điều kiện.</li> <li>- Phải có lòng nhân ái, giúp đỡ người khác trong cuộc sống.</li> <li>- Biết cảm thông cho người khác.</li> </ul> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh trả lời được 02 ý như đáp án hoặc có cách diễn đạt tương đương: 1,0 điểm.</li> <li>- Học sinh trả lời được 01 ý trong đáp án: 0,5 điểm.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1,0        |
| <b>II</b> |          | <b>VIẾT</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | <b>4,0</b> |
|           |          | <p><b>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</b></p> <p>Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 0,25       |
|           |          | <b>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận.</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 0,25       |

|                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |             |
|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
|                  | Viết bài văn nghị luận bàn về <i>sức mạnh của tình cảm gia đình</i> được gợi ra từ văn bản trên phần đọc hiểu “ <i>Cải Ơi</i> ” - Nguyễn Ngọc Tư.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |             |
|                  | <b>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</b><br>Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 0,25        |
|                  | <b>* Giới thiệu được vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm cá nhân về vấn đề nghị luận.</b><br><b>* Triển khai vấn đề cần nghị luận:</b><br>- Giải thích: <b>tình cảm gia đình</b> : Tình cảm gia đình là những cảm xúc yêu thương, gắn bó, quan tâm, sẻ chia giữa các thành viên có quan hệ huyết thống hoặc chung sống trong cùng một mái nhà (ông bà, cha mẹ, con cái, anh chị em...).<br><b>Phân tích:</b><br>- Sức mạnh của tình cảm gia đình trong truyện “ <i>Cải Ơi</i> ”:<br>Biểu hiện: “ <i>Ông Năm đi tìm con gần mười hai năm không bỏ cuộc. Ông chấp nhận bị hiểu lầm, mang tiếng “ăn trộm” chỉ để được lên truyền hình nhắc con quay về. Dù bị đồn đoán giết con, ông vẫn âm thầm chịu đựng. Ông luôn tin con sẽ nghe thấy tiếng gọi: “Cải Ơi!”</i> ”<br>- Sức mạnh của tình cảm trong cuộc sống:<br>+ Tạo động lực và nghị lực sống;<br>+ Chữa lành và nâng đỡ tinh thần<br>+ Gắn kết con người với nhau<br>+ Thúc đẩy hành động tích cực<br>- Mở rộng, bày tỏ quan điểm trái chiều, hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện hơn.<br><b>* Khẳng định lại quan điểm cá nhân và rút ra bài học cho bản thân.</b> | 2,5         |
|                  | <b>d. Chính tả, ngữ pháp</b><br>- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.<br>- Sắp xếp luận điểm, lí lẽ và bằng chứng hợp lí.<br>- Lập luận chặt chẽ, trình bày mạch lạc.<br>- Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn.<br><i>Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 0,25        |
|                  | <b>e. Sáng tạo</b><br>- Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 0,5         |
| <b>Tổng điểm</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | <b>10,0</b> |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**  
**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút**  
**(Năm học 2025 - 2026)**

| T<br>T | Năng<br>lực         | Mạch nội dung                                                       | Số<br>câu | Cấp độ tư duy |       |               |       |           |       |           |
|--------|---------------------|---------------------------------------------------------------------|-----------|---------------|-------|---------------|-------|-----------|-------|-----------|
|        |                     |                                                                     |           | Nhận biết     |       | Thông<br>hiểu |       | Vận dụng  |       | Tổng<br>% |
|        |                     |                                                                     |           | Số<br>câu     | Tỉ lệ | Số<br>câu     | Tỉ lệ | Số<br>câu | Tỉ lệ |           |
| I      | Năng<br>lực<br>Đọc  | Đọc hiểu VB thơ<br>hiện đại/ tiểu thuyết<br>hiện đại (Ngoài<br>SGK) | 5         | 2             | 10%   | 2             | 20%   | 1         | 10%   | 40%       |
| II     | Năng<br>lực<br>Viết | Viết đoạn văn nghị<br>luận văn học                                  | 1         | 5%            |       | 5%            |       | 10%       |       | 20%       |
|        |                     | Viết bài văn nghị<br>luận xã hội có liên<br>quan đến tuổi trẻ.      | 1         | 7.5%          |       | 10%           |       | 22.5%     |       | 40%       |
| Tỉ lệ  |                     |                                                                     |           | 22.5%         |       | 35%           |       | 42.5%     |       | 100%      |
|        |                     |                                                                     |           |               |       |               |       |           |       |           |
| Tổng   |                     |                                                                     | 7         | 100%          |       |               |       |           |       |           |

**Bản đặc tả yêu cầu các kĩ năng kiểm tra, đánh giá**

| TT | Kĩ<br>năng     | Đơn vị<br>kiến<br>thức/Kĩ<br>năng            | Mức độ đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức |               |          |  |
|----|----------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|---------------|----------|--|
|    |                |                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Nhận<br>biết                     | Thông<br>hiểu | Vận Dụng |  |
| 1  | 1. Đọc<br>hiểu | Văn bản<br>thơ hiện<br>đại<br>(Ngoài<br>SGK) | <b>Nhận biết</b><br>- Nhận biết được một số yếu tố<br>trong thơ: thể thơ, từ ngữ, hình ảnh,<br>biện pháp tu từ, vần, nhịp...<br>- Nhận biết được chủ thể trữ tình.<br>- Nhận biết được từ ngữ, hình ảnh<br>tiêu biểu trong khổ thơ.<br>- Nhận biết được một số yếu tố của<br>thơ trữ tình hiện đại như: ngôn ngữ,<br>hình tượng, biểu tượng, yếu tố<br>tượng trưng, siêu thực trong thơ...<br>- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc<br>của người viết thể hiện qua văn bản.<br><b>Thông hiểu</b><br>- Phân tích và đánh giá được một số<br>yếu tố trong thơ như: thể thơ, từ ngữ,<br>hình ảnh, biện pháp tu từ, vần,<br>nhịp...<br>- Phân tích được một số yếu tố của<br>thơ trữ tình hiện đại như: ngôn ngữ,<br>hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng | 2 câu                            | 2 câu         | 1 câu    |  |

|  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |  |  |  |  |
|--|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|
|  |  | <p>trung, siêu thực trong thơ.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Phân tích được chủ thể trữ tình.</li><li>- Phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.</li></ul> <p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Phân tích và đánh giá được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với người đọc và tiến bộ xã hội.</li><li>- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để thể hiện suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm.</li><li>- So sánh được hai văn bản văn học viết cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau...</li></ul> <p><b>Nhận biết</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Nhận biết được các chi tiết, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật, người kể chuyện, ngôi kể, điểm nhìn ..</li><li>- Nhận biết được một số yếu tố của tiểu thuyết hiện đại như: ngôn ngữ, diễn biến tâm lí, hành động của nhân vật...</li></ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Phân tích được các chi tiết, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; đánh giá được vai trò của những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.</li><li>- Phát hiện và lí giải được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mĩ; giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ tác phẩm.</li><li>- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản, phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo trong văn bản.</li></ul> <p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản văn học, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm.</li><li>-Đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.</li><li>-So sánh được hai văn bản văn học cùng đề tài ở các giai đoạn khác</li></ul> |  |  |  |  |
|--|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|

|   |      |                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |    |    |    |   |
|---|------|---------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----|----|---|
|   |      |                                 | n nhau; liên tưởng, mở rộng vấn đề để hiểu sâu văn bản được đọc.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |    |    |    |   |
| 2 | Viết | Viết đoạn văn nghị luận văn học | <b>Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu được vấn đề nghị luận.</li> <li>- Đảm bảo cấu trúc của một đoạn văn nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</li> </ul> <b>Thông hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp.</li> <li>- Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.</li> </ul> <b>Vận dụng:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được những bài học rút ra từ vấn đề nghị luận.</li> <li>- Thể hiện được sự đồng tình/không đồng tình đối với thông điệp được gợi ra từ vấn đề nghị luận.</li> </ul> <b>Vận dụng cao:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá được đặc sắc của vấn đề nghị luận.</li> <li>- Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt.</li> </ul>                                                                                                                               | 1* | 1* | 1* | 1 |
|   |      | Viết bài văn nghị luận xã hội   | <b>Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận.</li> <li>- Mô tả được vấn đề xã hội và những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết.</li> <li>- Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận.</li> <li>- Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.</li> </ul> <b>Thông hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được những khái niệm liên quan đến vấn đề nghị luận.</li> <li>- Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm.</li> <li>- Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.</li> <li>- Cấu trúc chặt chẽ, có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</li> </ul> <b>Vận dụng:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội.</li> </ul> | 1* | 1* | 1* | 1 |

|  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |  |  |  |  |
|--|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|
|  |  |  | - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận.<br><b>Vận dụng cao:</b><br>- Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,... để tăng sức thuyết phục cho bài viết.<br>- Vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt lớp 12 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết. |  |  |  |  |
|--|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|

**Ghi chú:** Phần viết có 02 câu bao hàm cả 4 cấp độ.

**I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau:**

|                                       |                                       |
|---------------------------------------|---------------------------------------|
| .... Đất nước                         | Đất nước                              |
| Của thơ ca                            | Của những người mẹ                    |
| Của bốn mùa hoa nở                    | Mặc áo thay vai                       |
| Độc trang Kiều tưởng câu hát dân gian | Hạt lúa củ khoai                      |
| Nghe xôn xao trong gió nội mây ngàn   | Bền bỉ nuôi chồng, nuôi con chiến đấu |

|                                                 |                                      |
|-------------------------------------------------|--------------------------------------|
| Đất nước                                        | Đất nước                             |
| Của những dòng sông                             | Của những người con gái con trai     |
| Gọi tên nghe mát rượi tâm hồn                   | Đẹp như hoa hồng, cứng hơn sắt thép  |
| Ngọt lịm những giọng hò xứ sở                   | Xa nhau không hề rơi nước mắt        |
| Trong sáng như trời xanh, mượt mà như nhung lụa | Nước mắt để dành cho ngày gặp mặt... |

( Trích Chúng con chiến đấu cho Người sống mãi Việt Nam ơi ! - Nam Hà, NXB Chính trị quốc gia, 2009, tr.370)

**Thực hiện các yêu cầu sau :**

- Câu 1:** Chỉ ra 01 dấu hiệu để xác định thể thơ của đoạn trích trên.
- Câu 2:** Liệt kê những hình ảnh tác giả đã dùng để nói về đất nước trong đoạn trích.
- Câu 3:** Nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong những dòng thơ sau:

Đất nước

Của những người con gái con trai

Đẹp như hoa hồng, cứng hơn sắt thép

**Câu 4:** Nhận xét của anh/chị về hình ảnh người mẹ Việt Nam trong những câu thơ sau:

Đất nước

Của những người mẹ

Mặc áo thay vai

Hạt lúa củ khoai

Bền bỉ nuôi chồng, nuôi con chiến đấu

**Câu 5:** Từ nội dung đoạn trích, anh/chị hãy nêu những hành động bản thân cần làm để thể hiện trách nhiệm đối với đất nước.

**II. VIẾT (6,0 điểm)**

**Câu 1. (2,0 điểm)**

Hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) phân tích vẻ đẹp của đất nước trong đoạn trích phần Đọc hiểu.

**Câu 2 (4,0 điểm)**

Viết bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/chị về vấn đề: tuổi trẻ với những thử thách trong cuộc sống.

-----HẾT-----

## HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN NGỮ VĂN 12

| Phần     | Câu      | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Điểm       |
|----------|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>I</b> |          | <b>ĐỌC HIỂU</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | <b>4,0</b> |
|          | <b>1</b> | <p>01 dấu hiệu để xác định thể thơ tự do trong văn bản: Các dòng/ câu thơ không đều nhau về số chữ/ tiếng (hoặc: Câu dài, câu ngắn đan xen linh hoạt/ Cách gieo vần, ngắt nhịp linh hoạt...)</p> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <p>- HS trả lời đúng như đáp án: đạt 0,5 điểm.</p> <p>- HS trả lời sai hoặc không trả lời không cho điểm.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 0,5        |
|          | <b>2</b> | <p>Tác giả đã dùng những hình ảnh để nói về đất nước trong đoạn trích: <i>thor ca; hoa nở; dòng sông; những người mẹ; những người con gái, con trai.</i></p> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <p>- HS trả lời đúng như đáp án: đạt 0,5 điểm.</p> <p>- HS trả lời đúng 01 – 02 hình ảnh: đạt 0,25 điểm.</p> <p>- HS trả lời sai hoặc chép lại các câu thơ không cho điểm</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 0,5        |
|          | <b>3</b> | <p>Biện pháp so sánh được sử dụng trong những dòng thơ: <i>So sánh đất nước của những người con gái, con trai đẹp như hoa hồng, cứng hơn sắt thép.</i></p> <p>- Tác dụng:</p> <p>+ Nhấn mạnh vẻ đẹp của đất nước- vẻ đẹp của tuổi trẻ Việt Nam. Họ vừa đẹp lại vừa anh dũng, mạnh mẽ, kiên cường; thể hiện lòng yêu mến, tự hào, ngợi ca trước vẻ đẹp của con người Việt Nam.</p> <p>+ Tăng tính sinh động, hấp dẫn, gợi hình, gợi cảm cho câu thơ.</p> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <p>- HS trả lời đúng như đáp án: đạt 1,0 điểm.</p> <p>- HS chỉ rõ biểu hiện của biện pháp so sánh: đạt 0,25 điểm, HS trả lời đúng tác dụng nội dung: đạt 0,5 điểm; HS trả lời đúng tác dụng nghệ thuật: đạt 0,25 điểm</p> <p>- HS có cách diễn đạt tương đương đạt số điểm tối đa.</p>                                                                                                                                                                              | 1,0        |
|          | <b>4</b> | <p>- Hình ảnh người mẹ Việt Nam trong những câu thơ:</p> <p>+ Người mẹ hiện lên với sự nghèo khó “Mặc áo thay vai”.</p> <p>+ Người mẹ đảm đang, tảo tần, hi sinh, chịu khó, chắt chiu để nuôi con, nuôi chồng chiến đấu “hạt lúa củ khoai/ bèn bĩ nuôi con, nuôi chồng chiến đấu”.</p> <p>- Nhận xét hình ảnh người mẹ Việt Nam trong những câu thơ: hình ảnh của người mẹ bình dị mà anh hùng, tuy nghèo khó vất vả, nhưng tảo tần, hi sinh để nuôi chồng, nuôi con chiến đấu bảo vệ đất nước; tiêu biểu cho người phụ nữ Việt Nam anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang. Qua đó, tác giả thể hiện sự ca ngợi, tự hào đối với người mẹ Việt Nam anh hùng trong kháng chiến.</p> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <p>- HS nêu được hình ảnh người mẹ Việt Nam trong những câu thơ: đạt 0,5 điểm.</p> <p>- HS nhận xét được hình ảnh người mẹ Việt Nam trong những câu thơ: đạt 0,5 điểm.</p> <p>- HS có cách diễn đạt tương đương đạt số điểm tối đa.</p> | 1,0        |

|    |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                  |
|----|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
|    | 5 | <p>- Bản thân thấy cần làm những việc để thể hiện trách nhiệm đối với đất nước:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kế thừa, giữ gìn và phát triển những truyền thống, giá trị văn hoá của đất nước.</li> <li>+ Ra sức học tập, trau dồi kiến thức, kĩ năng để góp phần trong công cuộc phát triển đất nước.</li> <li>+ Yêu thương, giúp đỡ những đồng bào gặp khó khăn, để tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc.</li> <li>+ Rèn luyện sức khỏe để sẵn sàng bảo vệ đất nước...</li> </ul> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trả lời đúng như đáp án: đạt 1,0 điểm.</li> <li>- HS nêu được 2 việc bản thân cần làm để thể hiện trách nhiệm đối với đất nước: đạt 0,5 điểm.</li> </ul> <p>6 cách diễn đạt tương đương đạt số điểm tối đa.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1,0                                                                              |
| II |   | <b>VIẾT</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>6,0</b>                                                                       |
|    | 1 | <p><b>Hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) phân tích vẻ đẹp của đất nước được thể hiện trong đoạn trích phần Đọc hiểu.</b></p> <p>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn:<br/>Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 150 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận<br/>Vẻ đẹp của đất nước được thể hiện trong đoạn trích phần Đọc hiểu.</p> <p>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận:<br/>Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý:<br/>+ Vẻ đẹp của đất nước trước hết được thể hiện qua văn chương, thi ca với “những câu Kiều”; “những giọng hò xứ sở”.<br/>+ Đất nước còn hiện lên qua vẻ đẹp của thiên nhiên rộng lớn và tràn đầy sức sống với “hoa nở bốn mùa”, với không gian mênh mông của “gió nội mây ngàn”, những dòng sông “mát rượi”.<br/>+ Đất nước còn đẹp ở con người Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước: những chàng trai, cô gái trẻ trung, anh dũng, kiên cường chiến đấu vì Tổ quốc; những người mẹ anh hùng, trung hậu, đảm đang, tảo tần nuôi con, nuôi chồng ra trận..<br/><i>Lưu ý: HS có thể diễn đạt bằng những cách khác nhau nhưng cần đảm bảo những nội dung trên.</i></p> <p>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:<br/>- Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận.<br/>- Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý.<br/>- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.</p> <p>đ. Diễn đạt:<br/>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.</p> <p>e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ</p> | <p>2,0</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> |
|    | 2 | <b>Viết bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/chị về vấn đề: tuổi trẻ với những thử thách trong cuộc sống.</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <b>4,0</b>                                                                       |

|  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                   |
|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
|  | <p>Bài văn đáp ứng các yêu cầu sau:</p> <p><b>a. Yêu cầu chung:</b> xác định đúng vấn đề nghị luận; bảo đảm yêu cầu về dung lượng và sử dụng bằng chứng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vấn đề nghị luận: Tuổi trẻ với những thử thách trong cuộc sống.</li> <li>- Dung lượng: khoảng 500 chữ</li> <li>- Bằng chứng: thực tế đời sống</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1.0                                                               |
|  | <p><b>b. Yêu cầu cụ thể</b></p> <p>Thí sinh triển khai bài viết theo trình tự hợp lí và sử dụng đúng các kĩ năng nghị luận.</p> <p><b>b1. Viết được mở bài và kết bài cho bài văn nghị luận xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mở bài: Giới thiệu được vấn đề nghị luận.</li> <li>- Kết bài: Khẳng định được vấn đề nghị luận.</li> </ul> <p><b>b2. Giải thích được vấn đề nghị luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thử thách là những khó khăn, trở ngại mà con người phải đối mặt trong cuộc sống, từ học tập, công việc, đến các mối quan hệ.</li> <li>- Tuổi trẻ không thể tránh khỏi thử thách; chính thử thách giúp con người trưởng thành.</li> </ul> <p><b>b3. Phân tích, chứng minh được vấn đề nghị luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Phân tích, chứng minh được vì sao tuổi trẻ cần đối mặt với thử thách:</i> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tuổi trẻ là giai đoạn con người hình thành bản lĩnh, xác định mục tiêu và định hướng cho tương lai, vì vậy cần trải nghiệm và đối diện với những khó khăn, thử thách của cuộc sống.</li> <li>+ Người trẻ có sức khỏe, nhiệt huyết, khát vọng cùng tinh thần dám nghĩ dám làm nên có nhiều điều kiện để vượt qua thử thách.</li> <li>+ Cuộc sống luôn tồn tại những khó khăn, trở ngại; do đó tuổi trẻ cần học cách đối diện và vượt qua để trưởng thành và hoàn thiện bản thân.</li> </ul> </li> <li>- <i>Phân tích, chứng minh được ý nghĩa của vấn đề nghị luận:</i> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đối với bản thân tuổi trẻ: Giúp người trẻ rèn luyện ý chí, bản lĩnh và sự kiên trì; từ đó trưởng thành hơn trong suy nghĩ và hành động, tích lũy kinh nghiệm để vững vàng trước những khó khăn của cuộc sống...</li> <li>+ Đối với xã hội: Những người trẻ dám đối mặt và vượt qua thử thách sẽ trở thành lực lượng năng động, sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển và tiến bộ của xã hội...</li> <li>+ Đối với đất nước: Thế hệ trẻ bản lĩnh, kiên cường trước thử thách sẽ góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tạo nên nguồn lực quan trọng cho sự phát triển bền vững của đất nước...</li> </ul> </li> </ul> <p><b>b4. Mở rộng, nâng cao được vấn đề nghị luận và rút ra bài học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mở rộng, nâng cao được vấn đề nghị luận: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Một số bạn trẻ hiện nay ngại khó, ngại khổ, dễ bỏ cuộc khi gặp thử thách.</li> <li>+ Tuổi trẻ không nên né tránh thử thách, nhưng cũng không nên đối đầu một cách mù quáng; điều quan trọng là biết lựa chọn, chuẩn bị và vượt qua thử thách một cách bản lĩnh và thông minh...</li> </ul> </li> <li>- Rút ra bài học: Người trẻ cần dũng cảm đối mặt với thử thách, xem khó khăn là cơ hội để trưởng thành; không ngừng học tập, rèn luyện ý chí, bản lĩnh và kỹ năng sống; nuôi dưỡng khát vọng, mục tiêu sống tích cực, nỗ lực vươn lên để đóng góp cho xã hội và đất nước...</li> </ul> <p><b>b5. Sáng tạo:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có những ý đột phá, vượt ra ngoài đáp án nhưng có sức thuyết phục.</li> </ul> | <p>3.0</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>1,0</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> |

|  |  |                                      |             |
|--|--|--------------------------------------|-------------|
|  |  | - Có cách diễn đạt tinh tế, độc đáo. |             |
|  |  | <b>TỔNG</b>                          | <b>10,0</b> |

-----HẾT-----

TRƯỜNG THPT LONG KHÁNH  
MA TRẬN VÀ BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II 2025 - 2026  
MÔN LỊCH SỬ LỚP 10 - CTST

I. Ma trận đề kiểm tra học kỳ II – lớp 10

| TT | Chương/<br>chủ đề                                                                           | Nội dung/<br>đơn vị kiến<br>thức                             | Mức độ đánh giá     |      |    |               |      |    |         |      |    | Tổng |      |     | Tỉ lệ<br>%<br>điểm |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------|------|----|---------------|------|----|---------|------|----|------|------|-----|--------------------|
|    |                                                                                             |                                                              | TNKQ nhiều lựa chọn |      |    | TNKQ đúng sai |      |    | Tự luận |      |    |      |      |     |                    |
|    |                                                                                             |                                                              | Biết                | Hiểu | VD | Biết          | Hiểu | VD | Biết    | Hiểu | VD | Biết | Hiểu | VD  |                    |
| 1  | CHƯƠNG<br>IV: CÁC<br>CUỘC<br>CÁCH<br>MẠNG<br>CÔNG<br>NGHIỆP<br>TRONG<br>LỊCH SỬ<br>THẾ GIỚI | Bài 10:<br>Cách<br>mạng<br>công<br>nghệp<br>thời hiện<br>đại | 3                   |      |    | 1             | 1    | 2  |         |      | 1  | 1,0  | 0,25 | 1,5 | 2,75<br><br>27,5%  |

|              |                                                                                               |                                                                                                               |     |  |   |              |              |               |    |     |     |     |      |     |               |
|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|--|---|--------------|--------------|---------------|----|-----|-----|-----|------|-----|---------------|
|              | CHƯƠNG<br>V: VĂN<br>MINH<br>ĐÔNG<br>NAM Á<br>THỜI CỔ<br>TRUNG -<br>ĐẠI                        | Bài 11:<br>Hành<br>trình phát<br>triển và<br>thành tựu<br>văn minh<br>Đông<br>Nam Á<br>thời cổ -<br>trung đại | 3   |  |   | 1            | 1            | 2             |    |     |     | 1,0 | 0,25 | 0,5 | 1,75<br>17,5% |
|              | CHƯƠNG<br>6: MỘT SỐ<br>NỀN VĂN<br>MINH<br>TRÊN ĐẤT<br>NƯỚC<br>VIỆT NAM<br>(TRƯỚC<br>NĂM 1858) | Bài 12:<br>Văn minh<br>Văn Lang<br>– Âu Lạc                                                                   | 3   |  |   | 1            | 1            | 2             |    | 1   |     | 1,0 | 2,25 | 0,5 | 3,75<br>37,5% |
|              |                                                                                               | Bài 13:<br>Văn minh<br>Chăm -<br>pa                                                                           | 3   |  |   | 1            | 1            | 2             |    |     |     | 1,0 | 0,25 | 0,5 | 1,75<br>17,5% |
| Tổng số câu  |                                                                                               |                                                                                                               | 12  |  | 0 | 4 (a)<br>1,0 | 4 (b)<br>1,0 | 8(c,d)<br>2,0 | 0  | 1   | 1   |     |      |     |               |
| Tổng số điểm |                                                                                               |                                                                                                               | 3,0 |  |   | 4,0          |              |               |    | 2,0 | 1,0 | 4,0 | 3,0  | 3,0 | 10            |
| Tỉ lệ %      |                                                                                               |                                                                                                               | 70  |  |   |              |              |               | 30 |     |     | 40  | 30   | 30  | 100           |

## II. Bản đặc tả đề kiểm tra giữa học kỳ II – lớp 10

|           |  |  |  |  |
|-----------|--|--|--|--|
| <b>TT</b> |  |  |  |  |
|-----------|--|--|--|--|

|   | Nội dung kiến thức                                                  | Đơn vị kiến thức                            | Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Số lượng câu hỏi ở các mức độ |                |         |
|---|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|----------------|---------|
|   |                                                                     |                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Trắc nghiệm                   |                | Tự luận |
|   |                                                                     |                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | TNKQ                          | Đúng – Sai     |         |
| 1 | CHƯƠNG IV:<br>CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP TRONG LỊCH SỬ THẾ GIỚI | Bài 10: Cách mạng công nghiệp thời hiện đại | <b>* Nhận biết</b><br>- Nêu được những thành tựu cơ bản của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư.<br>- Nêu được ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư về kinh tế, xã hội, văn hóa.                                                                                                                                                                              | 3                             | 1a)            |         |
|   |                                                                     |                                             | <b>* Thông hiểu:</b><br>- Hiểu và nêu được những thành tựu nổi bật của Cách mạng công nghiệp 4.0.                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                               | 1b)            |         |
|   |                                                                     |                                             | <b>* Vận dụng:</b><br>- Vận dụng kiến thức đã học để phân tích phạm vi tác động của AI, IoT và Big Data trong Cách mạng công nghiệp 4.0.<br>- Phân tích được vai trò quyết định của nền tảng khoa học – công nghệ đối với các quốc gia đi đầu trong Cách mạng công nghiệp 4.0.<br>- Liên hệ được những kĩ năng mà học sinh cần chuẩn bị để thích ứng với thời đại Cách mạng công nghiệp 4.0. (C2TL) |                               | 1c)<br><br>1d) | 1       |
|   | CHƯƠNG V: VĂN MINH ĐÔNG                                             | Bài 11: Hành trình phát triển               | <b>* Nhận biết:</b><br>- Trình bày được các thời kì phát triển của văn minh Đông Nam Á.                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3                             | 2a)            |         |

|  |                                                                                                  |                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                           |          |                              |          |
|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------------------------------|----------|
|  | <b>NAM Á THỜI CỔ<br/>TRUNG - ĐẠI</b>                                                             | <b>và thành tựu văn<br/>minh Đông Nam<br/>Á thời cổ - trung<br/>đại</b> | - Nêu được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á về tôn giáo và tín ngưỡng, văn tự và văn học, kiến trúc và điêu khắc.                                                                                                                                                       |          |                              |          |
|  |                                                                                                  |                                                                         | <b>* Thông hiểu:</b><br><br>- Giải thích được vì sao thành phố cổ Pa-gan từng là một vương quốc rất phát triển và hùng mạnh trong thời trung đại.<br><br>- Hiểu được vai trò của văn hóa Ấn Độ và Trung Quốc đối với sự hình thành văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại. <b>(C1TL)</b> |          | <b>2b)</b>                   | <b>1</b> |
|  |                                                                                                  |                                                                         | <b>* Vận dụng:</b><br><br>- Đánh giá được trình độ xây dựng và nghệ thuật của vương quốc Pa-gan thời trung đại thông qua đặc điểm kiến trúc của đền Ananda.<br>- Phân tích được ý nghĩa của việc UNESCO công nhận thành phố cổ Pa-gan là Di sản văn hóa thế giới.                         |          | <b>2c)</b><br><br><b>2d)</b> |          |
|  | <b>CHƯƠNG 6: MỘT<br/>SỐ NỀN VĂN<br/>MINH TRÊN ĐẤT<br/>NƯỚC VIỆT NAM<br/>(TRƯỚC NĂM<br/>1858)</b> | <b>Bài 12: Văn<br/>minh Văn Lang<br/>– Âu Lạc</b>                       | <b>* Nhận biết</b><br><br>- Nêu được cơ sở hình thành văn minh Văn Lang – Âu Lạc.<br><br>- Nêu được những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc về sự ra đời của nhà nước, hoạt động kinh tế, đời sống vật chất và đời sống tinh thần.                                   | <b>3</b> | <b>3a)</b>                   |          |
|  |                                                                                                  |                                                                         | <b>* Thông hiểu:</b><br><br>- Hiểu được mục đích thực sự của việc xây dựng thành Cổ Loa trong thời Âu Lạc.<br><br>- Giải thích được vì sao nước Âu Lạc là một bước phát triển cao hơn so với nhà nước Văn Lang. <b>(C1 TL)</b>                                                            |          | <b>3b)</b>                   | <b>1</b> |
|  |                                                                                                  |                                                                         | <b>* Vận dụng:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                        |          |                              |          |

|  |                    |                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |            |            |            |
|--|--------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------|------------|
|  |                    |                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng kiến thức đã học để phân tích quá trình hình thành của hai nhà nước Văn Lang và Âu Lạc.</li> <li>- Đánh giá được sự phát triển giữa nhà nước Văn Lang và nhà nước Âu Lạc.</li> </ul>                                                                                                  |            | 3c)<br>3d) |            |
|  |                    | <b>Bài 13: Văn minh Chăm - pa</b> | <b>* Nhận biết</b><br><ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được cơ sở hình thành văn minh Chăm-pa.</li> <li>- Nêu được những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Chăm-pa về sự ra đời của nhà nước, hoạt động kinh tế, đời sống vật chất và đời sống tinh thần.</li> </ul>                                                     | 3          | 4a)        |            |
|  |                    |                                   | <b>* Thông hiểu:</b><br><ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được biểu hiện cụ thể của sự ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ trong nghệ thuật Chăm-pa.</li> </ul>                                                                                                                                                                         |            | 4b)        |            |
|  |                    |                                   | <b>* Vận dụng:</b><br><ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích và chứng minh được ảnh hưởng sâu sắc của văn minh Ấn Độ đối với kiến trúc và điêu khắc Chăm-pa.</li> <li>- Vận dụng các kiến thức đã học để chứng minh các vị thần được thờ tự trong đền tháp Chăm đều là các vị thần của đạo Hin – đu và đạo Phật.</li> </ul> |            | 4c)<br>4d) |            |
|  | <b>Tổng số câu</b> |                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>12</b>  | <b>4</b>   | <b>2</b>   |
|  | <b>Tỉ lệ %</b>     |                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>30%</b> | <b>40%</b> | <b>30%</b> |
|  | <b>Số điểm</b>     |                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>3.0</b> | <b>4.0</b> | <b>3.0</b> |

## MA TRẬN VÀ BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN LỊCH SỬ 11 – GIỮA HỌC KÌ II

### I. Khung ma trận đề kiểm tra định kì môn Lịch sử (TNKQ nhiều lựa chọn; TNKQ đúng – sai; tự luận)

| TT | Chương/<br>chủ đề                                                                                                                               | Nội<br>dung/đơn<br>vị kiến<br>thức                                            | Mức độ đánh giá        |      |    |               |      |    |         |      |    | Tổng |      |    | Tỉ lệ<br>%<br>điểm |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------|----|---------------|------|----|---------|------|----|------|------|----|--------------------|
|    |                                                                                                                                                 |                                                                               | TNKQ nhiều lựa<br>chọn |      |    | TNKQ đúng sai |      |    | Tự luận |      |    |      |      |    |                    |
|    |                                                                                                                                                 |                                                                               | Biết                   | Hiểu | VD | Biết          | Hiểu | VD | Biết    | Hiểu | VD | Biết | Hiểu | VD |                    |
| 1  | <b>Quá trình<br/>giành độc<br/>lập của<br/>các quốc<br/>gia ở<br/>Đông<br/>Nam Á</b>                                                            | Hành trình<br>đi đến độc<br>lập dân tộc<br>của Đông<br>Nam Á                  | 4                      |      |    | 2             | 2    | 4  |         |      |    |      |      |    | 15%                |
| 2  | <b>Chủ đề 4<br/>Chiến<br/>tranh bảo<br/>vệ Tổ<br/>quốc và<br/>chiến<br/>tranh giải<br/>phóng<br/>dân tộc<br/>trong lịch<br/>sử Việt<br/>Nam</b> | Khái quát<br>về chiến<br>tranh bảo vệ<br>Tổ quốc<br>trong lịch sử<br>Việt Nam | 4                      |      |    | 1             | 1    | 2  |         |      |    |      |      |    | 21%                |
|    |                                                                                                                                                 | Một số cuộc<br>khởi nghĩa<br>và chiến<br>tranh giải                           | 2                      |      |    | 1             | 1    | 2  |         |      |    |      |      |    |                    |

|              |                                             |                                                                      |    |   |   |               |               |                |    |       |       |    |    |    |     |
|--------------|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|----|---|---|---------------|---------------|----------------|----|-------|-------|----|----|----|-----|
|              | (trước năm 1858)                            | phóng trong lịch sử Việt Nam (từ TK III TCN đến cuối TK XIX)         |    |   |   |               |               |                |    |       |       |    |    |    |     |
| 3            | Một số cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam | Cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ (Cuối thế kỉ XIV - đầu thế kỉ XV) | 2  |   |   |               |               |                |    |       |       |    |    |    |     |
| Tổng số câu  |                                             |                                                                      | 12 | 0 | 0 | 4 (a)<br>0,25 | 4 (b)<br>0,25 | 8 (c,d)<br>0,5 | 0  | 1 (a) | 1 (b) |    |    |    |     |
| Tổng số điểm |                                             |                                                                      | 3  |   |   | 4             |               |                |    | 0,5   | 2,5   | 4  | 3  | 3  | 10  |
| Tỉ lệ %      |                                             |                                                                      | 70 |   |   |               |               |                | 30 |       |       | 40 | 30 | 30 | 100 |

## II. Bản đặc tả đề kiểm tra định Kỳ môn lịch sử lớp 11 – Giữa HKII

| TT | Chương/<br>chủ đề                                                            | Nội dung/đơn<br>vị kiến thức                              | Yêu cầu cần đạt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Số lượng câu hỏi ở các mức độ |          |         |
|----|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|----------|---------|
|    |                                                                              |                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Trắc nghiệm                   |          | Tự luận |
|    |                                                                              |                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Nhiều lựa<br>chọn             | Đúng-Sai |         |
| 1  | <b>Quá trình<br/>giành độc lập<br/>của các quốc<br/>gia ở Đông<br/>Nam Á</b> | Hành trình đi<br>đến độc lập dân<br>tộc của Đông<br>Nam Á | <p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Tóm tắt được nét chính về cuộc đấu tranh chống thực dân xâm lược ở một số nước Đông Nam Á hải đảo (Indonesia, Philippines) và Đông Nam Á lục địa (Myanmar, ba nước Đông Dương). <b>C1</b></li> <li>- Nêu được các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á. <b>C2</b></li> <li>– Tóm tắt được nét chính về quá trình tái thiết và phát triển ở Đông Nam Á. <b>C3, C4</b></li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á.</li> </ul> | 6                             | 2        |         |

|   |                                                                                                                    |                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |   |   |  |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|
|   |                                                                                                                    |                                                                       | <p>– Hiểu được các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á.</p> <p><b>Vận dụng:</b></p> <p>- Liên hệ thực tế những ảnh hưởng của chế độ thực dân ở Việt Nam.</p> <p>- Có ý thức trân trọng những thành quả đấu tranh giành độc lập và phát triển của các dân tộc ở Đông Nam Á hiện nay.</p>                                                                                                                                    |   |   |  |
| 2 | <p><b>Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1858)</b></p> | <p>Khái quát về chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam</p> | <p><b>Nhận biết:</b></p> <p>- Nêu được vị trí địa chiến lược của Việt Nam. <b>C5</b></p> <p>– Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu của dân tộc Việt Nam. <b>C6</b></p> <p>– Trình bày được nội dung chính của các cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu của dân tộc Việt Nam về thời gian, địa điểm, đối tượng xâm lược, những trận đánh lớn, kết quả. <b>C7, C8</b></p> <p><b>Thông hiểu:</b></p> | 6 | 1 |  |

|  |  |                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |   |   |  |
|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|
|  |  |                                                                                                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giải thích được nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược.</li> <li>– Phân tích được vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam.</li> <li>– Giải thích được nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |   |   |  |
|  |  | <p>Một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam (từ TK III TCN đến cuối TK XIX)</p> | <p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được nội dung chính và ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc. C9</li> <li>- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử, trình bày được bối cảnh lịch sử, những diễn biến chính và ý nghĩa của phong trào Tây Sơn. C10</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nêu được ý nghĩa của khởi nghĩa Lam Sơn.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rút ra được những bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến và khởi nghĩa trong lịch sử Việt Nam.</li> <li>- Vận dụng kiến thức đã học, nhận thức</li> </ul> | 4 | 1 |  |

|              |                                                    |                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                |               |              |              |
|--------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------------|--------------|
|              |                                                    |                                                                      | được giá trị của các bài học đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.                                                                                                                                                     |               |              |              |
| 3            | <b>Một số cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam</b> | Cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ (Cuối thế kỉ XIV - đầu thế kỉ XV) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung, kết quả, ý nghĩa cuộc cải cách của nhà Hồ. C11, C12</li> <li>- Có ý thức trân trọng giá trị cuộc cải cách Hồ Quý Ly và Triều Hồ</li> </ul> |               |              |              |
| <b>Tổng</b>  | <b>26 câu</b>                                      |                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                | <b>12 câu</b> | <b>4 câu</b> | <b>1 câu</b> |
| <b>Tỉ lệ</b> | <b>100 %</b>                                       |                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                | <b>30%</b>    | <b>40%</b>   | <b>30%</b>   |

SỞ GD & ĐT ĐỒNG NAI  
TRƯỜNG THPT LONG KHÁNH

MA TRẬN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II  
NĂM HỌC 2025 - 2026

I. Ma trận đề kiểm tra giữa kì II

Môn: LỊCH SỬ- LỚP 12

| TT | Chương/<br>chủ đề | Nội<br>dung/đơn vị<br>kiến thức                                                      | Mức độ đánh giá     |      |    |               |      |        |         |      |    | Tổng |      |    | Tỉ lệ<br>% điểm |
|----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------|----|---------------|------|--------|---------|------|----|------|------|----|-----------------|
|    |                   |                                                                                      | TNKQ nhiều lựa chọn |      |    | TNKQ đúng sai |      |        | Tự luận |      |    |      |      |    |                 |
|    |                   |                                                                                      | Biết                | Hiểu | VD | Biết          | Hiểu | VD     | Biết    | Hiểu | VD | Biết | Hiểu | VD |                 |
| 1  | Chủ đề 4          | Bài 10: Khái quát về công cuộc Đổi mới từ 1986 đến nay                               | 3                   |      |    | 4(a)          | 4(b) | 8(c,d) |         |      |    | 7    | 4    | 8  |                 |
|    |                   | Bài 11: Thành tựu cơ bản và bài học của công cuộc đổi mới ở Việt Nam từ 1986 đến nay | 3                   |      |    |               |      |        |         |      |    | 3    |      |    |                 |
| 2  | Chủ đề 5          | Bài 12. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến năm 1975               | 3                   |      |    |               |      |        |         |      |    | 3    |      |    |                 |

|              |  |                                                              |     |  |  |       |       |         |    |     |     |     |     |     |     |
|--------------|--|--------------------------------------------------------------|-----|--|--|-------|-------|---------|----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|
|              |  | Bài 13. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ năm 1975 đến nay | 3   |  |  |       |       |         |    | 2/3 | 1/3 | 3   | 2   | 1   |     |
| Tổng số câu  |  |                                                              | 12  |  |  | 4 (a) | 4 (b) | 4 (c,d) |    | 1   | 1   | 16  |     |     |     |
| Tổng số điểm |  |                                                              | 3,0 |  |  | 4,0   |       |         |    | 2,0 | 1,0 | 4,0 | 3,0 | 3,0 | 10  |
| Tỉ lệ %      |  |                                                              | 70  |  |  |       |       |         | 30 |     |     | 40  | 30  | 30  | 100 |

## II. Bản đặc tả đề kiểm tra định Kỳ môn lịch sử

| TT  | Chương/<br>chủ đề                                                     | Nội dung/đơn vị<br>kiến thức                                                                                                           | Yêu cầu cần đạt<br>(Đã được tách ra theo các mức độ)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Số lượng câu hỏi ở các mức độ |                     |         |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------|---------|
|     |                                                                       |                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Trắc nghiệm                   |                     | Tự luận |
|     |                                                                       |                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Nhiều lựa<br>chọn             | Đúng-Sai            |         |
| (1) | (2)                                                                   | (3)                                                                                                                                    | (4)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | (5)                           | (6)                 | (7)     |
| 1   | <b>Chủ đề 4</b>                                                       | <b>Bài 10:</b> Khái quát về công cuộc Đổi mới từ 1986 đến nay                                                                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được những nội dung chính các giai đoạn của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay.</li> <li>- Giải thích được lý do cần phải đổi mới trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, đối ngoại.</li> <li>- Phân tích được những nội dung chính các giai đoạn của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay.</li> </ul> | 3                             | 4<br><br>4<br><br>8 |         |
|     |                                                                       | <b>Bài 11:</b> Thành tựu cơ bản và bài học của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được thành tựu cơ bản của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá và hội nhập quốc tế.</li> <li>- Nêu được một số bài học kinh nghiệm của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay.</li> </ul>                                                                                                          | 3                             |                     |         |
| 2   | <b>CHỦ ĐỀ 2:<br/>ASEAN:<br/>NHỮNG<br/>CHẶNG<br/>ĐƯỜNG<br/>LỊCH SỬ</b> | <b>Bài 12.</b> Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong đấu tranh giành độc lập dân tộc (đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945) | - Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong đấu tranh giành độc lập dân tộc (từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945).                                                                                                                                                                                                                                           | 3                             |                     |         |
|     |                                                                       | <b>Bài 13.</b> Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ                                                                                     | - Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954) và kháng chiến chống Mỹ (1954-1975).                                                                                                                                                                                                                                                        | 3                             |                     |         |

|                 |  |                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |            |                                 |                       |
|-----------------|--|------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------|-----------------------|
|                 |  | sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong giai đoạn 1975 – 1985, giai đoạn từ năm 1986 đến nay.</li> <li>- Tự hào về truyền thống ngoại giao của cha ông trong lịch sử, góp phần vào việc xây dựng hình ảnh đẹp, thân thiện của đất nước Việt Nam trong cộng đồng quốc tế.</li> </ul> |            |                                 | <p>2/3</p> <p>1/3</p> |
| <b>Tổng câu</b> |  |                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>12</b>  | <b>4</b><br><b>(a, b, c, d)</b> | <b>2</b>              |
| <b>Tỉ lệ</b>    |  |                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>30%</b> | <b>40%</b>                      | <b>30%</b>            |

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II, MÔN ĐỊA LÝ LỚP 10

| TT | Chương/<br>chủ đề                      | Nội dung/đơn vị kiến thức                                                                               | Mức độ đánh giá        |      |    |                 |      |    |                      |      |    |         |      |    | Tỉ lệ<br>%<br>điểm |
|----|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------|----|-----------------|------|----|----------------------|------|----|---------|------|----|--------------------|
|    |                                        |                                                                                                         | TNKQ nhiều lựa<br>chọn |      |    | TNKQ đúng – sai |      |    | TNKQ trả lời<br>ngắn |      |    | Tự luận |      |    |                    |
|    |                                        |                                                                                                         | Biết                   | Hiểu | VD | Biết            | Hiểu | VD | Biết                 | Hiểu | VD | Biết    | Hiểu | VD |                    |
| 1  | Chủ đề 1. DÂN CƯ                       | Dân số và sự phát triển dân số thế giới                                                                 |                        |      |    | 2               | 1    | 1  |                      | 1    | 1  |         |      |    | 15                 |
|    |                                        | Cơ cấu dân số                                                                                           | 1                      | 1    | 1  |                 |      |    |                      | 1    |    |         |      |    | 10                 |
|    |                                        | Phân bố dân cư và đô thị hóa                                                                            | 1                      |      | 1  |                 |      |    |                      | 1    |    |         | 1    |    | 17,5               |
| 2  | Chủ đề 2. NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ | Nguồn lực phát triển kinh tế                                                                            | 1                      | 1    |    |                 |      |    |                      |      |    |         |      |    | 5                  |
|    |                                        | Cơ cấu nền kinh tế, một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế                                      | 1                      |      |    |                 |      |    |                      |      |    |         |      |    | 2,5                |
| 3  | Chủ đề 3. NÔNG NGHIỆP                  | Vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản | 1                      |      |    | 2               | 1    | 1  |                      |      |    |         |      |    | 12,5               |
|    |                                        | Địa lí các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản                                                      | 2                      |      | 1  |                 |      |    |                      | 1    | 1  |         |      | 1  | 32,5               |

|                  |  |                                                                              |     |     |     |     |     |     |     |     |     |     |   |   |     |
|------------------|--|------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|---|---|-----|
|                  |  | Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.<br>Vấn đề và định hướng phát triển nông nghiệp | 1   |     | 1   |     |     |     |     |     |     |     |   |   | 5   |
| Tổng số lệnh hỏi |  |                                                                              | 8   | 2   | 4   | 4   | 2   | 2   | 0   | 4   | 2   |     | 1 | 1 | 30  |
| Tổng số điểm     |  |                                                                              | 2,0 | 0,5 | 1,0 | 1,0 | 0,5 | 0,5 | 0   | 1,0 | 0,5 |     | 1 | 2 | 10  |
| Tỉ lệ %          |  |                                                                              | 35% |     |     | 20% |     |     | 15% |     |     | 30% |   |   | 100 |

**BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II, LỚP 10**

| TT | Chương/<br>chủ đề                | Nội<br>dung/đơn<br>vị kiến<br>thức               | YÊU CẦU CẦN ĐẠT                                                                                                                                                                                                                                                     | Mức độ đánh giá        |      |    |                    |      |    |                      |      |    |         |      |    | Tỉ lệ<br>%<br>điểm |
|----|----------------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------|----|--------------------|------|----|----------------------|------|----|---------|------|----|--------------------|
|    |                                  |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                     | TNKQ nhiều<br>lựa chọn |      |    | TNKQ đúng –<br>sai |      |    | TNKQ trả lời<br>ngắn |      |    | Tự luận |      |    |                    |
|    |                                  |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                     | Biết                   | Hiểu | VD | Biết               | Hiểu | VD | Biết                 | Hiểu | VD | Biết    | Hiểu | VD |                    |
| 1  | <b>Chủ đề<br/>1. DÂN<br/>CU'</b> | Dân số và<br>sự phát<br>triển dân<br>số thế giới | <b>Nhận biết:</b><br>-Trình bày được đặc<br>điểm và tình hình phát<br>triển dân số trên thế<br>giới. (NL2)<br><b>Thông hiểu:</b><br>- Phân tích được các<br>nhân tố tác động đến<br>gia tăng dân số.<br><b>(NL2)</b><br>- Tính được tỉ trọng<br>dân số của các châu |                        |      |    | 2                  | 1    | 1  |                      | 1    | 1  |         |      |    | 15                 |

|  |  |               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |   |   |   |  |  |  |   |  |  |  |  |    |
|--|--|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|--|--|--|---|--|--|--|--|----|
|  |  |               | <p>lục trong tổng dân số thế giới.</p> <p><b>Vận dụng:</b></p> <p>– Phân tích được biểu đồ, số liệu thống kê về dân số; xử lí số liệu. <b>(NL2)</b></p> <p>- Tính được chênh lệch về tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của một số quốc gia trên thế giới.</p>                                       |   |   |   |  |  |  |   |  |  |  |  |    |
|  |  | Cơ cấu dân số | <p><b>Nhận biết:</b></p> <p>- Trình bày được các loại cơ cấu dân số: cơ cấu sinh học (tuổi và giới), cơ cấu xã hội (lao động, trình độ văn hoá). <b>(NL1)</b></p> <p><b>Thông hiểu</b></p> <p>- Phân biệt được các loại cơ cấu dân số: cơ cấu sinh học, cơ cấu xã hội.</p> <p><b>Vận dụng:</b></p> | 1 | 1 | 1 |  |  |  | 1 |  |  |  |  | 10 |

|  |                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |   |  |   |  |  |  |  |   |  |  |   |  |      |
|--|------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|---|--|--|--|--|---|--|--|---|--|------|
|  |                              | <p>– So sánh được các loại tháp dân số tiêu biểu.</p> <p><b>(NL2)</b></p> <p>– Phân tích được biểu đồ, số liệu thống kê về dân số; xử lí số liệu. <b>(NL2)</b></p>                                                                                                                                                                 |   |  |   |  |  |  |  |   |  |  |   |  |      |
|  | Phân bố dân cư và đô thị hóa | <p><b>Nhận biết:</b></p> <p>– Trình bày được khái niệm Đô thị hoá <b>(NL1)</b></p> <p><b>Thông hiểu</b></p> <p>- Phân tích được các nhân tố tác động đến đô thị hoá và ảnh hưởng của đô thị hoá đến sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường. <b>(NL1)</b></p> <p>- Tính được mật độ dân số của một số quốc gia, châu lục.</p> | 1 |  | 1 |  |  |  |  | 1 |  |  | 1 |  | 17,5 |

[illegible]

|   |                                          |                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |   |  |   |   |   |   |  |   |   |  |  |   |      |
|---|------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|---|---|---|---|--|---|---|--|--|---|------|
|   |                                          | số tiêu<br>chỉ đánh<br>giá sự<br>phát triển<br>kinh tế                                                                                            | <b>(NL1)</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |   |  |   |   |   |   |  |   |   |  |  |   |      |
| 3 | <b>Chủ đề<br/>3.<br/>NÔNG<br/>NGHIỆP</b> | Vai trò,<br>đặc<br>điểm, các<br>nhân tố<br>ảnh<br>hưởng<br>đến sự<br>phát triển<br>và<br>phân bố<br>nông<br>nghiệp,<br>lâm<br>nghiệp,<br>thủy sản | <b>Nhận biết</b><br>– Trình bày được đặc<br>điểm của ngành nông<br>nghiệp, lâm nghiệp,<br>thủy sản. <b>(NL1)</b><br><b>Thông hiểu</b><br>– Trình bày được vai<br>trò của nông nghiệp,<br>lâm nghiệp, thủy sản.<br><b>(NL1)</b><br>– Phân tích được các<br>nhân tố ảnh hưởng tới sự<br>phát triển và phân bố<br>nông nghiệp, lâm<br>nghiệp, thủy sản.<br><b>(NL1)</b> | 1 |  |   | 2 | 1 | 1 |  |   |   |  |  |   | 12,5 |
|   |                                          | Địa lí<br>các<br>ngành                                                                                                                            | <b>Nhận biết</b><br>– Trình bày được sự<br>phân bố của một số cây                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2 |  | 1 |   |   |   |  | 1 | 1 |  |  | 1 | 32,5 |



|                         |  |                                                     |                                                                                                                                                                                |            |     |     |            |     |     |            |     |   |            |     |            |
|-------------------------|--|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----|-----|------------|-----|-----|------------|-----|---|------------|-----|------------|
|                         |  | và định<br>hướng<br>phát<br>triển<br>nông<br>nghiệp | đề phát triển nền nông<br>nghiệp hiện đại trên thế<br>giới. (NL1)<br><br><b>Vận dụng</b><br>- Trình bày được<br>những định hướng<br>phát triển nông nghiệp<br>trong tương lai. |            |     |     |            |     |     |            |     |   |            |     |            |
| <b>Tổng số lệnh hỏi</b> |  |                                                     |                                                                                                                                                                                | 12         | 2   | 8   | 2          | 4   | 4   | 2          | 2   | 0 | 4          | 2   | 1          |
| <b>Tổng số điểm</b>     |  |                                                     |                                                                                                                                                                                | 3,0        | 0,5 | 2,0 | 0,5        | 1,0 | 1,0 | 0,5        | 0,5 | 0 | 1,0        | 0,5 | 1          |
| <b>Tỉ lệ %</b>          |  |                                                     |                                                                                                                                                                                | <b>45%</b> |     |     | <b>20%</b> |     |     | <b>35%</b> |     |   | <b>20%</b> |     | <b>15%</b> |



**MA TRẬN VÀ BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II MÔN ĐỊA LÝ 11**

**1. Xây dựng ma trận đề kiểm tra**

| TT               | Chương/<br>chủ đề                     | Nội dung/đơn vị kiến thức             | Mức độ đánh giá        |      |    |                 |      |     |                   |      |     |         |      |     | Tỉ lệ<br>%<br>điểm |
|------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|------------------------|------|----|-----------------|------|-----|-------------------|------|-----|---------|------|-----|--------------------|
|                  |                                       |                                       | TNKQ nhiều lựa<br>chọn |      |    | TNKQ đúng - sai |      |     | TNKQ trả lời ngắn |      |     | Tự luận |      |     |                    |
|                  |                                       |                                       | Biết                   | Hiểu | VD | Biết            | Hiểu | VD  | Biết              | Hiểu | VD  | Biết    | Hiểu | VD  |                    |
| 1                | TÂY NAM<br>Á                          | Tình hình phát triển kinh tế          | 4                      |      |    |                 |      |     |                   |      |     |         |      |     | 10%                |
| 1                | Chủ đề 1.<br>Hợp chúng<br>quốc Hoa Kỳ | – Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên | 1                      |      |    | 2               | 1    | 1   |                   |      |     |         | 1    |     | 25%                |
|                  |                                       | – Dân cư, xã hội                      | 1                      |      |    |                 |      |     |                   |      |     |         |      |     | 2,5%               |
|                  |                                       | – Kinh tế                             | 1                      | 1    |    |                 |      |     |                   | 2    | 1   |         |      |     | 15%                |
| 2                | Chủ đề 2.<br>Liên bang<br>Nga         | – Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên | 1                      |      |    |                 |      |     |                   |      |     |         |      |     | 7,5%               |
|                  |                                       | – Dân cư, xã hội                      |                        |      |    | 2               | 1    | 1   |                   | 2    |     |         |      |     | 15%                |
|                  |                                       | – Kinh tế                             | 4                      | 1    |    |                 |      |     |                   |      | 1   |         |      | 1   | 35%                |
| Tổng số lệnh hỏi |                                       |                                       | 12                     | 2    |    | 4               | 2    | 2   |                   | 4    | 2   |         | 1    | 1   | 30                 |
| Tổng số điểm     |                                       |                                       | 3.0                    | 0.5  |    | 1.0             | 0.5  | 0.5 |                   | 1,0  | 0,5 |         | 1,0  | 2,0 | 10                 |
| Tỉ lệ %          |                                       |                                       | 35%                    |      |    | 20%             |      |     | 15%               |      |     | 30%     |      |     | 100                |

## 2. Xây dựng bảng đặc tả

| TT | Chương/<br>chủ đề                              | Nội dung/đơn<br>vị kiến thức                                                                               | YÊU CẦU CẦN ĐẠT                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mức độ đánh giá        |      |    |                 |      |    |                      |      |    |         |      |      | Tỉ lệ<br>%<br>điểm |
|----|------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------|----|-----------------|------|----|----------------------|------|----|---------|------|------|--------------------|
|    |                                                |                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                             | TNKQ nhiều lựa<br>chọn |      |    | TNKQ đúng - sai |      |    | TNKQ trả lời<br>ngắn |      |    | Tự luận |      |      |                    |
|    |                                                |                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Biết                   | Hiểu | VD | Biết            | Hiểu | VD | Biết                 | Hiểu | VD | Biết    | Hiểu | VD   |                    |
| 1  | Tây<br>Nam Á                                   | - Quy mô<br>GDP<br>- Tăng<br>trưởng kinh<br>tế<br>- Cơ cấu kinh<br>tế<br>- Các ngành<br>kinh tế nổi<br>bật | – Trình bày được tình<br>hình phát triển kinh tế<br>chung của khu vực.                                                                                                                                                                                                                      | 4                      |      |    |                 |      |    |                      |      |    |         |      |      | 10%                |
| 1  | Chủ đề<br>1.<br>Hợp<br>chúng<br>quốc<br>Hoa Kỳ | – Vị trí địa lí<br>và điều kiện<br>tự nhiên                                                                | <b>Nhận biết</b><br>- Trình bày được vị trí<br>địa lí và điều kiện tự<br>nhiên; dân cư, xã hội.<br><b>(NL1)</b><br>- Trình bày được sự phát<br>triển, phân bố của các<br>ngành kinh tế (công<br>nghiệp, nông nghiệp,<br>dịch vụ). <b>(NL1)</b><br>- Trình bày được sự<br>chuyển dịch cơ cấu | 1                      |      |    | 2               | 1    | 1  |                      |      |    |         | 1    |      | 25%                |
|    |                                                | – Dân cư, xã<br>hội                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1                      |      |    |                 |      |    |                      |      |    |         |      | 2,5% |                    |
|    |                                                | – Kinh tế                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1                      | 1    |    |                 |      |    |                      | 2    | 1  |         |      |      | 15%                |

|   |                                |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |   |   |  |   |   |   |  |   |   |  |  |   |      |
|---|--------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|---|---|---|--|---|---|--|--|---|------|
|   |                                |                                       | ngành nền kinh tế Hoa Kỳ. <b>(NL1)</b><br><b>Thông hiểu</b><br>– Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội. <b>(NL1)</b><br>– Phân tích được tác động của quy mô và sự gia tăng dân số, sự đa dạng về chủng tộc, nhập cư, sự phân bố dân cư tới phát triển kinh tế - xã hội. <b>(NL1-NL2)</b><br>- Trình bày được sự phân hoá lãnh thổ của nền kinh tế Hoa Kỳ.<br><b>Vận dụng</b><br>– Giải thích được đặc điểm của nền kinh tế hàng đầu thế giới. |   |   |  |   |   |   |  |   |   |  |  |   |      |
| 2 | <b>Chủ đề 2. Liên bang Nga</b> | – Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên | <b>Nhận biết</b><br>- Trình bày được vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên; dân cư, xã hội. <b>(NL1)</b><br>– Trình bày được tình hình phát triển các ngành kinh tế, đặc điểm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1 |   |  |   |   |   |  |   |   |  |  |   | 7,5% |
|   |                                | – Dân cư, xã hội                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |   |   |  | 2 | 1 | 1 |  | 2 |   |  |  |   | 15%  |
|   |                                | – Kinh tế                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4 | 1 |  |   |   |   |  |   | 1 |  |  | 1 | 35%  |

|                     |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |            |          |  |            |          |          |            |          |          |            |          |          |            |
|---------------------|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|----------|--|------------|----------|----------|------------|----------|----------|------------|----------|----------|------------|
|                     |  | <p>nổi bật của một số vùng kinh tế. <b>(NL1)</b></p> <p><b>Thông hiểu</b></p> <p>– Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội.</p> <p><b>(NL1-NL2)</b></p> <p>– Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội.</p> <p><b>(NL1-NL2)</b></p> <p><b>Vận dụng</b></p> <p>– Vẽ được biểu đồ, rút ra được các nhận xét về phát triển công nghiệp khai thác dầu khí.</p> |            |          |  |            |          |          |            |          |          |            |          |          |            |
| <b>Tổng số câu</b>  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | <b>12</b>  | <b>2</b> |  | <b>4</b>   | <b>2</b> | <b>2</b> |            | <b>4</b> | <b>2</b> |            | <b>1</b> | <b>1</b> | <b>30</b>  |
| <b>Tổng số điểm</b> |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3.0        | 0.5      |  | 1.0        | 0.5      | 0.5      |            | 1,0      | 0,5      |            | 1,0      | 2,0      | <b>10</b>  |
| <b>Tỉ lệ %</b>      |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | <b>35%</b> |          |  | <b>20%</b> |          |          | <b>15%</b> |          |          | <b>30%</b> |          |          | <b>100</b> |

## MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 2 ĐỊA LÍ 12

| TT            | Chương/<br>chủ đề        | Nội<br>dung/đơn vị<br>kiến<br>thức                                                                                                          | Mức độ đánh giá |      |    |            |      |    |              |      |    |         |      |    | Tổng |      |     | Tỉ lệ<br>%<br>điểm |
|---------------|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------|----|------------|------|----|--------------|------|----|---------|------|----|------|------|-----|--------------------|
|               |                          |                                                                                                                                             | TNKQ            |      |    |            |      |    |              |      |    | TỰ LUẬN |      |    |      |      |     |                    |
|               |                          |                                                                                                                                             | Nhiều lựa chọn  |      |    | Đúng – Sai |      |    | Trả lời ngắn |      |    |         |      |    |      |      |     |                    |
|               |                          |                                                                                                                                             | Biết            | Hiểu | VD | Biết       | Hiểu | VD | Biết         | Hiểu | VD | Biết    | Hiểu | VD | Biết | Hiểu | VD  |                    |
| 1             | ĐỊA LÍ<br>CÔNG<br>NGHIỆP | - Cơ cấu ngành công nghiệp<br>- Một số ngành công nghiệp<br>- Tổ chức lãnh thổ công nghiệp                                                  | 4               | 2    |    | 2          | 1    | 1  |              | 1    | 1  |         | 1    |    | 6    | 4    | 2   | 40                 |
| 2             | ĐỊA LÍ<br>DỊCH<br>VỤ     | - Vai trò - các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển ngành dịch vụ<br>- Giao thông vận tải Bưu chính viễn thông<br>- Thương mại<br>- Du lịch | 8               |      |    | 2          | 1    | 1  |              | 3    | 1  |         |      | 1  | 10   | 4    | 3   | 60                 |
| TỔNG LỆNH HỎI |                          |                                                                                                                                             | 12              | 2    |    | 4          | 2    | 2  |              | 4    | 2  |         | 1    | 1  | 16   | 8    | 5   | 29                 |
| TỔNG SỐ ĐIỂM  |                          |                                                                                                                                             | 3,5             |      |    | 2,0        |      |    | 1,5          |      |    | 3,0     |      |    | 4,0  | 3,0  | 3,0 | 10                 |
| TỈ LỆ (%)     |                          |                                                                                                                                             | 35              |      |    | 20         |      |    | 15           |      |    | 30      |      |    | 40   | 30   | 30  | 100                |

## ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 2 ĐỊA LÍ 12

| TT | Chương/<br>chủ đề        | Nội<br>dung/đơn<br>vị kiến<br>thức                                                                 | Yêu cầu cần đạt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mức độ đánh giá |      |    |            |      |    |              |      |    |         |      |    | Tổng |      |    | Tỉ lệ<br>%<br>điểm |
|----|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------|----|------------|------|----|--------------|------|----|---------|------|----|------|------|----|--------------------|
|    |                          |                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | TNKQ            |      |    |            |      |    |              |      |    | TỰ LUẬN |      |    |      |      |    |                    |
|    |                          |                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Nhiều lựa chọn  |      |    | Đúng – Sai |      |    | Trả lời ngắn |      |    |         |      |    |      |      |    |                    |
|    |                          |                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Biết            | Hiểu | VD | Biết       | Hiểu | VD | Biết         | Hiểu | VD | Biết    | Hiểu | VD | Biết | Hiểu | VD |                    |
| 1  | ĐỊA LÍ<br>CÔNG<br>NGHIỆP | - Cơ cấu ngành công nghiệp<br><br>- Một số ngành công nghiệp<br><br>- Tổ chức lãnh thổ công nghiệp | <b>Nhận biết</b><br><br>– Trình bày được sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ.<br><br>– Trình bày được đặc điểm phát triển và phân bố của một số ngành: khai thác than, dầu, khí; sản xuất điện; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính; sản xuất, chế biến thực phẩm; sản xuất đồ uống; dệt, may; giày dép.<br><b>Thông hiểu</b><br><br>– Phân tích được một số hình thức tổ chức lãnh thổ công | 4               | 2    |    | 2          | 1    | 1  |              | 1    | 1  |         | 1    |    | 6    | 5    | 2  | 40                 |

[illegible]

|   |                      |                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |   |  |  |   |   |   |   |   |   |  |  |   |    |   |   |    |
|---|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|--|---|---|---|---|---|---|--|--|---|----|---|---|----|
| 2 | ĐỊA LÍ<br>DỊCH<br>VỤ | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giao thông vận tải, bưu chính viễn thông</li> <li>- Vai trò các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển ngành dịch vụ</li> <li>- Thương mại</li> <li>- Du lịch</li> </ul> | <p><b>Nhận biết</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thương mại, du lịch ở Việt Nam.</li> <li>- Tính được cán cân thương mại của nước ta qua các năm.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được vai trò, các nhân tố ảnh hưởng của các ngành dịch vụ.</li> <li>- Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng của các ngành dịch vụ.</li> <li>– Phân tích được sự phân hoá lãnh thổ du lịch (các trung tâm, vùng du lịch), du lịch với sự phát triển bền vững.</li> <li>- Tính được sự chênh lệch cán cân thương mại, tỉ trọng giá trị xuất/nhập khẩu trong tổng cơ cấu xuất – nhập khẩu.</li> </ul> | 8 |  |  | 2 | 1 | 1 | 1 | 2 | 1 |  |  | 1 | 10 | 4 | 3 | 60 |
|---|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|--|---|---|---|---|---|---|--|--|---|----|---|---|----|

|                  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |     |   |  |     |   |   |     |   |   |     |   |   |     |     |     |     |
|------------------|--|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|---|--|-----|---|---|-----|---|---|-----|---|---|-----|-----|-----|-----|
|                  |  |  | <div>- Tính được chi tiêu bình quân đầu người của khách du lịch.</div> <div><b>Vận dụng</b></div> <div><div>- Vẽ được biểu đồ, sử dụng bản đồ, số liệu để nhận xét, giải thích liên quan đến các ngành dịch vụ (giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thương mại và du lịch).</div><div>- Tính được tốc độ tăng trưởng của doanh thu du lịch qua các năm.</div><div>- Tính và so sánh được KLVC, KLLC, cự li vận chuyển trung bình của một số loại hình GTVT.</div></div> |     |   |  |     |   |   |     |   |   |     |   |   |     |     |     |     |
| TỔNG SỐ LỆNH HỎI |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 12  | 2 |  | 4   | 2 | 2 |     | 4 | 2 |     | 1 | 1 | 16  | 8   | 5   | 29  |
| TỔNG SỐ ĐIỂM     |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3,5 |   |  | 2,0 |   |   | 1,5 |   |   | 3,0 |   |   | 4,0 | 3,0 | 3,0 | 10  |
| TỈ LỆ (%)        |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 35  |   |  | 20  |   |   | 15  |   |   | 30  |   |   | 40  | 30  | 30  | 100 |

A- MA TRẬN

| Chủ đề                                         | YÊU CẦU CẦN ĐẠT                                                                                                                                                                                      | Dạng câu và mức độ đánh giá |     |     |        |     |     |         |    |    | Tổng |    |    | Tỉ lệ<br>%<br>điểm |
|------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----|-----|--------|-----|-----|---------|----|----|------|----|----|--------------------|
|                                                |                                                                                                                                                                                                      | Dạng 1                      |     |     | Dạng 2 |     |     | Tự luận |    |    |      |    |    |                    |
|                                                |                                                                                                                                                                                                      | NB                          | TH  | VD  | NB     | TH  | VD  | NB      | TH | VD | NB   | TH | VD |                    |
| Hệ thống chính trị nước Cộng hoà XHCN Việt Nam | Nêu được đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.                                                                                    | 2                           |     |     |        |     | 2   | 1       |    |    | 3    |    | 2  | 2                  |
|                                                | Nêu được vai trò và mối quan hệ của các tổ chức trong hệ thống chính trị của nước CHXHCN Việt Nam: Đảng CSVN; Nhà nước CHXHCN Việt Nam; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.                                   | 2                           |     |     | 2      | 2   |     |         |    |    | 4    | 2  |    | 1,5                |
|                                                | Nêu được chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Toà án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân. | 4                           |     |     | 2      | 2   | 2   |         |    |    | 6    | 2  | 2  | 2,5                |
|                                                | Phê phán, đấu tranh với những hành vi gây ảnh hưởng tiêu cực đến hệ thống chính trị nước CHXHCN Việt Nam.                                                                                            |                             | 1   | 1   |        | 2   |     |         | 1  |    |      | 4  | 1  | 2                  |
|                                                | Ủng hộ, xây dựng hệ thống chính trị nước CHXHCN Việt Nam bằng những hành vi phù hợp với lứa tuổi.                                                                                                    |                             | 1   | 1   |        |     | 2   |         |    | 1  |      | 1  | 4  | 2                  |
| Tổng số câu/lệnh hỏi                           |                                                                                                                                                                                                      | 8                           | 2   | 2   | 4      | 6   | 6   | 1       | 1  | 1  | 13   | 9  | 9  | 31                 |
| Tổng số điểm                                   |                                                                                                                                                                                                      | 2                           | 0,5 | 0,5 | 1      | 1,5 | 1,5 | 1       | 1  | 1  | 4    | 3  | 3  | 10                 |

## B- BẢNG ĐẶC TẢ

| TT           | CHỦ ĐỀ                                         | YÊU CẦU CẦN ĐẠT                                                                                                                                                                                      | Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá |      |      |          |        |        |         |      |      |
|--------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------|------|----------|--------|--------|---------|------|------|
|              |                                                |                                                                                                                                                                                                      | TNKQ                             |      |      |          |        |        | TỰ LUẬN |      |      |
|              |                                                |                                                                                                                                                                                                      | Nhiều lựa chọn                   |      |      | Đúng-Sai |        |        |         |      |      |
|              |                                                |                                                                                                                                                                                                      | NB                               | TH   | VD   | NB       | TH     | VD     | NB      | TH   | VD   |
| 1            | Hệ thống chính trị nước Cộng hoà XHCN Việt Nam | Nêu được đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hoà XHCN Việt Nam.                                                                                                | 2(III)                           |      |      |          |        | 2(III) | 1(III)  |      |      |
|              |                                                | Nêu được vai trò và mối quan hệ của các tổ chức trong hệ thống chính trị của nước CHXHCN Việt Nam: Đảng CSVN; Nhà nước CHXHCN Việt Nam; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.                                   | 2(III)                           |      |      | 2(III)   | 2(III) |        |         |      |      |
|              |                                                | Nêu được chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân, Toà án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân. | 4(III)                           |      |      | 2(III)   | 2(III) | 2(III) |         |      |      |
|              |                                                | Phê phán, đấu tranh với những hành vi gây ảnh hưởng tiêu cực đến hệ thống chính trị nước Cộng hoà XHCN Việt Nam.                                                                                     |                                  | 1(I) | 1(I) |          | 2(I)   |        |         | 1(I) |      |
|              |                                                | Ủng hộ, xây dựng hệ thống chính trị nước CHXHCN Việt Nam bằng những hành vi phù hợp với lứa tuổi.                                                                                                    |                                  | 1(I) | 1(I) |          |        | 2(I)   |         |      | 1(I) |
| Tổng số câu  |                                                |                                                                                                                                                                                                      | 8                                | 2    | 2    | 4        | 6      | 6      | 1       | 1    | 1    |
| Tổng số điểm |                                                |                                                                                                                                                                                                      | 2                                | 0,5  | 0,5  | 1        | 1,5    | 1,5    | 1       | 1    | 1    |
| Tỉ lệ %      |                                                |                                                                                                                                                                                                      | 30                               |      |      | 40       |        |        | 30      |      |      |

### C- ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP

| STT | CHỦ ĐỀ                                                | YÊU CẦU CẦN ĐẠT                                                                                                                                                                                      | MỨC ĐỘ TƯ DUY                                                                                            |
|-----|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | <b>Hệ thống chính trị nước Cộng hoà XHCN Việt Nam</b> | Nêu được đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hoà XHCN Việt Nam.                                                                                                | - Nhận biết (nêu được, chỉ ra được)<br>- Phát hiện, chỉ ra được trong những tình huống/ thông tin cụ thể |
| 2   |                                                       | Nêu được vai trò và mối quan hệ của các tổ chức trong hệ thống chính trị của nước CHXHCN Việt Nam: Đảng CSVN; Nhà nước CHXHCN Việt Nam; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.                                   | - Nhận biết (nêu được, chỉ ra được)<br>- Phát hiện, chỉ ra được trong những tình huống/ thông tin cụ thể |
| 3   |                                                       | Nêu được chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân. | - Nhận biết (nêu được, chỉ ra được)<br>- Phát hiện, chỉ ra được trong những tình huống/ thông tin cụ thể |
| 4   |                                                       | Phê phán, đấu tranh với những hành vi gây ảnh hưởng tiêu cực đến hệ thống chính trị nước Cộng hoà XHCN Việt Nam.                                                                                     | - Thông hiểu, vận dụng<br>- Đánh giá, nhận xét được hành vi<br>- Phê phán hành vi sai trái               |
| 5   |                                                       | Ủng hộ, xây dựng hệ thống chính trị nước CHXHCN Việt Nam bằng những hành vi phù hợp với lứa tuổi.                                                                                                    | - Thông hiểu, vận dụng<br>- Đánh giá, nhận xét được hành vi<br>- Ủng hộ bằng hành vi phù hợp lứa tuổi    |

MA TRẬN - ĐẶC TẢ - ĐỀ CƯƠNG

A- MA TRẬN

| Chủ đề                                                     | YÊU CẦU CẦN ĐẠT                                                                                                                                               | Dạng câu và mức độ đánh giá |     |     |                   |     |     |         |    |    | Tổng |    |    | Tỉ lệ %<br>điểm |
|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----|-----|-------------------|-----|-----|---------|----|----|------|----|----|-----------------|
|                                                            |                                                                                                                                                               | TNKQ nhiều<br>LC            |     |     | TNKQ đúng-<br>sai |     |     | Tự luận |    |    |      |    |    |                 |
|                                                            |                                                                                                                                                               | NB                          | TH  | VD  | NB                | TH  | VD  | NB      | TH | VD | NB   | TH | VD |                 |
| Chủ đề<br>7<br>Quyền<br>bình<br>đẳng<br>của<br>công<br>dân | - Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về: quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật (bình đẳng về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lí)           | 2                           |     |     | 1                 |     |     |         |    |    | 3    |    |    | 0,75            |
|                                                            | - Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng giới trong các lĩnh vực: chính trị, giáo dục và đào tạo, lao động, gia đình, kinh tế, xã hội. | 2                           |     |     | 1                 |     |     | 1       |    |    | 4    |    |    | 1,75            |
|                                                            | - Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về: quyền bình giữa các dân tộc, tôn giáo.                                                                       | 2                           |     |     | 1                 | 2   |     |         |    |    | 3    | 2  |    | 1,25            |
|                                                            | - Nhận biết được ý nghĩa của quyền bình đẳng của công dân đối với đời sống con người và xã hội.                                                               | 2                           |     |     | 1                 | 2   | 2   |         |    |    | 3    | 2  | 2  | 1,75            |
|                                                            | - Đánh giá được các hành vi vi phạm quyền bình đẳng của công dân trong các tình huống đơn giản cụ thể của đời sống thực tiễn.                                 |                             | 2   |     |                   | 2   | 2   |         | 1  |    |      | 5  | 2  | 2,5             |
|                                                            | - Thực hiện được quy định của pháp luật về quyền bình đẳng của công dân.                                                                                      |                             |     | 2   |                   |     | 2   |         |    | 1  |      |    | 5  | 2               |
| Tổng số câu/lệnh hỏi                                       |                                                                                                                                                               | 8                           | 2   | 2   | 4                 | 6   | 6   | 1       | 1  | 1  | 13   | 9  | 9  | 31              |
| Tổng số điểm                                               |                                                                                                                                                               | 2                           | 0,5 | 0,5 | 1                 | 1,5 | 1,5 | 1       | 1  | 1  | 4    | 3  | 3  | 10              |
| Tỉ lệ %                                                    |                                                                                                                                                               | 30                          |     |     | 40                |     |     | 30      |    |    | 40   | 30 | 30 | 100             |

**B- BẢNG ĐẶC TẢ**

| TT           | CHỦ ĐỀ                                   | YÊU CẦU CẦN ĐẠT                                                                                                                                               | SỐ CÂU HỎI Ở CÁC MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ |      |      |          |        |        |         |      |      |
|--------------|------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------|------|----------|--------|--------|---------|------|------|
|              |                                          |                                                                                                                                                               | TNKQ                             |      |      |          |        |        | TỰ LUẬN |      |      |
|              |                                          |                                                                                                                                                               | Nhiều lựa chọn                   |      |      | Đúng-Sai |        |        |         |      |      |
|              |                                          |                                                                                                                                                               | B                                | H    | VD   | B        | H      | VD     | B       | H    | VD   |
| 1            | Chủ đề 7<br>Quyền bình đẳng của công dân | - Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về: quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật (bình đẳng về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lí)           | 2(III)                           |      |      | 1(III)   |        |        |         |      |      |
|              |                                          | - Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng giới trong các lĩnh vực: chính trị, giáo dục và đào tạo, lao động, gia đình, kinh tế, xã hội. | 2(III)                           |      |      | 1(III)   |        |        | 1(III)  |      |      |
|              |                                          | - Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình giữa các dân tộc, tôn giáo.                                                                        | 2(III)                           |      |      | 1(III)   | 2(III) |        |         |      |      |
|              |                                          | - Nhận biết được ý nghĩa của quyền bình đẳng của công dân đối với đời sống con người và xã hội.                                                               | 2(III)                           |      |      | 1(III)   | 2(III) | 2(III) |         |      |      |
|              |                                          | - Đánh giá được các hành vi vi phạm quyền bình đẳng của công dân trong các tình huống đơn giản cụ thể của đời sống thực tiễn.                                 |                                  | 2(I) |      |          | 2(I)   | 2(I)   |         | 1(I) |      |
|              |                                          | - Thực hiện được quy định của pháp luật về quyền bình đẳng của công dân.                                                                                      |                                  |      | 2(I) |          |        | 2(I)   |         |      | 1(I) |
| Tổng số câu  |                                          |                                                                                                                                                               | 8                                | 2    | 2    | 4        | 6      | 6      | 1       | 1    | 1    |
| Tổng số điểm |                                          |                                                                                                                                                               | 2                                | 0,5  | 0,5  | 1        | 1,5    | 1,5    | 1       | 1    | 1    |
| Tỉ lệ %      |                                          |                                                                                                                                                               | 30                               |      |      | 40       |        |        | 30      |      |      |

### C- ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP

| CHỦ ĐỀ                                          | YÊU CẦU CẦN ĐẠT                                                                                                                                               | MĐTD                   |
|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| <b>Chủ đề 7</b><br>Quyền bình đẳng của công dân | - Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về: quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật (bình đẳng về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lí)           | Biết                   |
|                                                 | - Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng giới trong các lĩnh vực: chính trị, giáo dục và đào tạo, lao động, gia đình, kinh tế, xã hội. | Biết                   |
|                                                 | - Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình giữa các dân tộc, tôn giáo.                                                                        | Biết, Hiểu             |
|                                                 | - Nhận biết được ý nghĩa của quyền bình đẳng của công dân đối với đời sống con người và xã hội.                                                               | Biết, Hiểu<br>Vận dụng |
|                                                 | - Đánh giá được các hành vi vi phạm quyền bình đẳng của công dân trong các tình huống đơn giản cụ thể của đời sống thực tiễn.                                 | Hiểu<br>Vận dụng       |
|                                                 | - Thực hiện được quy định của pháp luật về quyền bình đẳng của công dân.                                                                                      | Vận dụng               |

**MA TRẬN - ĐẶC TẢ - ĐỀ CƯƠNG**  
**A- MA TRẬN**

| Chủ đề                                                               | YÊU CẦU CẦN ĐẠT                                                                                                                                          | Dạng câu và mức độ đánh giá |    |    |               |    |    |         |    |    | Tổng |    |    | Tỉ lệ %<br>điểm |
|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|----|----|---------------|----|----|---------|----|----|------|----|----|-----------------|
|                                                                      |                                                                                                                                                          | TNKQ nhiều LC               |    |    | TNKQ đúng-sai |    |    | Tự luận |    |    |      |    |    |                 |
|                                                                      |                                                                                                                                                          | NB                          | TH | VD | NB            | TH | VD | NB      | TH | VD | NB   | TH | VD |                 |
| <b>Chủ đề 7</b><br>Một số quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế  | Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh doanh, nộp thuế, sở hữu tài sản, tôn trọng tài sản của người khác.  | 2                           |    |    | 1             | 1  |    |         |    |    | 3    | 1  |    | 1               |
|                                                                      | Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế bằng những hành vi phù hợp.                                    |                             |    |    |               | 1  | 1  |         |    |    |      | 1  | 1  | 0,5             |
|                                                                      | Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm đơn giản thường gặp về quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế                                            |                             | 1  | 1  |               | 1  | 1  |         |    |    |      | 2  | 2  | 1               |
|                                                                      | Nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế.                                                           | 2                           |    |    | 1             | 1  |    |         |    |    | 3    | 1  |    | 1               |
| <b>Chủ đề 8</b><br>Quyền và nghĩa vụ của công dân về văn hoá, xã hội | Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân-gia đình, học tập.                                        | 2                           |    |    | 1             | 1  |    | 1       |    |    | 4    | 1  |    | 2               |
|                                                                      | Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân về hôn nhân-gia đình và học tập bằng hành vi phù hợp.              |                             |    |    |               | 1  | 1  |         |    | 1  |      | 1  | 2  | 1,5             |
|                                                                      | Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong một số tình huống đơn giản thường gặp về hôn nhân-gia đình và học tập. |                             | 1  | 1  |               |    | 1  |         | 1  |    |      | 2  | 2  | 1,75            |
|                                                                      | Nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi                                                                                                           | 2                           |    |    | 1             |    | 2  |         |    |    | 3    |    | 2  | 1,25            |

|                             |                                                                |           |            |            |           |            |            |           |          |          |           |           |           |            |
|-----------------------------|----------------------------------------------------------------|-----------|------------|------------|-----------|------------|------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|-----------|------------|
|                             | phạm quyền và nghĩa vụ công dân về hôn nhân-gia đình, học tập. |           |            |            |           |            |            |           |          |          |           |           |           |            |
| <b>Tổng số câu/lệnh hỏi</b> |                                                                | <b>8</b>  | <b>2</b>   | <b>2</b>   | <b>4</b>  | <b>6</b>   | <b>6</b>   | <b>1</b>  | <b>1</b> | <b>1</b> | <b>13</b> | <b>9</b>  | <b>9</b>  | <b>31</b>  |
| <b>Tổng số điểm</b>         |                                                                | <b>2</b>  | <b>0,5</b> | <b>0,5</b> | <b>1</b>  | <b>1,5</b> | <b>1,5</b> | <b>1</b>  | <b>1</b> | <b>1</b> | <b>4</b>  | <b>3</b>  | <b>3</b>  | <b>10</b>  |
| <b>Tỉ lệ %</b>              |                                                                | <b>30</b> |            |            | <b>40</b> |            |            | <b>30</b> |          |          | <b>40</b> | <b>30</b> | <b>30</b> | <b>100</b> |

B- BẢNG ĐẶC TẢ

| TT | CHỦ ĐỀ                                                               | YÊU CẦU CẦN ĐẠT                                                                                                                                          | SỐ CÂU HỎI Ở CÁC MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ |      |      |          |        |      |         |      |      |
|----|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------|------|----------|--------|------|---------|------|------|
|    |                                                                      |                                                                                                                                                          | TNKQ                             |      |      |          |        |      | TỰ LUẬN |      |      |
|    |                                                                      |                                                                                                                                                          | Nhiều lựa chọn                   |      |      | Đúng-Sai |        |      |         |      |      |
|    |                                                                      |                                                                                                                                                          | B                                | H    | VD   | B        | H      | VD   | B       | H    | VD   |
| 1  | <b>Chủ đề 7</b><br>Một số quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế  | Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh doanh, nộp thuế, sở hữu tài sản, tôn trọng tài sản của người khác.  | 2(III)                           |      |      | 1(III)   | 1(III) |      |         |      |      |
|    |                                                                      | Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế bằng những hành vi phù hợp.                                    |                                  |      |      |          | 1(I)   | 1(I) |         |      |      |
|    |                                                                      | Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm đơn giản thường gặp về quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế                                            |                                  | 1(I) | 1(I) |          | 1(I)   | 1(I) |         |      |      |
|    |                                                                      | Nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế.                                                           | 2(I)                             |      |      | 1(I)     | 1(I)   |      |         |      |      |
| 2  | <b>Chủ đề 8</b><br>Quyền và nghĩa vụ của công dân về văn hoá, xã hội | Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân-gia đình, học tập.                                        | 2(III)                           |      |      | 1(III)   | 1(III) |      | 1(III)  |      |      |
|    |                                                                      | Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân về hôn nhân-gia đình và học tập bằng hành vi phù hợp.              |                                  |      |      |          | 1(I)   | 1(I) |         |      | 1(I) |
|    |                                                                      | Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong một số tình huống đơn giản thường gặp về hôn nhân-gia đình và học tập. |                                  | 1(I) | 1(I) |          |        | 1(I) |         | 1(I) |      |

|                     |  |                                                                                                               |           |            |            |           |            |            |           |          |          |
|---------------------|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------------|------------|-----------|------------|------------|-----------|----------|----------|
|                     |  | Nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về hôn nhân-gia đình, học tập. | 2(I)      |            |            | 1(I)      |            | 2(I)       |           |          |          |
| <b>Tổng số câu</b>  |  |                                                                                                               | <b>8</b>  | <b>2</b>   | <b>2</b>   | <b>4</b>  | <b>6</b>   | <b>6</b>   | <b>1</b>  | <b>1</b> | <b>1</b> |
| <b>Tổng số điểm</b> |  |                                                                                                               | <b>2</b>  | <b>0,5</b> | <b>0,5</b> | <b>1</b>  | <b>1,5</b> | <b>1,5</b> | <b>1</b>  | <b>1</b> | <b>1</b> |
| <b>Tỉ lệ %</b>      |  |                                                                                                               | <b>30</b> |            |            | <b>40</b> |            |            | <b>30</b> |          |          |

### C- ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP

| STT | CHỦ ĐỀ                                                                                | YÊU CẦU CẦN ĐẠT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | MĐTD                                                                     |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|
| 1   | <b>Chủ đề 7<br/>Một số<br/>quyền và<br/>nghĩa vụ của<br/>công dân về<br/>kinh tế</b>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh doanh, nộp thuế, sở hữu tài sản, tôn trọng tài sản của người khác.</li> <li>- Nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế.</li> <li>- Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế bằng những hành vi phù hợp.</li> <li>- Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm đơn giản thường gặp về quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế</li> </ul>                                                     | Biết, Hiểu<br><br>Biết, Hiểu<br>Hiểu, Vận dụng<br>Hiểu, Vận dụng         |
| 2   | <b>Chủ đề 8<br/>Quyền và<br/>nghĩa vụ của<br/>công dân về<br/>văn hoá, xã<br/>hội</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân-gia đình và học tập.</li> <li>- Nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về hôn nhân-gia đình và học tập.</li> <li>- Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân về hôn nhân-gia đình và học tập bằng những hành vi phù hợp.</li> <li>- Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong một số tình huống đơn giản thường gặp về hôn nhân-gia đình và học tập.</li> </ul> | Biết, Hiểu<br><br>Biết, Hiểu<br><br>Hiểu, Vận dụng<br><br>Hiểu, Vận dụng |



Nội dung kiểm tra: Unit 6, Unit 7, Unit 8 (Getting started + Language), Review 3

\* Trắc nghiệm: 8,0 điểm (0,2 điểm/ 1 câu - 8,0 điểm/ 40 câu)

\* Tự luận : 2,0 điểm (Biến đổi câu, Kết hợp câu: 1,0 điểm: 0,2/ 1 câu và Viết đoạn văn: 1,0 điểm)

| TT              | Kĩ năng   | Mức độ nhận thức |                  |            |                  |           |                  |              |                  | Tổng      |                  |
|-----------------|-----------|------------------|------------------|------------|------------------|-----------|------------------|--------------|------------------|-----------|------------------|
|                 |           | Nhận biết        |                  | Thông hiểu |                  | Vận dụng  |                  | Vận dụng cao |                  |           |                  |
|                 |           | Tỉ lệ (%)        | Thời gian (phút) | Tỉ lệ (%)  | Thời gian (phút) | Tỉ lệ (%) | Thời gian (phút) | Tỉ lệ (%)    | Thời gian (phút) | Tỉ lệ (%) | Thời gian (phút) |
| 1               | Listening | 10               | 4                | 10         | 4                | 0         | 0                | 0            | 0                | 20        | 10               |
| 2               | Language  | 20               | 8                | 12         | 6                | 8         | 4                | 0            | 0                | 40        | 20               |
| 3               | Reading   | 10               | 4                | 6          | 3                | 4         | 4                | 0            | 0                | 20        | 10               |
| 4               | Writing   | 0                | 0                | 0          | 0                | 10        | 8                | 10           | 15               | 24        | 20               |
| Tổng            |           | 40               | 16               | 30         | 13               | 20        | 16               | 10           | 15               | 100       | 60               |
| Tỉ lệ (%)       |           | 40               |                  | 30         |                  | 20        |                  | 10           |                  |           |                  |
| Tỉ lệ chung (%) |           | 70               |                  |            |                  | 30        |                  |              |                  |           |                  |

**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II (2025-2026)**  
Môn: Tiếng Anh - Khối: 10 - Thời gian làm bài: 60 phút

Nội dung kiểm tra: Unit 6, Unit 7, Unit 8 (Vocabulary + Grammar), REVIEW 3

| TT            | Kĩ năng   | Đơn vị kiến thức/kỹ năng                                                                             | Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá                                                               | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức |    |            |    |          |    |              |    | Tổng số câu hỏi |    |
|---------------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|----|------------|----|----------|----|--------------|----|-----------------|----|
|               |           |                                                                                                      |                                                                                                                | Nhận biết                        |    | Thông hiểu |    | Vận dụng |    | Vận dụng cao |    |                 |    |
|               |           |                                                                                                      |                                                                                                                | TN                               | TL | TN         | TL | TN       | TL | TN           | TL | TN              | TL |
| I.            | LISTENING | 1. Nghe một đoạn hội thoại/ độc thoại khoảng 2 phút liên quan đến chủ đề của những bài đã học.       | Nhận biết:<br>- Nghe lấy thông tin chi tiết.                                                                   | 3                                |    |            |    |          |    |              |    | 3               |    |
|               |           |                                                                                                      | Thông hiểu:<br>- Hiểu nội dung chính của đoạn hội thoại/ độc thoại để chọn câu trả lời đúng sai. (True/ False) |                                  |    | 2          |    |          |    |              |    | 2               |    |
|               |           | 2. Nghe một đoạn hội thoại/ độc thoại khoảng 3-5 phút liên quan đến các chủ đề của những bài đã học. | Nhận biết:<br>- Nghe lấy thông tin chi tiết.                                                                   | 2                                |    |            |    |          |    |              |    | 2               |    |
|               |           |                                                                                                      | Thông hiểu:<br>- Hiểu nội dung chính của đoạn hội thoại/ độc thoại để chọn thông tin đúng. (MCQs).             |                                  |    | 3          |    |          |    |              |    | 3               |    |
| II.           | LANGUAGE  | 1. Pronunciation                                                                                     | Nhận biết:<br>- Vowel                                                                                          | 1                                |    |            |    |          |    |              |    | 4               |    |
|               |           |                                                                                                      | - Consonant                                                                                                    | 1                                |    |            |    |          |    |              |    |                 |    |
|               |           |                                                                                                      | - Stress in two-syllable words                                                                                 | 1                                |    |            |    |          |    |              |    |                 |    |
|               |           |                                                                                                      | - Stress in three-syllable words                                                                               | 1                                |    |            |    |          |    |              |    |                 |    |
|               |           | 2. Vocabulary                                                                                        | Nhận biết:<br>- Collocation                                                                                    | 1                                |    |            |    |          |    |              |    | 2               |    |
|               |           |                                                                                                      | - Preposition                                                                                                  | 1                                |    |            |    |          |    |              |    |                 |    |
|               |           |                                                                                                      | Thông hiểu:<br>- Synonym                                                                                       |                                  |    | 1          |    |          |    |              |    | 4               |    |
| - Word choice |           |                                                                                                      | 3                                                                                                              |                                  |    |            |    |          |    |              |    |                 |    |

[illegible]

|             |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                       |           |          |           |          |          |          |          |          |           |          |
|-------------|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------|-----------|----------|----------|----------|----------|----------|-----------|----------|
|             |  | <p><b>2. Sentence combination</b></p> <p>+ Chuyển đổi từ so sánh hơn sang so sánh nhất hoặc ngược lại.<br/>+ Chuyển đổi từ so sánh bằng sang so sánh hơn hoặc ngược lại.</p> <p>+ Kết hợp câu dùng mệnh đề quan hệ xác định<br/>+ Kết hợp câu dùng mệnh đề quan hệ không xác định</p> |                                                                                                                                                                                                                                                                       |           |          |           |          |          | 5        |          |          |           | 5        |
|             |  | <p><b>2. Write a paragraph</b><br/>Viết một đoạn văn có độ dài khoảng 120- 150 từ theo chủ đề của Units 6, 7</p>                                                                                                                                                                      | <p><b>Vận dụng cao:</b><br/>- Sử dụng từ vựng, cấu trúc câu, cấu trúc viết đoạn văn. (Tác giả cho gợi ý để học sinh viết đoạn văn)<br/>Write a paragraph about:<br/>- the surgeon's job<br/>- the benefits for Vietnam as a member of international organisations</p> |           |          |           |          |          |          |          | 5        |           | 5        |
| <b>Tổng</b> |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                       | <b>20</b> | <b>0</b> | <b>14</b> | <b>0</b> | <b>6</b> | <b>5</b> | <b>0</b> | <b>5</b> | <b>40</b> | <b>5</b> |

Nội dung kiểm tra: Unit 6, Unit 7, Unit 8 (Getting started + Language), Review 3

- \* Trắc nghiệm: 8,0 điểm (0,2 điểm/ 1 câu - 8,0 điểm/ 40 câu)
- \* Tự luận: 2,0 điểm (Biến đổi câu, Kết hợp câu: 1,0 điểm: 0,2/ 1 câu và Viết đoạn văn: 1,0 điểm)

| TT              | Kĩ năng   | Mức độ nhận thức |                  |            |                  |           |                  |              |                  | Tổng      |                  |
|-----------------|-----------|------------------|------------------|------------|------------------|-----------|------------------|--------------|------------------|-----------|------------------|
|                 |           | Nhận biết        |                  | Thông hiểu |                  | Vận dụng  |                  | Vận dụng cao |                  |           |                  |
|                 |           | Tỉ lệ (%)        | Thời gian (phút) | Tỉ lệ (%)  | Thời gian (phút) | Tỉ lệ (%) | Thời gian (phút) | Tỉ lệ (%)    | Thời gian (phút) | Tỉ lệ (%) | Thời gian (phút) |
| 1               | Listening | 10               | 5                | 10         | 5                | 0         | 0                | 0            | 0                | 20        | 10               |
| 2               | Language  | 18               | 9                | 12         | 7                | 6         | 4                | 0            | 0                | 36        | 20               |
| 3               | Reading   | 10               | 4                | 6          | 3                | 4         | 3                | 0            | 0                | 20        | 10               |
| 4               | Writing   | 2                | 1                | 2          | 1                | 10        | 8                | 10           | 10               | 24        | 20               |
| Tổng            |           | 40               | 19               | 30         | 16               | 20        | 15               | 10           | 10               | 100       | 60               |
| Tỉ lệ (%)       |           | 40               |                  | 30         |                  | 20        |                  | 10           |                  |           |                  |
| Tỉ lệ chung (%) |           | 70               |                  |            |                  | 30        |                  |              |                  |           |                  |

[illegible]

|             |                |                                   |                                                                                                                      |             |  |        |  |        |   |  |  |          |  |
|-------------|----------------|-----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--|--------|--|--------|---|--|--|----------|--|
|             |                |                                   | - Word form                                                                                                          |             |  | 1      |  |        |   |  |  |          |  |
|             |                | <b>3. Grammar</b>                 | <b>Nhận biết:</b><br>- Cleft sentence<br>- To-infinitive<br>- Perfect gerund                                         | 1<br>1<br>1 |  |        |  |        |   |  |  | <b>3</b> |  |
|             |                |                                   | <b>Thông hiểu:</b><br>- To-infinitive (Passive)<br>- Perfect participle clause                                       |             |  | 1<br>1 |  |        |   |  |  | <b>2</b> |  |
|             |                | <b>4. Everyday English</b>        | <b>Vận dụng:</b><br>- Asking for and giving direction<br>- Making and responding to an appointment                   |             |  |        |  | 1<br>1 |   |  |  | <b>2</b> |  |
|             |                | <b>5. Error Identification</b>    | <b>Vận dụng:</b><br>- Subject and Verb Agreement<br>- Word form                                                      |             |  |        |  | 1<br>1 |   |  |  | <b>2</b> |  |
| <b>III.</b> | <b>READING</b> | <b>1. Cloze Test</b>              | Hiểu được bài đọc có độ dài khoảng 120 từ theo chủ đề của những bài đã học.                                          |             |  |        |  |        |   |  |  |          |  |
|             |                |                                   | <b>Nhận biết:</b><br>- Word form<br>- Word choice<br>- Preposition/ Article/ Collocation                             | 1<br>1<br>1 |  |        |  |        |   |  |  | <b>3</b> |  |
|             |                |                                   | <b>Thông hiểu:</b><br>- Word choice                                                                                  |             |  | 1      |  |        |   |  |  | <b>1</b> |  |
|             |                |                                   | <b>Vận dụng:</b><br>- Conjunction                                                                                    |             |  |        |  | 1      |   |  |  | <b>1</b> |  |
|             |                | <b>2. Reading comprehension</b>   | Hiểu được nội dung chính và nội dung chi tiết đoạn văn bản có độ dài khoảng 200 từ theo chủ đề của những bài đã học. |             |  |        |  |        |   |  |  |          |  |
|             |                |                                   | <b>Nhận biết:</b><br>- Specific information<br>- Synonym                                                             | 1<br>1      |  |        |  |        |   |  |  | <b>2</b> |  |
|             |                |                                   | <b>Thông hiểu:</b><br>- Main idea/ title<br>- Reference (đại từ tham chiếu)                                          |             |  | 1<br>1 |  |        |   |  |  | <b>2</b> |  |
|             |                |                                   | <b>Vận dụng:</b><br>- Inference                                                                                      |             |  |        |  | 1      |   |  |  | <b>1</b> |  |
| <b>IV.</b>  | <b>WRITING</b> | <b>1. Sentence transformation</b> | <b>Vận dụng:</b><br>+ Cleft sentence                                                                                 |             |  |        |  |        | 1 |  |  |          |  |

|  |  |                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |           |          |           |          |          |                      |          |          |           |          |          |
|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------|-----------|----------|----------|----------------------|----------|----------|-----------|----------|----------|
|  |  | <b>2. Sentence combination</b>                                                                                              | + To-infinitive clauses (active)<br>+ Perfect participles<br><br>+ Perfect gerunds<br>+ To-infinitive clauses (passive)                                                                                                                                                                                                                                                  |           |          |           |          |          | 1<br>1<br><br>1<br>1 |          |          |           |          | <b>5</b> |
|  |  | <b>3. Write a paragraph / essay</b><br>Viết một đoạn văn, tiểu luận có độ dài khoảng 120- 150 từ theo chủ đề của Units 6, 7 | <b>Vận dụng cao:</b><br>- Sử dụng từ vựng, cấu trúc câu, cấu trúc viết đoạn văn, tiểu luận. (Tác giả cho gợi ý để học sinh viết đoạn văn)<br>Write a paragraph about:<br>- Problems that a heritage may face and ways to preserve it.<br>- Advantages and disadvantages of academic or vocational education.<br>- The benefits of vocational traning and academic study. |           |          |           |          |          |                      |          | 5        |           | <b>5</b> |          |
|  |  | <b>Tổng</b>                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>20</b> | <b>0</b> | <b>14</b> | <b>0</b> | <b>6</b> | <b>5</b>             | <b>0</b> | <b>5</b> | <b>40</b> | <b>5</b> |          |

\* 0,2 điểm / 1 câu (9 điểm / 45 câu)  
\* 1 điểm / 1 bài viết

| TT              | Kĩ năng   | Mức độ nhận thức |                  |            |                  |           |                  |              |                  | Tổng      |                  |
|-----------------|-----------|------------------|------------------|------------|------------------|-----------|------------------|--------------|------------------|-----------|------------------|
|                 |           | Nhận biết        |                  | Thông hiểu |                  | Vận dụng  |                  | Vận dụng cao |                  |           |                  |
|                 |           | Tỉ lệ (%)        | Thời gian (phút) | Tỉ lệ (%)  | Thời gian (phút) | Tỉ lệ (%) | Thời gian (phút) | Tỉ lệ (%)    | Thời gian (phút) | Tỉ lệ (%) | Thời gian (phút) |
| 1               | Listening | 12               | 5                | 8          | 5                | 0         | 0                | 0            | 0                | 20        | 10               |
| 2               | Language  | 20               | 8                | 12         | 6                | 4         | 4                | 0            | 0                | 36        | 18               |
| 3               | Reading   | 8                | 5                | 8          | 5                | 4         | 2                | 0            | 0                | 20        | 12               |
| 4               | Writing   |                  |                  | 2          | 1                | 12        | 8                | 10           | 10               | 24        | 20               |
| Tổng            |           | 40               | 18               | 30         | 17               | 20        | 14               | 10           | 10               | 100       | 60               |
| Tỉ lệ (%)       |           | 40               |                  | 30         |                  | 20        |                  | 10           |                  |           |                  |
| Tỉ lệ chung (%) |           | 70               |                  |            |                  | 30        |                  |              |                  |           |                  |

**BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II (2025-2026)**

**Môn: Tiếng Anh - Khối: 12 - Thời gian: 60 phút**

[illegible]

|             |                |                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                               |             |  |             |  |   |  |  |  |  |   |  |
|-------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--|-------------|--|---|--|--|--|--|---|--|
|             |                |                                                                                                                                                                        | <b>Thông hiểu:</b><br>- Từ trái nghĩa<br>- Từ trong ngữ cảnh<br>- Từ trong ngữ cảnh                                                                                           |             |  | 1<br>1<br>1 |  |   |  |  |  |  | 3 |  |
|             |                | <b>3. Grammar</b><br>Các kiến thức ngữ pháp đã học.                                                                                                                    | <b>Nhận biết:</b><br>Nhận ra được các kiến thức ngữ pháp đã học:<br>- Have/Get + S.O + bare inf/to-inf<br>- Have/Get + STH + P.P<br>- Adverbial clause of result              | 1<br>1<br>1 |  |             |  |   |  |  |  |  | 3 |  |
|             |                |                                                                                                                                                                        | <b>Thông hiểu:</b><br>Hiểu và phân biệt các kiến thức ngữ pháp đã học:<br>- Adverbial clause of manner<br>- Adverbial clause of comparison<br>- Adverbial clause of condition |             |  | 1<br>1<br>1 |  |   |  |  |  |  | 3 |  |
|             |                | <b>4. Everyday English</b>                                                                                                                                             | <b>Vận dụng:</b><br>- Getting attention and interrupting<br>- Making small talk                                                                                               |             |  |             |  | 2 |  |  |  |  | 2 |  |
| <b>III.</b> | <b>READING</b> | <b>1. Cloze Test</b><br>Hiểu được bài đọc có độ dài khoảng 250-280 từ về các chủ điểm đã học. (MCQs)                                                                   | <b>Nhận biết:</b><br>- Đại từ quan hệ<br>- Giới từ                                                                                                                            | 1<br>1      |  |             |  |   |  |  |  |  | 2 |  |
|             |                |                                                                                                                                                                        | <b>Thông hiểu:</b><br>- Lượng từ/ Từ loại<br>- Từ trong ngữ cảnh                                                                                                              |             |  | 1<br>1      |  |   |  |  |  |  | 2 |  |
|             |                |                                                                                                                                                                        | <b>Vận dụng:</b><br>- Liên từ                                                                                                                                                 |             |  |             |  | 1 |  |  |  |  | 1 |  |
|             |                | <b>2. Reading comprehension</b><br>Hiểu được nội dung chính và nội dung chi tiết đoạn văn bản có độ dài khoảng 250-280 từ, xoay quanh các chủ đề của những bài đã học. | <b>Nhận biết:</b><br>- Nhận biết các thông tin chi tiết trong bài đọc.<br>- Nhận biết được nghĩa của đại từ qui chiếu ám chỉ                                                  | 1<br>1      |  |             |  |   |  |  |  |  | 2 |  |
|             |                |                                                                                                                                                                        | <b>Thông hiểu:</b><br>- Hiểu ý chính / tựa đề của bài đọc<br>- Hiểu nghĩa của từ trong văn cảnh / từ đồng nghĩa                                                               |             |  | 1<br>1      |  |   |  |  |  |  | 2 |  |

|      |         |                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |    |  |    |  |   |   |  |            |    |                |
|------|---------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|--|----|--|---|---|--|------------|----|----------------|
|      |         | (MCQs)                                                                                                                                                                             | <b>Vận dụng:</b><br>- Vận dụng những ý hiểu của mình về văn bản để tìm ra thông điệp, tìm ra thông tin không được phát biểu trong văn cảnh                                                                                                                                                                                                           |    |  |    |  | 1 |   |  |            | 1  |                |
| IV.  | WRITING | 1. Error identification<br>Cách dùng từ, cấu trúc, cú pháp.<br>(MCQs)                                                                                                              | <b>Thông hiểu:</b><br>- Từ loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |    |  | 1  |  |   |   |  |            | 1  |                |
|      |         |                                                                                                                                                                                    | <b>Vận dụng:</b><br>- Sự hòa hợp chủ ngữ và động từ                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |    |  |    |  | 1 |   |  |            | 1  |                |
|      |         | 2. Sentence transformation & Sentence combination<br>Biến đổi câu và kết hợp câu                                                                                                   | <b>Vận dụng:</b><br>+ Chuyển đổi câu dùng <b>active or passive causatives</b><br>+ Chuyển đổi từ “ <b>too ... to</b> ” sang “ <b>so .... that</b> ”<br>+ Chuyển đổi từ “ <b>so ... that</b> ” sang “ <b>such ... that</b> ”<br>+ Kết hợp câu dùng <b>Adverbial clauses of condition</b><br>+ Kết hợp câu dùng <b>Adverbial clauses of comparison</b> |    |  |    |  |   | 1 |  |            |    | 5              |
|      |         |                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |    |  |    |  |   | 1 |  |            |    |                |
|      |         | 3. Write a paragraph/<br>an essay<br>Viết 1 đoạn văn / bài luận<br><i>Viết văn bản (có mở đầu, thân bài, kết luận) khoảng 180 - 200 từ về các chủ đề quen thuộc của Units 6, 7</i> | - Vận dụng cao: Sử dụng từ vựng, cấu trúc câu, hình thức viết đã học để ứng dụng viết một đoạn văn / bài luận theo yêu cầu.                                                                                                                                                                                                                          |    |  |    |  |   |   |  | 1 bài viết |    | 1 bài viết     |
| Tổng |         |                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 20 |  | 15 |  | 5 | 5 |  | 1 bài viết | 40 | 5 + 1 bài viết |

MA TRẬN KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 2  
NĂM HỌC 2025 -2026  
MÔN: CÔNG NGHỆ 10 – CÔNG NGHỆ TRỒNG TRỌT  
THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

| TT            | Nội dung                             | Đơn vị kiến thức                                                        | NLC  |      |    | Đ/S  |      |    | Tự luận |      |    | TỔNG |
|---------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------|------|----|------|------|----|---------|------|----|------|
|               |                                      |                                                                         | Biết | Hiểu | VD | Biết | Hiểu | VD | Biết    | Hiểu | VD |      |
| 1             | 1. Phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng | 1.1 Một số bệnh hại cây trồng thường gặp và biện pháp phòng trừ.        | 3    | 1    |    | 1    | 1    | 2  |         |      |    | 9    |
|               |                                      | 1.2 Ứng dụng công nghệ vi sinh trong phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng. | 3    |      |    |      |      |    |         | 1    |    | 4    |
| 2             | 2. Kỹ thuật trồng trọt               | 2.1. Quy trình trồng trọt và cơ giới hóa trong trồng trọt               | 4    | 1    |    |      |      |    |         |      | 1  | 6    |
|               |                                      | 2.2. Công nghệ cao trong thu hoạch và bảo quản sản phẩm trồng trọt      | 4    | 4    |    | 1    | 1    | 2  |         |      | 1  | 12   |
| Tổng          |                                      |                                                                         | 14   | 6    | 0  | 2    | 2    | 4  |         | 1    | 2  | 31   |
| Tỉ lệ (%)     |                                      |                                                                         | 50   |      |    | 20   |      |    | 30      |      |    |      |
| Tỉ lệ chung % |                                      |                                                                         | 70   |      |    |      |      |    | 30      |      |    |      |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 2**  
**MÔN: CÔNG NGHỆ 11– CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI**  
**THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút**

| TT | Nội dung kiến thức                          | Đơn vị kiến thức                                                 | Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Số câu hỏi |     |         |
|----|---------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----|---------|
|    |                                             |                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | NLC        | Đ/S | Tư Luận |
| 1  | <b>1. Phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng</b> | 1.1 Một số bệnh hại cây trồng thường gặp và biện pháp phòng trừ. | <b>Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được khái niệm, tác hại của, bệnh hại cây trồng.</li> <li>- Nêu được ý nghĩa của việc phòng, trừ bệnh hại cây trồng.</li> <li>- Mô tả được đặc điểm nhận biết, đặc điểm gây hại của một số loại bệnh hại cây trồng thường gặp.</li> <li>- Nêu được nguyên nhân và biện pháp phòng, trừ một số loại sâu, bệnh hại cây trồng thường gặp.</li> </ul> <b>Thông hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân biệt được đặc điểm nhận biết, đặc điểm gây hại của một số loại bệnh hại cây trồng thường gặp.</li> <li>- Phân tích được ưu, nhược điểm của các biện pháp phòng trừ bệnh hại phổ biến.</li> </ul> <b>Vận dụng</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được một số loại bệnh hại cây trồng thường gặp và đề xuất được biện pháp phòng, trừ phù hợp.</li> <li>- Tìm hiểu được các biện pháp phòng trừ bệnh hại cây trồng đang được áp dụng ở địa phương. Nêu được những điểm chưa phù hợp và đề xuất giải pháp khắc phục.</li> </ul> <b>Vận dụng cao</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lựa chọn được các biện pháp an toàn cho con người và môi trường trong phòng, trừ sâu, bệnh hại cây trồng.</li> </ul> | 4          | 4   |         |
|    |                                             | 1.2 Ứng dụng công nghệ vi sinh trong phòng trừ sâu,              | <b>Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Nêu được khái niệm, các bước, tác dụng của các loại chế phẩm vi khuẩn, virus, nấm</li> </ul> <b>Thông hiểu:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3          |     | 1       |

|   |                               |                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |   |  |   |
|---|-------------------------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|---|
|   |                               | bệnh hại cây trồng.                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được sự khác nhau giữa các bước sản xuất chế phẩm vi khuẩn trừ sâu, chế phẩm virus trừ sâu và chế phẩm nấm trừ sâu, bệnh hại cây trồng.</li> <li>- Phân tích được ý nghĩa của công nghệ vi sinh trong phòng, trừ sâu, bệnh hại cây trồng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |   |  |   |
| 2 | <b>2. Kỹ thuật trồng trọt</b> | 2.1. Quy trình trồng trọt và cơ giới hóa trong trồng trọt | <p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được các bước trong quy trình trồng trọt và ý nghĩa của từng bước.</li> <li>- Nêu được một số ứng dụng nổi bật của cơ giới hóa trong làm đất, gieo trồng, chăm sóc và thu hoạch sản phẩm trồng trọt.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lập được kế hoạch cho việc trồng và chăm sóc một loại cây trồng phổ biến.</li> <li>- Phân tích được ý nghĩa của việc ứng dụng cơ giới hóa trong trồng trọt.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề xuất được những bước có thể thực hiện cơ giới hóa trong trồng trọt ở địa phương để nâng cao hiệu quả trồng trọt.</li> </ul> | 5 |  | 1 |

|  |                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |           |          |          |
|--|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------|----------|
|  | 2.2. Công nghệ cao trong thu hoạch và bảo quản sản phẩm trồng trọt | <b>Nhận biết:</b><br>- Nêu được một số ứng dụng công nghệ cao trong thu hoạch, bảo quản sản phẩm trồng trọt.<br><b>Thông hiểu:</b><br>- Phân tích được ưu, nhược điểm của các biện pháp bảo quản các sản phẩm trồng trọt .<br><b>Vận dụng:</b><br>- Đề xuất được biện pháp bảo quản phù hợp cho một số loại sản phẩm trồng trọt phổ biến ở địa phương. | 8         | 4        | 1        |
|  | <b>Tổng số câu</b>                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <b>20</b> | <b>8</b> | <b>3</b> |

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 2  
MÔN: CÔNG NGHỆ 11 – CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI  
THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

| TT            | Nội dung                        | Đơn vị kiến thức                                                                           | NLC  |      |    | Đ/S  |      |    | Tự luận |      |    | TỔNG |
|---------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------|------|----|------|------|----|---------|------|----|------|
|               |                                 |                                                                                            | Biết | Hiểu | VD | Biết | Hiểu | VD | Biết    | Hiểu | VD |      |
| 1             | 4. Phòng, trị bệnh cho vật nuôi | 4.2. Một số bệnh phổ biến trong chăn nuôi (đặc điểm, nguyên nhân và biện pháp phòng, trị). | 4    | 4    |    |      |      |    |         |      | 1  | 9    |
|               |                                 | 4.3. Một số ứng dụng của công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi.            | 3    |      |    |      |      |    |         |      |    | 3    |
| 2             | 5. Công nghệ chăn nuôi          | 5.1. Chuồng nuôi và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi                                      | 4    | 1    |    | 1    | 1    | 2  |         | 1    | 1  | 7    |
|               |                                 | 5.2. Quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi phổ biến.                                   | 3    | 1    |    | 1    | 1    | 2  |         |      |    |      |
| Tổng          |                                 |                                                                                            | 14   | 6    | 0  | 2    | 2    | 4  |         | 1    | 2  | 31   |
| Tỉ lệ (%)     |                                 |                                                                                            | 50   |      |    | 20   |      |    | 30      |      |    |      |
| Tỉ lệ chung % |                                 |                                                                                            | 70   |      |    |      |      |    | 30      |      |    |      |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 2**  
**MÔN: CÔNG NGHỆ 11– CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI**  
**THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút**  
**Bài 12,13,14,15,16**

| TT | Nội dung kiến thức                    | Đơn vị kiến thức                                                                                           | Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Số câu hỏi |     |         |
|----|---------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----|---------|
|    |                                       |                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | NLC        | Đ/S | Tư Luận |
| 1  | <b>4. Phòng trị bệnh cho vật nuôi</b> | 4.2. Một số bệnh phổ biến trong chăn nuôi (đặc điểm, nguyên nhân và biện pháp phòng, trị). (Bài 12, 13,14) | <b>Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kể tên được một số bệnh phổ biến trên gia cầm.</li> <li>- Kể tên được một số bệnh phổ biến trên gia súc (lợn, trâu, bò và các gia súc khác).</li> <li>- Mô tả được đặc điểm một số bệnh phổ biến trên gia cầm.</li> <li>- Mô tả được đặc điểm một số bệnh phổ biến trên gia súc.</li> <li>- Nêu được nguyên nhân gây ra một số bệnh phổ biến trên gia cầm.</li> <li>- Nêu được nguyên nhân gây ra một số bệnh phổ biến trên gia súc.</li> <li>- Kể tên một số biện pháp phòng, trị một số bệnh phổ biến trong chăn nuôi.</li> <li>- Nêu được ưu nhược điểm của các biện pháp phòng, trị một số bệnh phổ biến trong chăn nuôi.</li> </ul> <b>Thông hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân biệt được các đặc điểm cơ bản của một số bệnh phổ biến trên gia cầm.</li> <li>- Phân biệt được các đặc điểm cơ bản của một số bệnh phổ biến trên gia súc.</li> </ul> | 4          |     |         |

|  |                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |   |  |   |
|--|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|---|
|  |                                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích được nguyên nhân gây ra một số bệnh phổ biến trên gia cầm.</li> <li>- Phân tích được nguyên nhân gây ra một số bệnh phổ biến trên gia súc.</li> <li>- Tóm tắt được một số biện pháp phòng, trị một số bệnh phổ biến trong chăn nuôi.</li> <li>- Phân biệt được các biện pháp phòng, trị bệnh phổ biến trong chăn nuôi. (</li> <li>- Phân tích được ưu nhược điểm của các biện pháp phòng, trị một số bệnh phổ biến trong chăn nuôi.</li> <li>- Lựa chọn được biện pháp phòng trị bệnh phù hợp cho một số đối tượng vật nuôi phổ biến.</li> </ul> <p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lựa chọn được biện pháp phòng, trị bệnh phù hợp cho một số đối tượng vật nuôi phổ biến ở gia đình, địa phương.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề xuất được biện pháp phòng trị bệnh phù hợp với thực tiễn chăn nuôi của gia đình, địa phương (đảm bảo an toàn cho người, vật nuôi và môi trường).</li> </ul> | 4 |  | 1 |
|  | 4.3. Một số ứng dụng của công nghệ sinh học trong phòng, trị | <p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày ứng dụng CNSH trong phòng trị bệnh</li> <li>- Kể tên được một số ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh vật nuôi.</li> <li>- Nêu được ưu điểm của việc ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3 |  |   |

|  |  |                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |  |                      |  |
|--|--|--------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|----------------------|--|
|  |  | bệnh cho vật nuôi.<br>(Bài 15) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được ý nghĩa của việc ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi.</li> <li>- Nêu được một số thành tựu của ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-- Trình bày ứng dụng CNSH trong phòng trị bệnh</li> <li>- Phân tích được ý nghĩa của việc ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi.</li> <li>- Lựa chọn được biện pháp công nghệ sinh học phù hợp trong phòng, trị một số bệnh phổ biến trong chăn nuôi.</li> </ul> <p><b>Vận dụng</b></p> <p>Lựa chọn được biện pháp công nghệ sinh học phù hợp trong phòng, trị một số bệnh phù hợp với thực tiễn chăn nuôi ở gia đình, địa phương.</p> <p><b>Vận dụng cao</b></p> <p>Đề xuất được biện pháp công nghệ sinh học trong phòng trị bệnh phù hợp với thực tiễn chăn nuôi của gia đình, địa phương.</p> |  | 2 câu<br>(B-H-VD-VD) |  |
|--|--|--------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|----------------------|--|

|   |                               |                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |           |          |          |
|---|-------------------------------|----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------|----------|
| 2 | <b>5. Công nghệ chăn nuôi</b> | 5.1. Chuồng nuôi và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi (Bài 16) | <p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Trình bày một số yêu cầu chuồng nuôi của một số vật nuôi</li> <li>- Nêu được khái niệm chuồng nuôi.</li> <li>- Trình bày được những yêu cầu chung của chuồng nuôi.</li> <li>- Kể tên được các loại chuồng nuôi phổ biến trong chăn nuôi</li> <li>- Nêu được đặc điểm của các loại chuồng nuôi phổ biến trong chăn nuôi.</li> <li>- Nêu được ý nghĩa của bảo vệ môi trường trong chăn nuôi</li> <li>- Kể tên được các biện pháp chủ yếu để vệ sinh chuồng nuôi và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Trình bày một số yêu cầu chuồng nuôi của một số vật nuôi</li> <li>- Giải thích được những yêu cầu chung của chuồng nuôi.</li> <li>- Phân tích được các yêu cầu về chuồng nuôi của một số vật nuôi phổ biến.</li> <li>- So sánh được các kiểu chuồng nuôi phổ biến trong chăn nuôi</li> <li>- Phân tích được đặc điểm của các kiểu chuồng nuôi phổ biến trong chăn nuôi.</li> <li>- Giải thích được ý nghĩa của bảo vệ môi trường trong chăn nuôi.</li> <li>- Tóm tắt được các biện pháp chủ yếu để vệ sinh chuồng nuôi và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi.</li> </ul> <p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề xuất được kiểu chuồng nuôi phù hợp cho một loại vật nuôi phổ biến ở gia đình, địa phương.</li> <li>- Đề xuất được biện pháp bảo vệ môi trường trong chăn nuôi phù hợp với thực tiễn chăn nuôi ở gia đình, địa phương. \</li> </ul> | 4         |          |          |
|   |                               |                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1         |          | 1        |
|   |                               |                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1         |          | 1        |
|   |                               |                                                                | <b>Câu đúng sai: 1 câu bài 15, 1 câu bài 16</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |           |          |          |
|   | <b>Tổng số câu</b>            |                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | <b>20</b> | <b>2</b> | <b>3</b> |



TRƯỜNG THPT LONG KHÁNH

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II – MÔN CNNN 12  
Năm học 2025 -2026

| STT          | Chương/<br>Chủ đề                             | Đơn vị<br>kiến thức                                                                        | Mức độ đánh giá   |      |      |                  |      |     |         |      |      | Tổng |      |      | Tỉ lệ<br>%<br>điểm |
|--------------|-----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------|------|------------------|------|-----|---------|------|------|------|------|------|--------------------|
|              |                                               |                                                                                            | TN nhiều lựa chọn |      |      | TN dạng đúng sai |      |     | Tự luận |      |      |      |      |      |                    |
|              |                                               |                                                                                            | Biết              | Hiểu | VD   | Biết             | Hiểu | VD  | Biết    | Hiểu | VD   | Biết | Hiểu | VD   |                    |
| (1)          | (2)                                           | (3)                                                                                        | (4)               | (5)  | (6)  | (7)              | (8)  | (9) | (10)    | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16)               |
| 1            | Chủ đề 6:<br>Công nghệ<br>giống thủy sản      | Bài 14: Vai trò của giống và ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn và nhân giống thủy sản | 3                 |      |      |                  |      |     |         |      |      |      |      |      |                    |
|              |                                               | Bài 15: Đặc điểm sinh sản và kĩ thuật ương cá, tôm giống.                                  | 4                 |      |      | 1                | 1    | 2   |         | 1    |      |      |      |      |                    |
| 2            | Chủ đề 7:<br>Công nghệ<br>thức ăn thủy<br>sản | Bài 16: Thành phần dinh dưỡng của thức ăn thủy sản                                         | 3                 | 1    |      |                  |      |     |         |      |      |      |      |      |                    |
|              |                                               | Bài 17: Chế biến và bảo quản thức ăn thủy sản                                              | 2                 | 1    | 1    |                  |      |     |         | 1    |      |      |      |      |                    |
|              |                                               |                                                                                            |                   |      |      |                  |      |     |         |      |      |      |      |      |                    |
| 3            | Chủ đề 8:<br>Công nghệ<br>nuôi thủy sản       | Bài 18 : Kỹ thuật nuôi một số loài thủy sản phổ biến                                       | 4                 | 1    |      | 1                | 1    | 2   |         |      | 1    |      |      |      |                    |
|              |                                               | Bài 19 : Quy trình nuôi thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP                                   |                   |      |      |                  |      |     |         |      |      |      |      |      |                    |
|              |                                               | Bài 20 : Ứng dụng công nghệ cao trong nuôi thủy sản.                                       |                   |      |      |                  |      |     |         |      |      |      |      |      |                    |
| Tổng số câu  |                                               |                                                                                            | 16                | 3    | 1    | 2                | 2    | 4   |         | 2    | 1    | 18   | 7    | 6    | 100                |
| Tổng số điểm |                                               |                                                                                            | 4                 | 0.75 | 0.25 | 0.5              | 0.5  | 1   |         | 2    | 1    | 4,5  | 3.25 | 2.25 | 100                |

| STT     | Chương/<br>Chủ đề | Đơn vị<br>kiến thức | Mức độ đánh giá   |      |    |                  |      |    |         |      |    | Tổng |      |      | Tỉ lệ<br>%<br>điểm |
|---------|-------------------|---------------------|-------------------|------|----|------------------|------|----|---------|------|----|------|------|------|--------------------|
|         |                   |                     | TN nhiều lựa chọn |      |    | TN dạng đúng sai |      |    | Tự luận |      |    |      |      |      |                    |
|         |                   |                     | Biết              | Hiểu | VD | Biết             | Hiểu | VD | Biết    | Hiểu | VD | Biết | Hiểu | VD   |                    |
| Tỉ lệ % |                   |                     | 50                |      |    | 20               |      |    | 30      |      |    | 45   | 32,5 | 22.5 | 100                |

**BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HKII – MÔN CN 12**

| TT  | Chương/<br>chủ đề                                   | Nội dung/đơn vị<br>kiến thức                                                                      | Yêu cầu cần đạt<br>(Đã được tách ra theo các mức độ)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Số lượng câu hỏi ở các<br>mức độ |              |            |
|-----|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|--------------|------------|
|     |                                                     |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Trắc nghiệm                      |              | Tự<br>luận |
|     |                                                     |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Nhiều<br>lựa<br>chọn             | Đúng-<br>Sai |            |
| (1) | (2)                                                 | (3)                                                                                               | (4)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | (5)                              | (6)          | (7)        |
| 1   | <b>Chủ đề<br/>6:<br/>Công<br/>nghệ<br/>thủy sản</b> | <b>Bài 14:</b> Vai trò của giống và ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn và nhân giống thủy sản | - <b>Nhận biết:</b><br>+ Trình bày khái niệm giống thủy sản<br>+ Trình bày vai trò của giống thủy sản<br>+ Trình bày được một số ứng dụng của công nghệ sinh học trong chọn giống thủy sản.<br>+ Trình bày được một số ứng dụng của công nghệ sinh học trong nhân giống thủy sản.<br>+ Trình bày được một số ứng dụng của công nghệ sinh học trong tạo giống thủy sản.    | 3                                |              |            |
|     |                                                     |                                                                                                   | - <b>Thông hiểu:</b><br>+ Phân tích được vai trò của thủy sản với đời sống kinh tế - xã hội<br>+ Phân tích được ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn và nhân giống thủy sản.<br>+ Giải thích được lí do tại sao phải tạo giống đa bội thể và điều khiển giới tính ở một số đối tượng thủy sản.                                                                          |                                  |              |            |
|     |                                                     |                                                                                                   | - <b>Vận dụng:</b><br>+ Đề xuất được biện pháp công nghệ sinh học phù hợp với thực tiễn nhân giống, chọn giống thủy sản ở gia đình, địa phương.                                                                                                                                                                                                                           |                                  |              |            |
|     |                                                     | <b>Bài 15:</b> Đặc điểm sinh sản và kĩ thuật ương cá, tôm giống.                                  | - <b>Nhận biết:</b><br>+ Trình bày được đặc điểm sinh sản của cá.<br>+ Trình bày được đặc điểm sinh sản của tôm.<br>+ Nêu được khái niệm ương giống thủy sản.<br>+ Nêu được khái niệm nhân giống thủy sản.                                                                                                                                                                | 4                                |              |            |
|     |                                                     |                                                                                                   | - <b>Thông hiểu:</b><br>+ Mô tả được đặc điểm sinh học sinh sản, nhận biết được qua hình thái ngoài các giai đoạn phát triển của cá, tôm.<br>+ Giải thích được cơ chế sinh sản của cá ở ngoài tự nhiên.<br>+ Mô tả được kỹ thuật sinh sản tôm theo phương pháp truyền thống.<br>+ Mô tả được kỹ thuật ương, nuôi cá giống.<br>+ Mô tả được kỹ thuật ương, nuôi tôm giống. |                                  |              | 2          |
|     |                                                     |                                                                                                   | - <b>Vận dụng:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                  |              |            |

|   |                                             |                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                 |           |          |          |
|---|---------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------|----------|
|   |                                             |                                                            | + Đề xuất được kĩ thuật ương, nuôi giống thủy sản phù hợp với thực tiễn ở gia đình, địa phương                                                                                                                                                  |           |          |          |
| 2 | <b>Chủ đề 7: Công nghệ thức ăn thủy sản</b> | <b>Bài 16:</b> Thành phần dinh dưỡng của thức ăn thủy sản  | <b>Nhận biết</b><br>- Trình bày được thành phần dinh dưỡng của các nhóm thức ăn thủy sản.<br><br>- Trình bày được vai trò của các nhóm thức ăn thủy sản.<br><br>- Kể tên được các nguyên liệu sử dụng trong sản xuất thức ăn nhân tạo thủy sản: | 3         |          |          |
|   |                                             |                                                            | <b>Thông hiểu</b><br>- Phân tích được thành phần dinh dưỡng và vai trò của các nhóm thức ăn thủy sản.                                                                                                                                           | 1         |          |          |
|   |                                             |                                                            | <b>Vận dụng:</b>                                                                                                                                                                                                                                |           |          |          |
|   |                                             | <b>Bài 17:</b> Bảo quản, chế biến thức ăn thủy sản         | <b>Nhận biết:</b><br>- Nêu được mục đích, ý nghĩa của công tác bảo quản, chế biến thức ăn thủy sản<br>- Trình bày được một số phương pháp bảo quản thức ăn thủy sản<br>- Nêu được một số phương pháp chế biến thức ăn thủy sản                  | 2         |          |          |
|   |                                             |                                                            | <b>Thông hiểu</b><br>- Tóm tắt quy trình lên men khô đậu nành làm thức ăn cho động vật thủy sản.<br>- Tóm tắt quy trình chế biến thức ăn thủy sản giàu lysine từ phế phụ phẩm cá tra.                                                           | 1         |          |          |
|   |                                             |                                                            | <b>Vận dụng:</b><br>- Đề xuất được biện pháp bảo quản, chế biến một loại thức ăn thủy sản phù hợp với thực tiễn của gia đình, địa phương                                                                                                        | 1         |          |          |
| 3 | <b>Chủ đề 8: Công nghệ nuôi thủy sản</b>    | <b>Bài 18:</b> Kĩ thuật nuôi một số loài thủy sản phổ biến | - <b>Nhận biết:</b><br>+ Nêu được quy trình nuôi, chăm sóc một số loại thủy sản phổ biến ở Việt Nam.<br>+ Nêu các tiêu chuẩn đảm bảo vệ sinh ao nuôi và bảo vệ môi trường trong nuôi thủy                                                       | 4         | 2        |          |
|   |                                             |                                                            | - <b>Thông hiểu:</b><br>+ Mô tả được quy trình nuôi, chăm sóc cá<br>+ Mô tả được quy trình nuôi, chăm sóc tôm<br>+ Giải thích được ý nghĩa của các biện pháp đảm bảo vệ sinh ao nuôi và bảo vệ môi trường trong nuôi thủy sản.                  | 1         | 2        |          |
|   |                                             |                                                            | - <b>Vận dụng:</b><br>+ Đề xuất được biện pháp đảm bảo vệ sinh ao nuôi và bảo vệ môi trường trong nuôi thủy sản phù hợp với thực tiễn của gia đình, địa phương                                                                                  |           | 4        | 1        |
|   |                                             | <b>TỔNG</b>                                                |                                                                                                                                                                                                                                                 | <b>20</b> | <b>8</b> | <b>3</b> |



**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**  
**MÔN: CÔNG NGHỆ 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

**1) Ma trận**

- **Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra giữa HK 2
- **Thời gian làm bài:** 45 phút.
- **Cấu trúc:** Mức độ đề: 40% *Nhận biết*; 30% *Thông hiểu*; 30% *Vận dụng*.
  - + Phần I. Trắc nghiệm 4 lựa chọn, 1 lựa chọn đúng: 20 Câu = 5,0 điểm.
  - + Phần II. Trắc nghiệm đúng sai: 2 Câu = 8 ý = 2,0 điểm.
  - + Phần III. Tự Luận: 3 câu = 3,0 điểm.

| TT | Chương/ chủ đề                | Nội dung/đơn vị kiến thức               | Mức độ đánh giá |      |    |                 |      |    |         |      |    | Tổng |      |     | Tỉ lệ<br>%<br>điểm |
|----|-------------------------------|-----------------------------------------|-----------------|------|----|-----------------|------|----|---------|------|----|------|------|-----|--------------------|
|    |                               |                                         | TNKQ nhiều LC   |      |    | TNKQ đúng - sai |      |    | Tự luận |      |    |      |      |     |                    |
|    |                               |                                         | Biết            | Hiểu | VD | Biết            | Hiểu | VD | Biết    | Hiểu | VD | Biết | Hiểu | VD  |                    |
| 1  | Bài 11: Hình chiếu trục đo    | Nội dung phương pháp hình chiếu trục đo | 2               |      |    |                 |      |    |         |      |    | 3    |      | 2   | 12.5%              |
|    |                               | Hình chiếu trục đo vuông góc đều        | 1               |      |    |                 |      |    |         |      |    |      |      |     |                    |
|    |                               | Hình chiếu trục đo xiên góc cân         |                 |      |    |                 |      |    |         |      |    |      |      |     |                    |
|    |                               | Vẽ (đọc) hình chiếu trục đo             |                 |      | 2  |                 |      |    |         |      |    |      |      |     |                    |
| 2  | Bài 12: Hình chiếu phối cảnh  | Nội dung hình chiếu phối cảnh           | 2               |      |    |                 |      |    |         |      | 2  |      |      | 5%  |                    |
|    |                               | Vẽ hình chiếu phối cảnh                 |                 |      |    |                 |      |    |         |      |    |      |      |     |                    |
| 3  | Bài 13. Biểu diễn quy ước ren | Các chi tiết có ren và vai trò          | 1               |      |    |                 |      |    |         |      | 4  | (1)  | (2)  | 40% |                    |
|    |                               | Biểu diễn quy ước ren                   | 3               |      |    |                 |      |    | (1)     | (2)  |    |      |      |     |                    |
| 4  | Bài 14. Bản vẽ cơ khí         | Bản vẽ chi tiết                         | 3               | 1    |    | 2               |      | 2  |         |      | 5  | 1    | 2    | 20% |                    |
|    |                               | Bản vẽ lắp                              |                 |      |    |                 |      |    |         |      |    |      |      |     |                    |
| 5  | Bài 15. Bản vẽ                | Khái niệm chung                         | 1               |      |    | 1               | 3    |    |         |      | 2  | 4    |      | 15% |                    |

|                        |                                                                |                             |            |          |          |            |          |          |             |          |          |           |              |              |            |
|------------------------|----------------------------------------------------------------|-----------------------------|------------|----------|----------|------------|----------|----------|-------------|----------|----------|-----------|--------------|--------------|------------|
|                        | <i><b>xây dựng</b></i>                                         | Các kí hiệu quy ước         |            |          |          |            |          |          |             |          |          |           |              |              |            |
|                        |                                                                | Các hình biểu diễn ngôi nhà |            | 1        |          |            |          |          |             |          |          |           |              |              |            |
|                        |                                                                | Đọc và lập bản vẽ nhà       |            |          |          |            |          |          |             |          |          |           |              |              |            |
|                        | <i><b>Bài 16. Vẽ kĩ thuật với sự trợ giúp của máy tính</b></i> | Khái quát chung             |            |          |          |            |          |          |             |          |          | 3         |              | 7.5%         |            |
|                        |                                                                | Giao diện phần mềm Autocad  |            | 1        |          |            |          |          |             |          |          |           |              |              |            |
|                        |                                                                | Các chức năng hỗ trợ        |            | 1        |          |            |          |          |             |          |          |           |              |              |            |
|                        |                                                                | Các lệnh hai chiều          |            | 1        |          |            |          |          |             |          |          |           |              |              |            |
| <b>Tổng số chỉ báo</b> |                                                                |                             | <b>13</b>  | <b>5</b> | <b>2</b> | <b>3</b>   | <b>3</b> | <b>2</b> |             | <b>1</b> | <b>2</b> | <b>16</b> | <b>8+(1)</b> | <b>4+(2)</b> |            |
| <b>Tổng số điểm</b>    |                                                                |                             | <b>5</b>   |          |          | <b>2</b>   |          |          | <b>3</b>    |          |          | <b>4</b>  | <b>3</b>     | <b>3</b>     | <b>10</b>  |
| <b>Tỉ lệ %</b>         |                                                                |                             | <b>50%</b> |          |          | <b>20%</b> |          |          | <b>30 %</b> |          |          | <b>50</b> | <b>50</b>    |              | <b>100</b> |

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II  
MÔN: CÔNG NGHỆ 10– THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

| TT | Nội dung kiến thức                  | Đơn vị kiến thức                        | Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá                                                                                                                                                                                                    | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức |            |          |
|----|-------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------------|----------|
|    |                                     |                                         |                                                                                                                                                                                                                                                     | Nhận biết                        | Thông hiểu | Vận dụng |
|    | <b>Bài 11: Hình chiếu trục đo</b>   | Nội dung phương pháp hình chiếu trục đo | <b>Nhận biết:</b><br>- Nêu được tên gọi các loại hình chiếu trục đo<br>- Nêu được đặc điểm các loại hình chiếu trục đo<br><b>Thông hiểu:</b><br>Tóm tắt được phương pháp hình chiếu trục đo<br><b>Vận dụng:</b><br>Vẽ (đọc) được hình chiếu trục đo | 3                                |            | 2        |
|    |                                     | Hình chiếu trục đo vuông góc đều        |                                                                                                                                                                                                                                                     |                                  |            |          |
|    |                                     | Hình chiếu trục đo xiên góc cân         |                                                                                                                                                                                                                                                     |                                  |            |          |
|    |                                     | Vẽ hình chiếu trục đo                   |                                                                                                                                                                                                                                                     |                                  |            |          |
|    | <b>Bài 12: Hình chiếu phối cảnh</b> | Nội dung hình chiếu phối cảnh           | <b>Nhận biết:</b><br>Nêu được tên gọi, đặc điểm các loại hình chiếu phối cảnh<br><b>Thông hiểu:</b>                                                                                                                                                 | 2                                |            |          |

|                    |                                                         |                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |    |       |       |
|--------------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------|-------|
|                    |                                                         | Vẽ hình chiếu phối cảnh        | Tóm tắt được phương pháp hình chiếu phối cảnh<br><b>Vận dụng:</b><br>Vẽ được hình chiếu phối cảnh                                                                                                                                                                                                 |    |       |       |
| 1                  | <b>Bài 13. Biểu diễn quy ước ren</b>                    | Các chi tiết có ren và vai trò | <b>Nhận biết:</b><br>Nêu được công dụng của ren và các yếu tố của ren.<br><b>Thông hiểu:</b><br>Giải thích được kí hiệu ren<br><b>Vận dụng:</b><br>Vẽ và ghi kí hiệu qui ước ren trên bản vẽ kĩ thuật.                                                                                            | 4  | (1)   | (2)   |
|                    |                                                         | Biểu diễn quy ước ren          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |    |       |       |
|                    | <b>Bài 14. Bản vẽ cơ khí</b>                            | Bản vẽ chi tiết                | <b>Nhận biết:</b><br>Nêu được khái niệm bản vẽ lắp, bản vẽ chi tiết.<br><b>Thông hiểu:</b><br>- Tóm tắt được nội dung của bản vẽ chi tiết.<br>- Tóm tắt được nội dung của bản vẽ lắp.<br><b>Vận dụng:</b><br>- Đọc được bản vẽ chi tiết đơn giản.                                                 | 5  | 1     | 2     |
|                    |                                                         | Bản vẽ lắp                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |    |       |       |
|                    | <b>Bài 15. Bản vẽ xây dựng</b>                          | Khái niệm chung                | <b>Nhận biết:</b><br>- Nêu được khái niệm bản vẽ xây dựng.<br>- Kể tên gọi một số loại bản vẽ trong xây dựng.<br><b>Thông hiểu:</b><br>Tóm tắt được nội dung các hình biểu diễn của bản vẽ ngôi nhà.<br><b>Vận dụng:</b><br>- Đọc được bản vẽ nhà đơn giản<br>- Lập được bản vẽ xây dựng đơn giản | 2  | 4     |       |
|                    |                                                         | Các kí hiệu quy ước            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |    |       |       |
|                    |                                                         | Các hình biểu diễn ngôi nhà    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |    |       |       |
|                    |                                                         | Đọc và lập bản vẽ nhà          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |    |       |       |
|                    | <b>Bài 16. Vẽ kĩ thuật với sự trợ giúp của máy tính</b> | Khái quát chung                | <b>Nhận biết:</b><br>Nêu được ưu điểm cơ bản của việc lập bản vẽ với sự trợ giúp của máy tính.<br><b>Thông hiểu:</b><br>Giải thích được một số lệnh của phần mềm vẽ trên máy tính.<br><b>Vận dụng</b><br>Vẽ được một số hình biểu diễn của vật thể đơn giản với sự hỗ trợ của máy tính.           |    | 3     |       |
|                    |                                                         | Giao diện phần mềm Autocad     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |    |       |       |
|                    |                                                         | Các chức năng hỗ trợ           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |    |       |       |
|                    |                                                         | Các lệnh hai chiều             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |    |       |       |
| <b>Tổng số câu</b> |                                                         |                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 16 | 8+(1) | 4+(2) |

**MA TRẬN, ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**  
**MÔN: CÔNG NGHỆ 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

**1) Ma trận**

- Thời gian làm bài: 45 phút.

- Cấu trúc: 50% Nhận biết; 50% Thông hiểu;

**Phần I.** Trắc nghiệm 4 lựa chọn, 1 lựa chọn đúng: 20 Câu = 5,0 điểm.

**Phần II.** Trắc nghiệm đúng sai: 2 Câu = 8 ý = 2,0 điểm.

**Phần III.** Tự Luận: 2 câu = 3,0 điểm.

| TT              | Chương/ chủ đề                      | Nội dung/đơn vị kiến thức                                  | Mức độ đánh giá |      |    |                 |      |    |         |      |    | Tổng |       |    | Tỉ lệ %<br>điểm |
|-----------------|-------------------------------------|------------------------------------------------------------|-----------------|------|----|-----------------|------|----|---------|------|----|------|-------|----|-----------------|
|                 |                                     |                                                            | TNKQ nhiều LC   |      |    | TNKQ đúng - sai |      |    | Tự luận |      |    |      |       |    |                 |
|                 |                                     |                                                            | Biết            | Hiểu | VD | Biết            | Hiểu | VD | Biết    | Hiểu | VD | Biết | Hiểu  | VD |                 |
| 1               | Giới thiệu chung về cơ khí động lực | 1.1 Hệ thống cơ khí động lực                               | 2               |      |    |                 |      |    |         |      |    | 2    |       |    | 5%              |
|                 |                                     | 1.2 Một số máy móc thường dùng trong cơ khí động lực       | 1               |      |    |                 |      |    |         |      |    | 1    |       |    | 2,5%            |
|                 |                                     | 1.3 Một số ngành nghề cơ khí động lực phổ biến             | 4               |      |    |                 |      |    |         |      |    | 4    |       |    | 10%             |
| 2               | Động cơ đốt trong                   | 2.1. Khái niệm và phân loại động cơ đốt trong              | 2               |      |    |                 |      |    |         |      |    | 2    |       |    | 5%              |
|                 |                                     | 2.2. Cấu tạo của động cơ đốt trong                         | 3               |      |    |                 |      |    |         |      |    | 3    |       |    | 7,5%            |
|                 |                                     | 2.3. Một số thông số kĩ thuật cơ bản của động cơ đốt trong |                 | 2    |    |                 | 4    |    | (1)     |      |    | (1)  | 6     |    | 25%             |
|                 |                                     | 2.4. Nguyên lí làm việc của động cơ đốt trong              |                 | 2    |    |                 | 4    |    |         | (2)  |    |      | 6+(2) |    | 35%             |
|                 |                                     | 2.5. Cơ cấu trong Động cơ đốt trong                        | 4               |      |    |                 |      |    |         |      |    | 4    |       |    | 10%             |
| Tổng số chỉ báo |                                     |                                                            | 16              | 4    |    |                 | 8    |    |         | (2)  |    | 16   | 8+(1) |    |                 |
| Tổng số điểm    |                                     |                                                            | 5               |      |    | 2               |      |    | 3       |      |    | 5    | 5     |    | 10              |
| Tỉ lệ %         |                                     |                                                            | 50              |      |    | 20              |      |    | 30      |      |    | 50   | 50    |    | 100             |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II**  
**MÔN: CÔNG NGHỆ 11– THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút**

| TT | Nội dung kiến thức                  | Đơn vị kiến thức                                                                                                                                                        | Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức |            |          |
|----|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------------|----------|
|    |                                     |                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Nhận biết                        | Thông hiểu | Vận dụng |
| 1  | Giới thiệu chung về cơ khí động lực | 1.1. Cấu tạo và vai trò của hệ thống cơ khí động lực<br>1.2. Một số máy móc thuộc cơ khí động lực<br>1.3. Một số ngành nghề phổ biến liên quan đến cơ khí động lực.     | <b>Nhận biết:</b><br>- Trình bày được cấu tạo của các bộ phận của hệ thống cơ khí động lực.<br>- Trình bày được vai trò của các bộ phận của hệ thống cơ khí động lực.<br>- Kể tên được một số máy móc thường gặp thuộc cơ khí động lực.<br>- Nhận biết được một số ngành nghề phổ biến liên quan đến cơ khí động lực.                                                                                                                                      | 7                                |            |          |
| 2  | Động cơ đốt trong                   | 2.1. Khái niệm và phân loại động cơ đốt trong<br>2.2. Cấu tạo của động cơ đốt trong<br>2.3. Một số thông số kĩ thuật cơ bản của động cơ đốt trong<br>2.4. Nguyên lí làm | <b>Nhận biết:</b><br>- Trình bày được khái niệm động cơ đốt trong.<br>- Trình bày được cách phân loại động cơ đốt trong.<br>- Trình bày được một số thông số kĩ thuật cơ bản của động cơ đốt trong.<br>- Trình bày được cấu tạo của thân máy.<br>- Trình bày được cấu tạo của cơ cấu trục khuỷu thanh truyền.<br>- Trình bày được cấu tạo của cơ cấu phân phối khí.<br><b>Thông hiểu:</b><br>- Giải thích được ý nghĩa một số thông số kĩ thuật cơ bản của | 9+(1)                            | 8+(2)      |          |

|                    |  |                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |     |       |  |
|--------------------|--|-------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-------|--|
|                    |  | việc của động cơ<br>đốt trong<br>2.5. Cơ cấu trong<br>Động cơ đốt trong | động cơ đốt trong.<br>- Giải thích được nguyên lí làm việc của động cơ xăng 2 kì.<br>- Giải thích được nguyên lí làm việc của động cơ xăng 4 kì.<br>- Giải thích được nguyên lí làm việc của động cơ diesel 2 kì.<br>- Giải thích được nguyên lí làm việc của động cơ diesel 4 kì.<br>- Phân loại được động cơ đốt trong |     |       |  |
| <b>Tổng số câu</b> |  |                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 16  | 8+(1) |  |
| <b>Tỉ lệ %</b>     |  |                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 50% | 50%   |  |

## XÂY DỰNG MA TRẬN VÀ BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HK2 (2025-2026)

### 1. MA TRẬN ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ II – MÔN CÔNG NGHỆ

- **Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra giữa học kì 2.
- **Thời gian làm bài:** 45 phút.
- **Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận
- **Cấu trúc:** 40% *Nhận biết*; 30% *Thông hiểu*; 30% *Vận dụng*.
- + Phần I. Trắc nghiệm 4 lựa chọn, 1 lựa chọn đúng: 20 câu = 5 điểm
- + Phần II. Trắc nghiệm đúng sai: 2 câu = 8 lệnh hỏi = 2,0 điểm
- + Phần III. Tự luận: 2 câu = 3 điểm.

| TT           | Chương/<br>chủ đề                                            | Nội dung/đơn vị kiến<br>thức                                    | Mức độ đánh giá |      |    |                 |      |    | Tự luận |               |               | Tỉ lệ<br>% điểm |
|--------------|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------|------|----|-----------------|------|----|---------|---------------|---------------|-----------------|
|              |                                                              |                                                                 | TNKQ nhiều LC   |      |    | TNKQ đúng - sai |      |    |         |               |               |                 |
|              |                                                              |                                                                 | Biết            | Hiểu | VD | Biết            | Hiểu | VD | Biết    | Hiểu          | VD            |                 |
| 1            | Chủ đề 1: .<br>Giới thiệu<br>chung về<br>kĩ thuật<br>điện tử | 1.1 khái quát về kĩ thuật<br>điện tử                            | 1               |      |    |                 |      |    |         |               |               |                 |
|              |                                                              | 1.2 Ngành nghề và dịch<br>vụ trong lĩnh vực kĩ<br>thuật điện tử | 2               |      |    |                 |      |    |         |               |               |                 |
| 2            | Chủ đề 2:<br>Linh kiện<br>điện tử                            | 2.1 điện trở-tụ điện-<br>cuộn cảm                               | 3               | 2    | 1  | 2               | 2    |    |         |               | (1)<br>Câu 1  |                 |
|              |                                                              | 2.2. điốt-tranzito và<br>mạch tích hợp ic                       | 3               | 2    |    |                 |      |    |         | (1)<br>Câu 2a | (1)<br>Câu 2b |                 |
| 3            | Chủ đề 3:<br>Điện tử<br>tương tự                             | 3.1. Giới thiệu về điện<br>tử tương tự                          | 2               | 2    |    |                 |      |    |         |               |               |                 |
|              |                                                              | 3.2. Khuếch đại thuật<br>toán                                   | 1               |      | 1  | 2               |      | 2  |         |               |               |                 |
| Tổng số câu  |                                                              |                                                                 | 12              | 6    | 2  | 4               | 2    | 2  |         | 1             | 2             |                 |
| Tổng số điểm |                                                              |                                                                 | 5               |      |    | 2               |      |    | 3       |               |               | 10              |
| Tỉ lệ %      |                                                              |                                                                 | 50              |      |    | 20              |      |    | 30      |               |               | 100             |

**BẢN ĐẶC TẢ TỔNG QUÁT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 2 – MÔN CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ 12**

**NĂM HỌC: 2025 - 2026**

| TT  | Chương/<br>chủ đề                                     | Nội dung/đơn vị<br>kiến thức                              | Yêu cầu cần đạt<br>(Đã được tách ra theo các mức độ)                                                                                                                                     | Số lượng chỉ báo  |          |         |
|-----|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------|---------|
|     |                                                       |                                                           |                                                                                                                                                                                          | Trắc nghiệm       |          | Tự luận |
|     |                                                       |                                                           |                                                                                                                                                                                          | Nhiều<br>lựa chọn | Đúng-Sai |         |
| (1) | (2)                                                   | (3)                                                       | (4)                                                                                                                                                                                      | (5)               | (6)      | (7)     |
| 1   | <b>Chủ đề 1: Giới thiệu chung về kỹ thuật điện tử</b> | 1.1 khái quát về kỹ thuật điện tử                         | <b>Biết:</b><br>- Trình bày được khái niệm kỹ thuật điện tử.                                                                                                                             | 1                 |          |         |
|     |                                                       |                                                           | <b>Hiểu:</b><br>- Tóm tắt được vị trí, vai trò của kỹ thuật điện tử trong sản xuất và đời sống.<br>- Tóm tắt được triển vọng phát triển của kỹ thuật điện tử trong sản xuất và đời sống. |                   |          |         |
|     |                                                       |                                                           | <b>Vận dụng:</b>                                                                                                                                                                         |                   |          |         |
|     |                                                       | 1.2 Ngành nghề và dịch vụ trong lĩnh vực kỹ thuật điện tử | <b>Biết:</b><br>- Nhận biết được một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật điện tử.<br>- Kể tên được một số dịch vụ phổ biến trong xã hội có ứng dụng kỹ thuật điện tử                   | 2                 |          |         |
|     |                                                       |                                                           | <b>Hiểu:</b><br>- Mô tả được một số dịch vụ phổ biến trong xã hội có ứng dụng kỹ thuật điện tử.                                                                                          |                   |          |         |
| 2   | <b>Chủ đề 2: Linh kiện điện tử</b>                    | 2.1 điện trở-tụ điện- cuộn cảm                            | <b>Biết :</b><br>- Trình bày được công dụng của điện trở-tụ điện- cuộn cảm<br>- Trình bày được thông số kỹ thuật của điện trở-tụ điện- cuộn cảm                                          | 3                 | 2        |         |
|     |                                                       |                                                           | <b>Hiểu :</b><br>- Vẽ được kí hiệu của điện trở-tụ điện- cuộn cảm<br>- Nhận dạng được điện trở-tụ điện- cuộn cảm                                                                         | 2                 | 2        |         |
|     |                                                       |                                                           | <b>Vận dụng:</b><br>- Đọc được số liệu kỹ thuật của điện trở-tụ điện- cuộn cảm.<br>- Kiểm tra được một mạch điện tử đơn giản.                                                            | 1                 |          | 1       |

|   |                                   |                                        |                                                                                                                                                                                                                     |               |                |              |
|---|-----------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------------|--------------|
|   |                                   | 2.2. điốt-tranzito và mạch tích hợp ic | <b>Nhận biết:</b><br>- Trình bày được công dụng của điốt-tranzito và mạch tích hợp ic<br>- Trình bày được thông số kỹ thuật của điốt-tranzito và mạch tích hợp ic                                                   | 3             |                |              |
|   |                                   |                                        | <b>Hiểu:</b><br>- Vẽ được kí hiệu của điốt-tranzito và mạch tích hợp ic<br>- Nhận dạng được điốt-tranzito và mạch tích hợp ic                                                                                       | 2             |                | 1            |
|   |                                   |                                        | <b>Vận dụng:</b><br>- Đọc được số liệu kỹ thuật của điốt-tranzito<br>- Kiểm tra được một mạch điện tử đơn giản.                                                                                                     |               |                | 1            |
| 3 | <b>Chủ đề 3: Điện tử tương tự</b> | 3.1. Giới thiệu về điện tử tương tự    | <b>Biết :</b><br>- Trình bày được nội dung cơ bản về tín hiệu của điện tử tương tự.                                                                                                                                 | 2             |                |              |
|   |                                   |                                        | <b>Hiểu:</b><br>- Trình bày được nội dung cơ bản về một số mạch xử lý tín hiệu (mạch khuếch đại, mạch điều chế, mạch giải điều chế) của điện tử tương tự.                                                           | 2             |                |              |
|   |                                   |                                        | <b>Vận dụng:</b>                                                                                                                                                                                                    |               |                |              |
|   |                                   | 3.2. Khuếch đại thuật toán             | <b>Biết:</b><br>– Trình bày được kí hiệu của mạch khuếch đại thuật toán.<br>– Trình bày được nguyên lý làm việc của mạch khuếch đại thuật toán.<br>– Trình bày được ứng dụng cơ bản của mạch khuếch đại thuật toán. | 1             | 2              |              |
|   |                                   |                                        | <b>Thông hiểu:</b><br><b>Vận dụng:</b><br>– Lắp ráp được một mạch điện tử ứng dụng khuếch đại thuật toán..<br>- Kiểm tra được một mạch điện tử ứng dụng khuếch đại thuật toán..                                     | 1             | 2              |              |
|   |                                   |                                        |                                                                                                                                                                                                                     | <b>20 câu</b> | <b>8 ý hỏi</b> | <b>3 câu</b> |